

diễn đàn

Số 43 / 1.7.1995

ISSN 1164-2378

F O R U M



tranh BỬU CHÍ

mục lục

thời sự & những vấn đề

- 1 Tự do cho các ông Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu Diễn Đàn
- 3 Tin tức
- 8 Đối thoại Đỗ Mười & Nguyễn Trung Thành
- 9 Không gian SCHENGEN Nguyễn Quang

Hồ sơ đặc biệt :

- 10 Diễn đàn phỏng vấn LỮ PHƯƠNG
- 16 Hiện trạng kinh tế Việt Nam Nhiều tác giả

văn hoá & nghệ thuật

- 19 Lê Đạt và *Bóng chữ* (2) Đặng Tiến
- 21 Tranh Từ Duy tại Paris Đặng Tiến
- 22 Quy hoạch xây dựng Văn Ngọc
- 25 Văn hoá và Khoa học (2) Hàn Thuý
- 28 Hoa của đất (*truyện ngắn*) Phạm Thị Minh Thu
- 32 Đọc sách của Nguyễn Quang Riệu Hàn Thuý

Tự do cho Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu !

Ngày 13.6 vừa qua, công an Việt Nam đã triệu ông Hoàng Minh Chính (ở Hà Nội) và ông Đỗ Trung Hiếu (thành phố Hồ Chí Minh) tới “ làm việc ”, và ngay hôm sau, đã bắt giam cả hai người, với lý do hết sức mơ hồ là “ hoạt động chống chủ nghĩa xã hội ”. Mười ngày sau, bà Hoàng Minh Chính và bác sĩ Đỗ Thị Văn (vợ ông Hiếu) vẫn không biết chồng mình bị giam ở đâu. Ngay đến cả việc bắt giam hai người, nhà cầm quyền cũng vẫn chưa chịu xác nhận với phóng viên thường trú của hãng AFP tại Hà Nội (AFP, 23.6).

Hai người ấy là ai ? Họ đều là những cán bộ lâu năm của Đảng cộng sản Việt Nam. Đỗ Trung Hiếu (tức Mười Anh) đã hoạt động ở Sài Gòn trong chiến tranh chống Mỹ, và sau năm 1975, được trao nhiệm vụ lãnh đạo cuộc thống nhất các giáo hội Phật giáo. Do các hoạt động đòi dân chủ của ông trong Câu lạc bộ Kháng chiến, bên cạnh các ông Nguyễn Hộ và Tạ Bá Tông, năm 1990, Đỗ Trung Hiếu đã bị bắt giam nhiều tháng trong vụ Mike Morrow (người Mỹ tiến bộ, bị vu khống là “ gián điệp ”) trước khi bị khai trừ khỏi đảng (năm 1992).

Ông Hoàng Minh Chính (tên thật là Trần Ngọc Nghiêm), 75 tuổi, hoạt động cách mạng từ tuổi 17 và đã bị thực dân dày lên Sơn La. Chính tại đây, ông đã gia nhập Đảng cộng sản : mĩa mai thay, giới thiệu ông vào đảng là ông Lê Đức Thọ, người 30 năm sau đã đích thân ký lệnh bắt giam ông, mở đầu một đoạn đời vất vả nhiều lần bằng 11 năm tù và 9 năm quản chế (Diễn Đàn số 23). Trước năm 1967, ông đã liên tục giữ nhiều trọng trách : tổng thư ký Đảng dân chủ, tham gia quân đội kháng chiến (được tướng Giáp gắn huân chương sau chiến công Gia Lâm), lãnh đạo Đoàn thanh niên Cộng sản, viện trưởng Viện triết học. Từ năm 1967, tên ông gắn liền với “ vụ án xét lại chống Đảng ”, mà nạn nhân trực tiếp là hơn 30 cán bộ cao và trung cấp (4 uỷ viên Trung ương, 1 thiếu tướng, 4 vụ trưởng, 3 đại tá), cùng hàng trăm bạn bè, quyến thuộc, như đã được nêu rõ trong lá thư của ông Nguyễn Trung Thành (DD số 41), cán bộ 37 năm làm việc trong Ban tổ chức Trung ương, dưới quyền của ông Lê Đức Thọ. Qua chúng tôi trực tiếp của nhiều người bị bắt giam trong vụ án chính trị này (đặc

(xem tiếp trang 7)

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường
Sống liên tập: Trần Hải Hạc
Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Vân, Hoà Vân

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, Tel [1] 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme de juillet 1995

EXPOSITION DE PEINTURE :

Nguyễn Đức Hoà

du 6 au 31 juillet (vernissage : samedi 8 juillet, à 18h)

EXPOSITION DE PHOTO:

AGNES SCHWAB : VISAGES DU VIETNAM

du 1er au 31 juillet (vernissage : samedi 8 juillet, à 18h)

FERMETURE ANNUELLE : du 1er au 31 août 1995

Voyages au Vietnam

15 jours : 12 500 F

Départs : 23.8.95, 27.10.95, 3.11.95

12 jours : 11 700 F

Départ : 2.9.95

hébergement (hôtels 1ère catégorie), pension complète, transports aériens (vols réguliers), assurances, soirées-spectacles... [groupes de 16 à 25].

Contactez :

Les AMIS du VIETNAM et de l'ASIE,

Association culturelle loi 1901

Agrément de Tourisme n° AG 075 95 0002

Spécialiste du Vietnam et de l'Indochine

Organisation des Congrès, voyages d'études, circuits aventure... sur mesure

Siège : 2, Square de la Salamandre, 75020 PARIS

Tél : (1) 44 24 08 76

Fax : (1) 45 86 25 05

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng **bạn đọc ở Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trường mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 60 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo Diễn Đàn.

Séjour au **Manoir d'Aubonne (Đã thự Cam Tuyền)** dans un grand parc privé dominant la mer à Trouville-Deauville (2 h de Paris par autoroute). **Hội Văn hoá và Giáo dục** cho mượn 5 appartements đủ tiện nghi cho năm người với giá : 2 100 F par semaine par appartement de 5 personnes và nếu còn chỗ 400 F một đêm, 600 F hai đêm.

Ra viếng Cam Tuyền là giúp cho đã thự trở thành nơi gặp gỡ của cộng đồng, của những ai gắn bó với văn hoá và tương lai nền giáo dục Việt Nam, độc lập với mọi suy tính về chính trị.

Liên lạc : Nghiêm Xuân Hải, 38 rue de Lozère, 91400 ORSAY, tél : (1) 60 10 42 25.

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Dự phóng kinh tế Việt Nam 1996 : tốc độ tăng trưởng cao nhất châu Á

Theo những dự đoán của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đưa ra vào đầu tháng 4 vừa qua, với tốc độ 7,6 % và 7,4 % trong các năm 1995 và 1996, khu vực Đông Nam Á sẽ đạt mức tăng trưởng cao nhất thế giới. Và trong khu vực này, nền kinh tế Việt nam sẽ đứng đầu với 8,5 % (1995) và 9 % (1996), sau đó là Thái Lan (8,6 và 8,5 %), Malayxia (8,5 và 8 %), Indonexia (7,5 % trong cả hai năm), Campuchia (từ 7 đến 8 %), Lào (từ 6 đến 7 %), Philippin (5,5 và 5 %).

Tổ chức Asia Foundation Center cũng đã phổ biến những tiên đoán kinh tế cho năm 1996, theo đó Việt Nam sẽ là nước có mức độ tăng trưởng nhanh nhất ở châu Á với 9,5 %, trong khi tốc độ phát triển của khu vực có xu thế giảm xuống còn 4 %. Bản báo cáo còn cho rằng, những năm gần đây, Trung Quốc là nước dẫn đầu sự phát triển kinh tế ở châu Á, song Việt Nam sẽ thay thế Trung Quốc ở vị thế này từ năm 1996.

Cuối tháng 5 vừa qua, chính phủ Tokyo đã cho công bố một bản báo cáo của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA nghiên cứu việc ổn định hóa và phát triển dài hạn của nền kinh tế Việt Nam. Đối với việc ổn định hóa nền kinh tế, JICA ủng hộ chương trình tự do hóa kinh tế gọi là "điều chỉnh cơ cấu" mà chính phủ Việt Nam đã thỏa thuận với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB). Tuy nhiên bản phúc trình cho rằng những cơ sở của việc ổn định đạt được tới nay chưa được hình thành vững chắc, và nêu lên những hạn chế đáng lo ngại : tình trạng đô la hóa của nền kinh tế, tỷ lệ tiết kiệm nội địa còn kém cỏi, gánh nặng của nợ nước ngoài, sự thâm thủng cán cân ngoại thương. Để thoát khỏi những hạn chế này, JICA đưa ra khuyến cáo " cực kỳ quan trọng là phát triển kinh tế dài hạn phải được tiến hành có sự điều phối cẩn thận của chính phủ và khi cần thiết, thậm chí có sự can thiệp của chính phủ ".

Nói đến việc phát triển dài hạn của kinh tế Việt Nam, JICA khuyến cáo " ưu tiên hàng đầu " phải dành cho nông nghiệp và nông thôn, khẩn cấp nhất là ở miền Bắc và miền Trung là nơi tỷ lệ đói nghèo trong nông dân cao nhất. JICA còn chủ trương sử dụng sự phát triển nông nghiệp và nông thôn như một " đòn bẩy " cho công cuộc công nghiệp hóa. (Lao Động 11.4, Tuổi Trẻ chủ nhật 4.6, Phụ Nữ TPHCM 7.6.95)

• Nhật sẽ trợ giúp kỹ thuật cho nhà nước Việt Nam cải tiến công tác kế hoạch trong các lĩnh vực kinh tế. Một hội đồng tư vấn về chính sách thuế khoá, tài chính, công nghiệp, gồm các chuyên viên cao cấp hai nước sẽ thảo luận và đề đạt những chiến lược xây dựng các qui tắc kinh tế, các cải tổ về cơ cấu và sự phát triển dài hạn. Chính phủ Nhật sẽ đóng góp mỗi năm 2 triệu đôla cho chương trình 2 năm này.

Những vùng đói nghèo nhất nước

Theo số liệu điều tra của bộ lao động, thương binh và xã hội, bốn khu vực đói nghèo nhất nước hiện nay là : khu 4 cũ (37 % hộ nghèo và 10,1 % hộ đói), Tây Nguyên (19,5 % hộ nghèo và 12 % hộ đói), trung du miền núi Bắc bộ (27 % hộ nghèo và 4,3 % hộ đói), duyên hải miền Trung (24,2 % hộ nghèo và 4,2 % hộ đói). Cuộc điều tra còn cho biết Việt Nam có hơn 70 % nhà tranh vách đất, và 12% hộ đói nghèo đang sống trong lều lán.

Tiêu chuẩn xác định hộ đói nghèo là thu nhập bình quân dưới 13 kg gạo/tháng/người (hộ nghèo) và dưới 8 kg/tháng/người (hộ đói). (Lao Động 4.6.95)

Kinh tế lên cơn sốt : tốc độ lạm phát 20 %

Theo số liệu của ban vật giá chính phủ, trong 5 tháng đầu năm 1995, chỉ số giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đã tăng 10,5 %. Một số mặt hàng có mức giá tăng cao là vật liệu xây dựng (25 %), lương thực (17 %), thực phẩm (18%), dịch vụ phục vụ sinh hoạt (7,5 %), chất đốt (7%), văn hóa phẩm (6 %). Hai mặt hàng có chỉ số giá tăng nhẹ nhất là đô la (0,3 %) và vàng (0,6 %).

Nếu so với tháng 5.1994, chỉ số giá cả đã tăng 19,4 %. Mức tăng giá ở Hà Nội cao hơn ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Chính phủ đã đặt việc bình ổn giá là nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến cuối năm. Song chính phủ lại quyết định điều chỉnh, bắt từ đầu tháng 6, giá hai mặt hàng quan trọng do nhà nước quản lý : điện (tăng bình quân 50 đồng/kwh, khoảng 10 %) và nước (tăng 1000 đồng/m³, khoảng 60 %). Ngoài ra sau các cơn sốt gạo, giấy, xi măng, mọi người đều chờ đợi một số mặt hàng khác sẽ khan hiếm - thật sự hay giả tạo - vào mùa hè, trong đó có phân bón và đường.

Xu hướng trượt giá hiện nay đã buộc chính phủ phải ngưng thi hành quyết định hạ lãi suất cho vay ngắn hạn từ 2,1 %/tháng xuống 1,92 %/tháng. Đưa ra ngày 26.5, quyết định này đã bị huỷ bỏ một tuần lễ sau. (Tuổi Trẻ 30.5, 1-4 và 8.6.95; Lao Động 16.5 và 6.6.95; Thời báo kinh tế Sài Gòn 8.6.95)

Điều lệ về trật tự và an toàn giao thông

Chính phủ đã ban hành nghị định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đô thị, có hiệu lực từ ngày 1.8 sắp đến. Bản điều lệ giao thông từ nay nghiêm cấm : lái xe không có bằng hay khi say rượu, đua xe bất hợp pháp ; sử dụng các loại xe không bảo đảm an toàn kỹ thuật, gây ô nhiễm môi trường ; lấn chiếm hành lang lưu thông, sử dụng mặt đường làm sân phơi lúa, để vật liệu xây dựng hay họp chợ.

Bản điều lệ còn nêu một số nguyên tắc " mới ":

– xử phạt công bằng, căn cứ vào lỗi người vi phạm, thay vì căn cứ vào loại phương tiện sử dụng (đến nay, khi đụng nhau thì người có phương tiện lớn hơn lãnh phần lỗi) ;

– khi phạt vi phạm, cảnh sát giao thông không được thu tiền tại chỗ, tiền phạt sẽ do người vi phạm trực tiếp nộp cho cơ quan tài chánh (bộ trưởng nội vụ còn hứa, nếu bắt được một cảnh sát giao thông nhận từ 5.000 đồng trở lên thì sẽ bắt giam và tước quân hàm ngay) ;

— nếu cầu đường hư hỏng mà không có báo hiệu, để cho xảy ra tai nạn, người quản lý giao thông có thể bị truy tố trước pháp luật.

Theo thống kê của bộ nội vụ, trong năm 1994, đã xảy ra gần 14 000 vụ tai nạn đường bộ (tăng 150 % so với năm 1989), làm gần 5 000 người chết và hơn 10 000 người bị thương tật suốt đời. (Tuổi Trẻ 30.5 và 8.6.95; Lao Động 11.6.95)

Chống ma tuý

Việt Nam và Hoa Kỳ đã thoả thuận hợp tác đấu tranh chống ma tuý. Thoả thuận được thông qua ngày 13.6, trong chuyến đi Hà Nội của ông Robert Gelbard, thứ trưởng ngoại giao Mỹ phụ trách các vấn đề ma tuý quốc tế. Theo ông Gelbard, 60 % ma tuý tiêu thụ tại Mỹ có nguồn gốc ở vùng “ Tam giác Vàng ”, được chuyển đi qua các nước giáp giới, trong đó có Việt Nam. Theo thoả thuận, Mỹ sẽ gửi sang Việt Nam các chuyên viên hải quan trong lĩnh vực này, cũng như những tình báo viên thuộc Vụ ma tuý (DEA) để mở đầu cuộc hợp tác về mặt kỹ thuật.

Hải quan Việt Nam đã mua của Mỹ những máy dò ma tuý và chất nổ có khả năng nhận ra trong 5 giây 30 loại ma tuý và 30 thứ chất nổ khác nhau. Hai sân bay quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất đã được trang bị các máy này từ đầu tháng 6. Báo chí Việt Nam gần đây đưa nhiều tin tức về những vụ bắt giữ các con buôn ma tuý. Ngày 20.6, cảnh sát Hà Nội đã khám phá được một đường dây buôn ma tuý, bắt giữ nhiều con buôn và nửa kilô heroin, 65 kilô thuốc phiện cô đặc. Trước đó một tuần, cảnh sát Nghệ An cũng đã bắt giữ hai con buôn và tịch thu 36 kilô thuốc phiện. Trong năm qua, gần 500 con buôn đã bị bắt với 15 kilô heroin, 282,5 kilô thuốc phiện và 327 kilô ma tuý các loại khác bị tịch thu. Ngày 20.6, một công dân Hồng Kông, Wong Chi-Sing, bị tuyên án tử hình cách đây hai năm sau khi bị bắt quả tang mang trên người 5 kilô heroin tại sân bay Tân Sơn Nhất, đã bị hành quyết. Mặt khác, một công dân Mỹ và hai công dân Thái Lan bị bắt năm 1994 với 2 000 kilô cần sa (marijuana) cũng chuẩn bị ra toà trong tuần tới. (AFP 13, 20 và 21.6.1995)

• Theo báo South China Morning Post ngày 17.5, sự mở rộng thông thương ở vùng biên giới Trung - Việt trong một nền kinh tế thị trường đã kéo theo việc hàng loạt trẻ em bỏ học đi chạy việc, và từ đó hiện tượng trẻ em tiêu thụ ma tuý đang tăng nhanh. Tờ báo thuật lời một viên chức của tỉnh Lạng Sơn xác nhận rằng một cuộc điều tra mới đây về 380 trường hợp người nghiện đã cho thấy có tới 10 % là trẻ em ở tuổi trung và cả tiểu học, thấp nhất là 9 tuổi.

Việt - Mỹ : bình thường hoá trước cuối năm ?

Nửa đầu tháng 6, lại đồn dập nhiều tin tức về khả năng bình thường hoá quan hệ Việt - Mỹ. Ngày 13, thượng nghị sỹ đảng Cộng hoà John McCain tuyên bố ông được biết bộ trưởng ngoại giao Christopher Warren đã đề đạt lên tổng thống Bill Clinton việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam. Tin này cũng được một số quan chức cao cấp của bộ ngoại giao xác nhận, tuy nhiên người phát ngôn

Nhà Trắng Michael McCurry cho biết các cố vấn của tổng thống sẽ thảo luận về đề nghị này trong mùa hè. Về phần thượng nghị sỹ McCain, ông nói sẽ cùng các thượng nghị sỹ đảng Dân chủ Bob Kerrey và John Kerry soạn thảo và trình trước thượng nghị viện trong tháng 7 tới một nghị quyết khuyến cáo chính phủ lấy quyết định này. Theo ông, việc này cần được tiến hành trước cuối năm nay, để không bị ảnh hưởng bởi cuộc tranh cử tổng thống vào năm tới. Khuyến nghị của thượng nghị viện, nếu được thông qua, sẽ là một “ ô dù chính trị ” quan trọng giúp tổng thống vượt qua những sức ép trong chiều hướng ngược lại. Các ông McCain và John Kerry đều từng là cựu chiến binh được huân chương trong chiến tranh Việt Nam, trong khi Bill Clinton ở trong thế yếu vì đã không đi quân dịch trong lúc chiến tranh.

Ngày 14.6, trong một cuộc họp báo sau khi tiếp tân tổng thống Pháp Jacques Chirac, Bill Clinton cho biết ông sẽ lấy quyết định sau khi các chuyên viên của Nhà Trắng đã xem xét xong những tài liệu mới về các quân nhân Mỹ bị cầm tù hoặc mất tích trong chiến tranh (POW/MIA) mà thứ trưởng Lê Mai đã trao cho dân biểu Bill Richardson ngày 1.6 khi ông này tới Hà Nội. Theo tổng thống Clinton, Hà Nội đã hợp tác tích cực “ như chưa bao giờ làm ” trong vấn đề này. Một nhận định mà ông đã có dịp nhấn mạnh hơn hai tuần trước, trong ngày lễ Memorial Day 29.5 (ngày cựu chiến binh) tại Washington, sau khi nghe báo cáo của đoàn đặc nhiệm mà ông đã gửi sang Việt Nam giữa tháng 5 (xem ĐĐ số 42).

Người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam, bà Hồ Thế Lan đã ghi nhận những tin tức nói trên là “ tích cực ”. Tuy nhiên, gián tiếp thừa nhận sự tế nhị trong chính trị nội bộ Mỹ về vấn đề POW/MIA, bà Lan nói tiếp rằng Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục tăng cường sự cộng tác với Mỹ dù cho tổng thống Clinton quyết định chưa nối lại quan hệ ngoại giao trước cuộc bầu cử năm tới.

Sức ép của phe chống nối lại quan hệ ngoại giao với Việt Nam cũng đã được thể hiện trong những ngày đầu tháng 6, khi một cựu dân biểu Mỹ, ông Bill Hendon đã dàn cảnh một cuộc tuyệt thực trói mình vào cổng Văn phòng phụ trách MIA tại Hà Nội, để đòi các quan chức Mỹ của Văn phòng phải đi điều tra về một “ nhà tù ngầm ” ở xã Hưng Hoá, huyện Tam Thanh, phía tây Bắc Hà Nội, nơi “ Việt Nam tiếp tục giam giữ khoảng 300 tù nhân chiến tranh Mỹ ”. Theo đại tá Melvin Richmond, trưởng văn phòng MIA tại Hà Nội, cuộc điều tra (được tiến hành trong hai ngày 17-18.6) không cho thấy một dấu hiệu nào về những lời tố cáo của ông Hendon. (tổng hợp nhiều tin các thông tấn xã AP, AFP, Reuter 29.5 - 20.6.1995)

• Tin từ Hà Nội cho biết chủ tịch Lê Đức Anh có ý định nhận lời mời của tổng thư ký Liên hiệp quốc Boutros Boutros-Ghali sang New York dự khoá họp thứ 50 của Hội đồng Liên hiệp quốc vào tháng 10 tới. Mặt khác, tổ chức Ford Foundation đã bỏ ra 300 000 đôla cho một chương trình mời một số quan chức cao cấp Việt Nam sang thăm Mỹ trong 9 tháng tới. Người đầu tiên là ông Vũ Khoan, thứ trưởng ngoại giao, đã tiến hành chuyến đi từ 5 tới 15.5. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng đã được mời, nhưng chưa quyết định nhận lời.

Quan hệ với Tây Âu

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã rời Hà Nội ngày 27.5 để thực hiện một chuyến đi dài thăm chính thức Lục Xâm Bảo (28-30.5) và 4 nước Bắc Âu : Đan Mạch (30-31.5), Na Uy (1-3.6), Phần Lan (3-6.6) và Thụy Điển (6-8.6). Đây là lần thứ hai ông Kiệt đi thăm các nước Tây Âu. Lần trước, vào cuối tháng 6, đầu tháng 7 năm 1993 (xem ĐĐ các số 21 và 22), ông đã tới Pháp, Đức, Bỉ và Anh. Với cùng một mục đích : “ *phát triển các quan hệ hợp tác song phương và trao đổi kinh tế* ”. Cùng đi với thủ tướng, có các bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm, tài chính Hồ Tế, và một đoàn 17 doanh nhân. Về mặt chính trị, các nước Bắc Âu (trừ Na Uy) đã tiếp tục viện trợ cho Việt Nam ngay trong thời kỳ trước khi Việt Nam “ *đổi mới* ” và nối lại được quan hệ bình thường với cộng đồng thế giới, và do đó giữ được nhiều cảm tình từ Hà Nội. Tuy nhiên, trao đổi kinh tế và thương mại giữa các nước này với Việt Nam còn ở mức khá khiêm tốn. Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam với Đan Mạch mới đạt 67 triệu đôla trong năm qua. Các nước khác còn ít hơn. Về mặt đầu tư, Đan Mạch cũng đứng đầu, nhưng chỉ với 45 triệu đôla. Kết quả đáng kể nhất của chuyến công du lần này của thủ tướng Võ Văn Kiệt, đó đó, phải kể các hợp đồng đầu tư 2,5 tỷ của-ron Thụy Điển (347,2 triệu đôla) mà hai đại công ty Eriksson và Comvik ký kết với Bưu điện Việt Nam ngày 8.6 để giúp Việt Nam phát triển hệ thống viễn thông trong 10 năm tới. Một số hợp đồng đầu tư khác cũng được ký kết trong các lĩnh vực may mặc và xây dựng hàng hải, nâng tổng vốn đầu tư của các công ty Thụy Điển lên trên mức 3 tỷ của-ron (416,6 triệu đôla).

Ngày 1.6, Liên hiệp châu Âu (EU) và Việt Nam đã ký tắt hiệp định khung về hợp tác kinh tế, sau hơn một năm bị trì hoãn về bất đồng trong những điều khoản về “ *bảo vệ nhân quyền* ” (ĐĐ số 33) và rồi vì những khó khăn trong cuộc thương lượng Việt - Đức về việc nhận hồi hương cho những Việt kiều không được phép cư trú tại Đức (ĐĐ số 41). Theo người phát ngôn bộ ngoại giao Pháp (hiện là nước chủ tịch EU), Việt Nam đã chấp nhận ghi vào lời nói đầu của hiệp định, ngoài những nguyên tắc dân chủ và bảo vệ nhân quyền, như đã thoả thuận năm ngoái, vấn đề hồi hương của người tị nạn. Hiệp định đặt khuôn khổ cho việc tăng cường viện trợ của EU giúp Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường (về các mặt tài chính, kỹ thuật...), và việc phát triển các mối quan hệ ngoại thương giữa hai bên, trong đó có việc EU dành cho Việt Nam quy chế tối huệ quốc dù Việt Nam chưa là thành viên của Tổ chức Mậu dịch quốc tế. (AFP 29.5, 1 và 7.6.1995)

Hà Lan tăng cường quan hệ với Việt Nam

Thủ tướng Hà Lan Wim Kok đã tới thăm chính thức Việt Nam trong ba ngày 12-14.6.1995. Ông là vị nguyên thủ đầu tiên của Hà Lan tới thăm Việt Nam từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1973. Trong 4 năm 1991-94, Hà Lan đã viện trợ 90 triệu đôla cho Việt Nam, dành cho các công trình hạ tầng cơ sở, y tế và giáo dục, và đầu năm nay lại đã xoá sổ cho Việt Nam những món nợ chưa trả trước năm 1993, tổng cộng 9,4 triệu đôla. Các công ty Hà Lan đã

đầu tư hơn 430 triệu đôla trong 19 dự án phát triển các ngành dầu mỏ, ngân hàng, công nghiệp lương thực thực phẩm... Trao đổi thương mại giữa hai nước tăng nhanh trong những năm qua, lên tới 96,5 triệu đôla năm 1995. Việt Nam xuất siêu sang Hà Lan, với những mặt hàng may mặc, giày dép, hải sản và cà phê, để nhập vào các hoá chất, máy móc và sản phẩm từ sữa.

Trong cuộc họp báo sau chuyến đi, ông Kok cho biết những đề tài chính của các cuộc đàm thoại giữa ông và các nhà lãnh đạo Việt Nam (chủ tịch Lê Đức Anh, tổng bí thư Đỗ Mười và thủ tướng Võ Văn Kiệt) là các quan hệ kinh tế và vấn đề an ninh trong vùng. Hai bên đã ký kết một loạt nhiều dự án viện trợ tài chính cho các ngành y tế, bảo vệ rừng và môi trường, cung cấp nước, đồng thời tuyên bố chung là sẽ tiến hành thảo luận để ký một hiệp định khung làm cơ sở pháp lý để phát triển quan hệ kinh tế - tài chính. (AFP 12-14.6.1995)

Cúp điện

Khách đi Việt Nam trở sang trong những tháng gần đây lại phản ánh nhiều về việc liên miên bị cúp điện ở thành phố Hồ Chí Minh. Theo tờ Vietnam News ngày 20.6, một báo cáo chính thức cho biết những lần cúp điện trên cả nước đã tăng 16 % so với năm ngoái. Trả lời phỏng vấn của báo Lao Động, bộ trưởng năng lượng Thái Phụng Nê cho rằng “ *Cần một số vốn khổng lồ để cải thiện và nâng cấp đường dây điện thế nhỏ và vừa. Khi công việc này chưa hoàn thành, việc cúp điện còn tiếp tục xảy ra* ” (dịch lại từ tiếng Pháp). Theo ông Nê, cúp điện sẽ còn nhiều hơn trong những năm trước mắt, khi các nhà máy thuỷ điện Yali, nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 và nhà máy điện khí đốt Phù Mỹ, dự trù cho 1998, 99, chưa hoàn thành. Ông ước lượng điện năng của Việt Nam đã tăng 19,6 % so với năm ngoái, nhưng nhu cầu của công nghiệp còn tăng nhanh hơn, và cần mỗi năm khoảng 1 tỷ đôla từ đây tới năm 2005 để nâng cấp hạ tầng cơ sở. Những nhà máy biến thế cũ và hư hỏng không được sửa chữa kịp thời đã không cho phép tận dụng nguồn điện do đường dây cao thế bắc - nam đưa từ Sông Đà vào.

Những khiếm khuyết trong việc cung cấp điện và nước cũng đang làm đau đầu công ty Hàn Quốc Daewoo Corp., chủ nhân một công trình địa ốc lớn liên doanh với Hanoi Electronics, gồm một khách sạn 411 phòng và khu nhà ở 193 căn hộ với một toà nhà kinh doanh 18 tầng, ở Hà Nội. Công đoạn đầu của công trình sẽ hoàn thành trong tháng 6 này, trước kế hoạch 9 tháng, một kỷ lục ở Việt Nam, nhưng theo ông Ninh Văn Miên, tổng giám đốc Hanoi Electronics, tốc độ xây dựng sẽ bị chậm lại vì các vấn đề cung cấp điện nước.

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã quyết định cho Việt Nam vay 80 triệu đôla với lãi suất 1 % /năm trong 40 năm, ước lượng là khoảng 70 % kinh phí xây dựng các trạm biến thế và trang bị đường dây cung cấp điện cho ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Mặt khác, các công ty điện Việt Nam cũng được hưởng một khoản viện trợ kỹ thuật của ADB khoảng 1,4 triệu đôla để đào tạo cán bộ và cải thiện công tác quản lý tài chính. (AFP 9, 11 và 20.6.1995)

Nhà lưu niệm Bùi Xuân Phái

Ngày 18.5, một nhà lưu niệm Bùi Xuân Phái đã được khánh thành tại Thành phố Hồ Chí Minh (tại số 14 đường Lý Chính Thắng, quận 3). Đó là công sức của nhà sưu tập Trần Hậu Tuấn cùng gia đình của họa sĩ Bùi Xuân Phái và bè bạn. Như một dạng bảo tàng, nhà lưu niệm trưng bày nhiều tác phẩm quan trọng của Bùi Xuân Phái trong các thời kỳ cùng với các di vật của nhà danh họa.

Đây cũng là bảo tàng tư nhân đầu tiên về một tác gia lớn của hội họa Việt Nam hiện đại, được xây dựng tại Việt Nam. (Tuổi Trẻ 20.5.95)

TIN NGẮN

• Những biện pháp **cải tổ hành chính** đầu tiên đã được thi hành từ cuối tháng 5 vừa qua. Tổng cục hải quan trước kia độc lập, nay được đặt vào bộ tài chính. Tổng cục hàng không dân dụng từ bộ giao thông được chuyển sang phủ thủ tướng. Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài, trước đây là cơ quan thuộc chính phủ, nay sẽ trực thuộc bộ trưởng ngoại giao. Theo một nguồn tin thông thạo, quyết định cuối cùng này không phải không liên quan đến thế bấp bênh của ông Nguyễn Ngọc Trân ở vị trí chủ nhiệm ủy ban.

• Một quyết định ngày 15.5 của bộ trưởng thủy lợi Nguyễn Cảnh Dinh cho rằng **đê Yên Phụ - Nhật Tân** (Hà Nội) “*có khả năng chịu được các loại nhà hiện có*” (sic) trong phạm vi từ 5 m cách chân đê đến hết hành lang bảo vệ đê (25 m). Trong phạm vi này, và sau khi nộp hồ sơ xây dựng để bộ thủy lợi kiểm tra ổn định, **các nhà đã vi phạm pháp lệnh đê điều sẽ không bị buộc phải dỡ bỏ** (kể cả những nhà 3 tầng trở lên).

• Một cuộc khảo sát về **nước cung cấp cho các đô thị** cho biết 50 % lượng nước bị rò rỉ và khoảng 80 % không đủ tiêu chuẩn vệ sinh.

• Một liên doanh giữa bộ nội vụ Việt Nam và công ty Nhật Kotobuki đã bắt đầu cung cấp các dịch vụ cho thuê vệ sĩ, nhân viên bảo vệ và lắp đặt thiết bị an ninh. Đây là công ty **dịch vụ an ninh đầu tiên ở Việt Nam**.

• Một liên doanh giữa Bệnh viện Gia Định và công ty Hoa Kỳ Sven Medical Services sẽ xây dựng một bệnh viện quốc tế tại Long Bình (Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh). Đây là **liên doanh trong lĩnh vực bệnh viện đầu tiên ở Việt Nam** (với vốn đầu tư 22,7 triệu đô la).

• Theo đại diện của công ty Pháp Alcatel tại Đông Nam Á, một **vệ tinh viễn thông** Việt Nam mang tên **Vinalsat** sẽ được phóng lên vũ trụ, có thể vào năm 1997. Alcatel hy vọng sẽ được chính phủ Việt Nam giao phó thực hiện công trình này nhằm phục vụ hội nghị thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp sẽ họp cùng năm đó tại Hà Nội.

• Trong kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học tháng 6 vừa qua ở Hà Nội, đã xảy ra hiện tượng **lộ đề thi** trong hai môn toán và vật lý. Đây là **lần thứ tư** liên tiếp Hà Nội có trường hợp lộ đề thi tú tài.

• Nhà văn Ly Lan đã **rút tên khỏi Hội nhà văn** Thành phố Hồ Chí Minh để phản đối thái độ của ban thư ký hội đã

làm cho bà không được đi sang Hoa Kỳ để đọc tác phẩm theo lời mời của trường đại học California.

• Tổ chức Mỹ Ford Foundation đã quyết định tài trợ 100 000 đô la cho một dự án **biên dịch và xuất bản** tại Việt Nam **10 quyển sách nghiên cứu khoa học xã hội** của thế giới do những giáo sư Việt Nam và nước ngoài cùng chọn. Điều phối dự án này là các ông Philip Taylor (trường Đại học quốc gia Úc) và Phan Huy Lê (chủ tịch Hội khoa học lịch sử Việt Nam).

• Bà Võ thị Liên, người sống sót sau vụ thảm sát **Sơn Mỹ** (Quảng Ngãi), đã từ trần ngày 31.5 vừa qua, sau một cơn đau tim. 504 người đã mất trong vụ thảm sát này do quân đội Hoa Kỳ gây ra ngày 16.3 1968. Võ thị Liên lúc ấy 13 tuổi.

• Sau khi đã đi thăm Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc và Hồng Kông năm ngoái, chuyến **du hành** thứ hai thăm các nước châu Á của thủ tướng Đức **Helmut Kohl** vào tháng 11 năm nay sẽ dẫn ông tới Việt Nam, Malaixia trước khi trở lại Trung Quốc.

• Phát biểu về quyết định tiến hành lại các cuộc thí nghiệm **vũ khí nguyên tử** của tổng thống Pháp Chirac, người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam cho rằng “*đáng tiếc là một quyết định như vậy đã được lấy vừa sau hội nghị quốc tế về Hiệp ước không tăng vũ khí nguyên tử* (Traité de non-prolifération nucléaire) ”.

• Úc đã quyết định giúp Việt Nam 16.2 triệu đôla Úc (11 triệu đôla Mỹ) cho một chương trình 5 năm **chống sốt rét**. Tập trung vào 4 tỉnh miền núi, chương trình sẽ bao gồm việc đào tạo cán bộ y tế, cung cấp thuốc men, mùng mền và thông tin về các biện pháp phòng chống bệnh cho dân.

• Hai công ty Mỹ Berger International Inc. và De Leuw Crater International Ltd đã trúng thầu các công trình xây dựng lại **con đường số 1**, các đoạn Hà Nội - Vinh và Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ. Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng phát triển châu Á là nguồn viện trợ chính của Việt Nam cho các dự án này.

• Công ty Hồng Kông Dragon Properties đã chấp nhận **thiết kế lại dự án khách sạn Hanoi Plaza** tại trung tâm Hà Nội, bên bờ hồ Hoàn Kiếm. Được cấp giấy phép đầu tư từ năm ngoái, việc xây dựng khách sạn 20 tầng này đã không thể khởi công vì sự chống đối của dư luận được Văn phòng kiến trúc sư trưởng Hà Nội hỗ trợ. Dragon Properties đã phải nhận chỉ xây một toà nhà 5 tầng, tôn trọng cảnh quan kiến trúc của trung tâm thành phố.

• Theo bộ Lao Động, chỉ riêng trong ba tháng đầu năm nay, 14 000 người Việt Nam đã **đi lao động ở nước ngoài**, chủ yếu là ở các nước châu Á và Trung Đông. Trong các năm trước, con số này là 811 người năm 1992, 3 956 người năm 1993 và 9 234 người năm 1994.

• Ông Nguyễn Như Viên, 61 tuổi, giáo sư tại đại học Tiaret, vùng tây nam **Algérie**, đã bị một nhóm khủng bố ám sát ngày 12.6.1995. Ông Viên là người Việt Nam thứ ba làm việc tại Algérie đã bị giết trong cuộc nội chiến hiện nay tại đây. Ngoài các nhân viên ngoại giao, hiện còn 42 người Việt Nam làm việc trong các lĩnh vực y tế, giáo dục tại Algérie.

TỰ DO

(tiếp theo trang 1)

• Nhóm công ty Pháp trong lĩnh vực xuất bản và truyền thông **Hachette Filipacchi Presse** đã mua cổ phần tham gia vào một công ty liên doanh giữa **Excelsior Publications**, một công ty Pháp khác, và Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, để nâng cấp tạp chí tiếng Pháp **Vietnam Scoop** hiện ra mỗi tháng hai lần, khoảng 4 000 số.

• Một lần nữa, **bạo động** đã nổ ra ở các trại tị nạn. Thuyền nhân Việt Nam ở trại **Sungai Besi**, gần **Kuala Lumpur** (Malaysia), ngày 5.6, và ở trại **High Island**, **Hồng Kông**, ngày 8.6, đã chống lại cảnh sát tới đưa họ sang một nơi tập trung chuẩn bị hồi hương. Tin hạ nghị viện Mỹ vừa thông qua một nghị quyết đòi chính phủ ngưng trợ cấp cho chương trình hồi hương, thay vào đó tiếp nhận thêm thuyền nhân vào Mỹ, đã tiếp thêm vũ khí cho những người nhất định không chịu trở về nước dù không được nước thứ ba nào cho định cư. Ít có khả năng thượng nghị viện Mỹ cũng sẽ thông qua nghị quyết nói trên.

• Một cuộc **tranh chấp** về đánh cá giữa ngư dân **Việt Nam** và **Thái Lan** trên vùng biển biên giới hai nước đã dẫn tới nổ súng giữa các tàu tuần doanh Việt Nam và tàu hải quân Thái, làm hai ngư dân Việt Nam thiệt mạng, một bị thương. Phía Thái, một người bị chết, 5 tàu đánh cá với 61 ngư dân bị bắt giữ. Hai bên đang trong quá trình thương lượng để giải quyết những tranh chấp này.

• Một cuộc điều tra về **kế hoạch hoá gia đình**, dưới sự bảo trợ của Quỹ dân số Liên hiệp quốc, cho biết khả năng sinh sản của một phụ nữ Việt Nam đã hạ từ 3,8 con cách đây 5 năm xuống còn 3.1. Trung bình, gia đình lý tưởng đối với phụ nữ Việt Nam năm 1989 có 3,3 đứa con, năm 1994 xuống còn 2,8 đứa. Con số này chỉ còn là 2,3 nếu chỉ tính những trả lời của các phụ nữ mới lập gia đình trong năm. Khoảng 65 % các gia đình sử dụng những phương pháp ngừa thai, nhưng chỉ có 2 % phụ nữ dùng thuốc viên ngừa thai (pilule).

• Quỹ thế giới bảo vệ tự nhiên (WWF) đã cùng bộ lâm nghiệp Việt Nam tổ chức tại Hà Nội giữa tháng 6 một hội thảo chuyên đề về con voi. Theo hội thảo, trong vòng 15 năm qua, **80 % voi ở Việt Nam đã bị mất đi** và hiện nay cả nước chỉ còn khoảng từ 350 đến 500 con, tập trung ở các tỉnh **Nghệ An** và **Đắk Lắk**.

• **International Finance Corp. (IFC)**, chi nhánh của Ngân hàng thế giới chuyên về khu vực đầu tư tư nhân sẽ giúp Việt Nam 10 triệu đôla, 1/3 vốn đầu tư cho dự án xây dựng cảng nước sâu **Bà Rịa**. Phần còn lại do hai công ty **SCPA** (Pháp) và **Nords Hydro** (Na Uy) góp vốn. Đây là công trình xây **cảng đầu tiên ở Việt Nam với vốn tư nhân**.

• 7 công ty quốc doanh, đứng đầu là **PetroVietnam** đã liên kết thành lập một công ty chuyên về **bảo hiểm** cho các công ty xuất nhập khẩu và chuyên chở, mang tên **Petrolimex Joint Stock Insurance Co. (PJICO)**, cạnh tranh với công ty bảo hiểm quốc doanh **Bảo Việt**. **PJICO** có vốn ban đầu 5,3 triệu đôla, sẽ dành 20 cổ phần cho các nhà đầu tư tư nhân.

• **Sòng bạc lậu** lớn nhất tại Hà Nội vừa bị cảnh sát phát hiện. 39 con bạc bị bắt đang chơi xóc đĩa, 42 triệu đồng (4000 đôla) và 500 đôla bị tịch thu.

biệt của thiếu tá **Trần Thu**, mà chúng tôi sẽ giới thiệu trong một số tới), đối tượng bị nhắm chính là đại tướng **Võ Nguyên Giáp** (AFP, 23.6).

Mấy chục người bị giam cầm bí mật tổng cộng hàng trăm năm mà không hề qua một phiên toà xét xử, con cháu bị dày đoạ, gia đình tan nát : những lá đơn khiếu oan của ông **Hoàng Minh Chính**, các bà **Phạm Thị Tề** (vợ ông **Vũ Đình Huỳnh**, là người đã kết nạp ông **Nguyễn Văn Linh** vào ĐCS) và **Đặng Kim Giang** (**Diễn Đàn** số 30 và 42) đã lần lượt tố giác trước công luận Việt Nam, đặc biệt từ ngay trong nội bộ hàng ngũ Đảng cộng sản, nhất là với lá thư của ông **Nguyễn Trung Thành**. Người ta hiểu tại sao, ngày 22.3 vừa qua, tổng bí thư **Đỗ Mười** đã phải đích thân gặp ông **Thành** (xem bài trang 8 số này).

Còn quá sớm để nhận định chính xác về thực chất quyết định bắt giam các ông **Hoàng Minh Chính** và **Đỗ Trung Hiếu**, cũng như quyết định bắt giam ông **Nguyễn Hộ** (do thiếu tướng **Trần Văn Danh** đích thân tới nhà ông **Hộ** thông báo, ngày 13.6, song chưa thực hiện được vì ông **Hộ** tuyên bố từ chối, quyết tâm biến nhà riêng của ông thành “nhà mồ”). Đặc biệt, những thông tin chúng tôi có được chưa cho phép kết luận về cuộc đấu tranh nội bộ giữa ba lực lượng (khối chính quyền – kinh tế ; khối quân đội – an ninh ; khối tư tưởng – văn hoá) đang diễn ra gay gắt, một năm trước Đại hội lần thứ 8 của ĐCSVN dự trừ hợp vào nửa sau năm 1996.

Song, bất luận thế nào, việc bắt giam hai ông **Chính** và **Hiếu** là một hành động cần được dư luận Việt Nam và quốc tế nghiêm khắc lên án. Nói như một chính khách Pháp, đó là một tội ác, nghiêm trọng hơn : đó là một sai lầm. Đối với dư luận quốc nội, nó phủ nhận mọi tuyên bố về “đoàn kết dân tộc, quên quá khứ, cùng nhau xây dựng tương lai”, vì ngay với quá khứ của chính mình mà ĐCS còn không hoà giải được. Đối với dư luận quốc tế, nó cho thấy bản chất của diễn văn “Việt Nam muốn làm bạn với mọi người”. Tổng bí thư **Đỗ Mười** đã thật thà nói với ông **Nguyễn Trung Thành** : “*Làm kiểu này hỏi rằng Liên Hiệp Quốc nó biết nó vu (sic) là ta vi phạm nhân quyền thì tác hại sẽ ra sao ?*”. Tháng 10 này, ở New York, chủ tịch **Lê Đức Anh** sẽ ăn nói làm sao trước Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, nếu hai ông **Hoàng Minh Chính** và **Đỗ Trung Hiếu** tiếp tục được bảo vệ nhân quyền trong nhà tù **đặc thù châu Á** ?

Không có con đường nào khác. Nhà cầm quyền Việt Nam phải trả ngay tự do cho **Hoàng Minh Chính** và **Đỗ Trung Hiếu**, giải oan cho mọi nạn nhân của “vụ án xét lại”, cũng như phải trả tự do cho tất cả những người còn bị giam cầm vì ý kiến chính trị.

Diễn Đàn

Lòng bạn đọc,

Theo tập quán báo chí Việt ngữ ở Âu châu, Diễn Đàn không ra tháng 8. Số 44 sẽ phát hành đầu tháng 9.95. Kính chúc bạn đọc nghỉ hè vui khoẻ và xin hẹn sang thu.

đổi thoại giữa tổng bí thư ĐỖ MƯỜI và ông NGUYỄN TRUNG THÀNH

Ngày 3.2.95, ông Nguyễn Trung Thành, nguyên vụ trưởng Vụ bảo vệ đảng (thuộc Ban tổ chức Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam), đã gửi thư cho lãnh đạo ĐCS, Viện kiểm sát và Tòa án tối cao, yêu cầu giải oan cho 32 cán bộ nạn nhân của “ vụ án xét lại – chống đảng ” (thường gọi là vụ Hoàng Minh Chính & Đặng Kim Giang). Sau một tháng *tuyệt vô âm tín* từ phía của quyền, lá thư này đã được sao gửi cho gia quyền các nạn nhân, và từ đó, các bản sao chụp được phổ biến rộng rãi trong nước (xem DIỄN ĐÀN số 41, tháng 5.95), gây xôn xao trong hàng ngũ cán bộ và trong dư luận. Ông Đào Duy Tùng, bí thư thường trực, đã ra lệnh thu hồi bức thư của ông Nguyễn Trung Thành, nhưng một lần nữa, loại chỉ thị nội bộ này đã mang lại kết quả trái nghịch.

Chiều ngày 22.3.95, tổng bí thư Đỗ Mười và ô. Đào Duy Tùng đã tiếp ông Nguyễn Trung Thành tại trụ sở Trung ương ĐCS, ở số 4 Nguyễn Cảnh Chân, Hà Nội. DIỄN ĐÀN đăng dưới đây cuộc đổi thoại giữa ba người :

Đỗ Mười – Năm nay anh bao nhiêu tuổi ?

Nguyễn Trung Thành – Tôi 72.

Đỗ Mười – Với cái tuổi này anh cần nghỉ ngơi, làm thơ hoặc trồng cây có lẽ tốt hơn là ngồi viết thư như thế này.

Nguyễn Trung Thành – Anh 78 tuổi mà còn làm việc hết mình vì dân vì Đảng, không lẽ tôi 72 mà đã cho mình là hết trách nhiệm với dân với Đảng.

Đỗ Mười – Nhưng tại sao lá thư này anh lại gửi công khai mà không gặp riêng tôi và các đồng chí trong Bộ chính trị, trong Ban bí thư, làm kiểu này hỏi rằng Liên Hiệp Quốc nó biết nó vu là ta vi phạm nhân quyền thì tác hại sẽ ra sao ?

Nguyễn Trung Thành – Một câu hỏi được đặt ra ở đây : tại sao Tổng bí thư không nghĩ đến sự chịu đựng nỗi oan ức của hàng trăm con người trong vụ án, đeo đẳng họ trên 30 năm, có người đã chết vì kìm kẹp, vì bị tra tấn, có người còn sống thì gia đình tan nát, rạn nứt sứt mẻ, vợ chồng ly tán, cuộc sống của họ gặp khó khăn trăm bề vì không có lương, không có chế độ ưu đãi gì cả. Hai là, ta có sai ta quyết tâm sửa giải oan cho đồng chí của mình thì dứt khoát không sợ bất cứ một tổ chức nào vu cáo ta là vi phạm nhân quyền được.

Đào Duy Tùng – Chúng ta ở gần nhau, số điện thoại của tôi anh có, tại sao anh không cho chúng tôi biết trước mà anh lại đưa ra trước dư luận quần chúng rộng rãi như thế này ?

Nguyễn Trung Thành – Trong vụ án chính trị này, tôi không thống kê hết là đã có bao nhiêu người gửi thư cho Bộ chính trị, cho Ban bí thư, cho các cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, có người viết hàng trăm lá thư, nhưng tất cả không nhận được một sự hồi âm, họ đã chờ đợi trên 20 năm nay mà không hề nhận một tín hiệu gì về việc có giải oan cho họ hay không. Riêng tôi hồi tháng 12/93 đã có thư gửi Ban chấp hành và Ban bí thư cùng các vị lãnh đạo cao nhất của Đảng trình bày ý kiến của tôi, người đã trực tiếp được phân công điều tra xét hỏi về vụ án này, tôi đã khẳng định Ban chỉ đạo vụ án trước đây đã phạm sai lầm như thế nào, dẫn đến việc quyết định của Bộ chính trị và của Ban bí thư cũng sai luôn, nhưng hơn một năm tôi không hề nhận được một sự hồi âm nào, dù là một lá thư nhỏ, một cú điện thoại là đã nhận được, đang xem xét...

Đỗ Mười – Vụ này trước đây có hai cuộc hội nghị của Trung ương đã nhất trí đánh giá vụ án chính trị này là có. Tại sao anh lại nói khác với nghị quyết của tập thể Bộ chính trị ? Đó là một việc làm vô nguyên tắc.

Nguyễn Trung Thành – Như trên tôi đã nói, sai lầm chính là của Ban chỉ đạo vụ án đã kéo Bộ chính trị và Ban bí thư phạm sai lầm luôn. Thực chất những bản báo cáo để Bộ chính trị và Ban bí thư xem xét phần lớn là do tôi dự thảo qua tài liệu của Ban chỉ đạo vụ án. Đến nay được sự chỉ đạo của trên, cụ thể của đồng chí Hương, Trưởng ban Bảo vệ chính trị nội bộ giao cho tôi xem xét lại vụ án này. Tôi đã làm việc này theo sự thôi thúc của lương tâm và bản chất của người cộng sản chân chính, vì lương tâm, vì tinh thần trách nhiệm của một người đảng viên trước dân, trước Đảng.

Đỗ Mười – Nói như thế có nghĩa là tôi không có lương tâm hay sao, lương tâm của tôi kém anh hay sao ? Tôi cũng bị tù cùng những anh em đó, tôi hiểu họ chứ. Cái chính là Bộ chính trị đang bận quá nhiều việc, chưa có thì giờ cứu xét đến vấn đề này, nhất là Đảng ta đang chuẩn bị cho Đại hội 8 có biết bao công việc cần làm trước.

Nguyễn Trung Thành – Các anh bận, Bộ chính trị bận, vậy thì tại sao tôi đến gặp các đồng chí trong Ủy ban kiểm tra Trung ương thì các đồng chí đó lại trả lời tôi là Ủy ban không xem xét vụ án chính trị này. Vậy thì lập ra cái Ủy ban này để làm gì ? Tôi cho rằng vấn đề này không đơn thuần là vấn đề đặt ra giữa Bộ chính trị với Nguyễn Trung Thành mà là vấn đề đặt ra giữa Bộ chính trị với nhân dân, với chính sách đoàn kết hoà hợp dân tộc, xoá bỏ hận thù. Nếu các anh cho rằng tôi gửi lá thư này là một sai lầm thì tôi sẵn sàng đi tù.

Đào Duy Tùng – Cái chính là đáng lẽ ra anh nên trao đổi với chúng tôi trước thì hay hơn. Tiện đây tôi cũng xin nói rõ về ý kiến của anh cho rằng tôi đã ra lệnh thu hồi lá thư của anh khi đến tay các đồng chí trong Bộ chính trị và Ban bí thư thì không đúng đâu. Khi nhận được lá thư này tôi có đến báo cáo với đồng chí Tổng bí thư thì anh Đỗ Mười đã cho ý kiến là cần thu hồi.

Nguyễn Trung Thành – Hôm nay tôi đến đây với các anh, tôi có mang theo một lá thư thứ hai đề ngày 20 tháng 3 năm 1995 và một bản báo cáo thêm về vụ án này, tôi xin gửi hai anh, xem xong đề nghị các anh cho tôi biết ý kiến.*

SCHENGEN :

không gian tự do

hay

thành lũy mới ?

Nguyễn Quang

Schengen ? Có lẽ chẳng mấy ai biết cái làng nhỏ bé ấy nằm ở đâu trên bản đồ Luxembourg, nơi mà năm 1985 đã ký kết hiệp ước nguyên tắc về việc từng bước huỷ bỏ việc kiểm soát ở biên giới giữa các nước thành viên của Liên hiệp châu Âu (U.E.). Phải mất năm năm đàm phán gay go về các cơ chế (mọi quy định phải được đồng thanh biểu quyết), công ước về việc thi hành hiệp định mới được thông qua, cũng vẫn tại Schengen, tháng 6.1990. Rồi phải đợi thêm 5 năm nữa (cuối tháng 3.1995), mới mở ra “ không gian Schengen ”, nghĩa là một khu vực “ lưu thông tự do ” bao gồm 7 nước thuộc UE : Pháp, Đức, Bỉ, Hà, Lục (ba nước này được gọi tắt là Benelux), Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, từ nước này sang nước kia không còn kiểm tra căn cước hay hộ chiếu nữa (7 nước, trong khi 9 nước đã ký hiệp định, và UE có tổng cộng 15 nước thành viên, xem khung).

Những quy định kỹ thuật

Công ước Schengen gồm 8 chương, 142 điều khoản, dài 27 trang Công báo, tất nhiên không thể trình bày chi tiết, nên dưới đây chỉ xin nêu ra những quy định kỹ thuật chủ yếu qua đó cũng thấy rõ những nguyên lý chính trị làm nền tảng cho văn kiện này :

1. Xoá bỏ các đường biên giới — trên mặt đất, mặt biển và trên trời — giữa các nước nằm trong “ không gian Schengen ”. Nói cụ thể, từ nay những ai cư trú thường trú tại 7 nước đó có thể đi lại tự do trong “ không gian Schengen ” mà không bị kiểm soát ở biên giới. Và nói cho rõ : điều này có giá trị cho mọi người thường trú, chứ không riêng gì cho những người có quốc tịch của một trong bảy nước ; kể cả những người có quốc tịch của một nước thành viên U.E. nằm ngoài “ không gian Schengen ”, và cả người nước ngoài khác, miễn là có quy chế thường trú ở một trong 7 nước Schengen. Riêng đối với những người vừa kể, có một điều kiện hạn chế : họ chỉ có thể du hành mà không cần visa trong thời gian tối đa là 3 tháng.

+ Kể từ ngày 26.3.95, Pháp, Đức, Bỉ, Hà, Lục, Tâyban-nha và Bồđàonha từng bước bãi bỏ việc kiểm soát ở biên giới giữa hai trong 7 nước.

+ Ý và Hilạp đã ký công ước Schengen, song vì lý do kỹ thuật, chưa thể thi hành ngay bây giờ. Áo (hiện là quan sát viên) cũng sắp ký công ước.

+ Các nước Bắc Âu (Đanmạch, Thụyđiển, Phầnlan, Na-uy, Iceland) cũng tỏ ý muốn sáp nhập không gian Schengen. Song giữa các nước này, đã có hiệp ước lưu thông tự do, mà Na-uy lại không chịu gia nhập Liên hiệp châu Âu (UE), và không gian Schengen lại nằm trong UE !

+ Vương quốc Anh cố nhiên vẫn đứng ngoài, kéo theo cả Ireland, vì giữa Anh và Ireland, có hiệp ước tự do đi lại.

2. Ở biên giới bên ngoài của “ không gian Schengen ” :

a) Mọi công dân của các nước UE bị kiểm tra giấy tờ theo quy định hiện hành (phải có thẻ căn cước hoặc hộ chiếu)

b) Người các nước khác phải có chiếu khán (visa) của bất cứ một trong 7 nước Schengen ; có visa của một nước là có thể đi lại trong cả 7 nước, song mỗi lần vào nước nào thì phải khai báo : hoặc tại biên giới, hoặc tại sở cảnh sát ¹ (trong vòng 3 ngày).

c) Việc xin tị nạn cũng tập trung giống như trong điểm b) : chỉ được quyền xin tị nạn tại 1 trong 7 nước, khi nước này nhận cho tị nạn, thì sự quyết định có giá trị cho cả 7 nước, còn nếu nước này từ chối, thì không thể xin nước nào khác nữa.

3. Bù lại việc xoá bỏ các giới tuyến ở bên trong “ không gian Schengen ”, là sự tăng cường các biện pháp an ninh ở biên giới phía ngoài. Đặc biệt, công an 7 quốc gia Schengen siết chặt sự hợp tác. Chẳng hạn từ nay công an mỗi nước có quyền vượt biên để săn đuổi (*droit de poursuite*) tuy không có quyền bắt bố (việc này vẫn thuộc quyền hạn công an nước sở tại) ; nổi bật hơn cả là việc đặt ở Strasbourg (miền đông nước Pháp, sát biên giới Đức) một “ hệ thống thông tin Schengen ” (SIS), tức là một mạng lưới tin học tập trung tin tức của công an 7 nước, đặc biệt là hồ sơ của tất cả những cá nhân đang bị truy tìm, bị cấm nhập cảnh, những người mất tích, những người bị toà án truy nã... , không những về người, mà còn về vật (xe hơi, vũ khí, giấy tờ căn cước, giấy bạc...). Cho đến nay, SIS đã lưu trữ được 2 triệu phiếu. Khi hoàn chỉnh, nó sẽ quản lý 10 triệu phiếu, và công an “ không gian Schengen ” sẽ có thể tức khắc kiểm tra người và vật.

Một vài nhận xét chính trị

Tiên thiên, khó ai có thể viện dẫn một nguyên tắc nào để chống lại sự giao lưu tự do của con người, và ý kiến — nhất là từ hơn hai năm nay trong thị trường thống nhất của Liên hiệp châu Âu, hàng hoá, dịch vụ và tư bản đã được lưu thông tự do ! Có điều đáng tiếc là công cuộc xây dựng châu Âu lại bắt đầu bằng sự hợp tác về công an, và đáng ngại là hệ thống SIS có thể dẫn tới tình trạng Anh Cả (Big Brother) — mà nhà văn G. Orwell đã mô tả và cảnh báo trong cuốn tác phẩm nổi tiếng “ 1984 ” — vì mạng lưới tin học này không được đặt dưới sự kiểm tra của một cơ quan cộng đồng tương tự như Uỷ ban quốc gia về Tin học và các quyền tự do (CNIL) của Pháp. Tuy nhiên, hãy tạm coi là những bảo lưu nói trên không có tính chất cơ bản, và trong quá trình đi tới một Hiệp chúng quốc Âu châu, Schengen là tiền đề cho một *tính công dân* (citoyenneté) theo mô hình Mỹ.

Và chính khái niệm *công dân* này làm chúng tôi quan ngại. Ai có dịp sang Mỹ tất để ý tới cách người Mỹ sử dụng chữ *citizen* không những trong ngôn ngữ hành chính mà ngay trong cả đời thường. Nhân viên hải quan, cảnh sát, hay ông hàng xóm không hỏi bạn “ ông/bà có phải là *công dân* Mỹ không ”, mà giản tiện lắm, họ hỏi “ ông/bà có phải là *citizen* không ? ”. Cũng như ngày xưa, dưới thời đế quốc La Mã, *công dân* đương nhiên là *công dân* La Mã, còn ngoài ra, tất cả đều là *barbares*, những man di phiên thuộc. Tạm đóng ngoặc chuyện này, mà chỉ xin ghi nhận việc các hội đoàn bảo vệ người nhập cư tố cáo hiệp định Schengen dựng nên một thành lũy ngăn chặn không cho người ngoại quốc nhập cư. Không phải lời phê phán nào cũng có cơ sở khách quan (xem tiếp trang 18)

DIỄN ĐÀN phỏng vấn LỮ PHƯƠNG

Diễn Đàn : *Đọc những gì anh viết trong mấy năm gần đây, chúng tôi nhận thấy dường như anh đang có ý tập trung “ thanh toán ” về mặt lý luận đối với cái mà anh gọi là “ chủ nghĩa xã hội hiện thực ” nhân danh Mác, xin anh cho biết động cơ nào đã khiến anh có một thái độ như vậy, nhất là khi trước đây, như nhiều người biết, anh cũng đã từng là người theo chủ nghĩa Mác ?*

Lữ Phương : Có rất nhiều lý do về thời thế và cả thân thế nữa, nói ra cho đầy đủ thì sẽ dài dòng. Tôi chỉ muốn nói đến một lý do khá quan trọng và đối với tôi dường như đã trở thành quan trọng nhất : đó là vấn đề nhận thức. Trước đây, tôi tưởng rằng tôi đã hiểu chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội mácxít là gì, do đó đã thành khẩn tin tưởng vào tính chất vừa khoa học lại vừa tràn đầy chính nghĩa của các thứ ý tưởng đó, và do đó cũng đã coi sự chọn lựa của mình là hết sức “ ngon lành ”, không những giải quyết được những vấn đề thiết thực của cuộc sống như độc lập dân tộc, phát triển đất nước, công bằng xã hội... mà còn là một hệ thống giá trị tinh thần giúp tôi tìm ra được những câu trả lời thoả đáng cho tất cả những băn khoăn về lẽ sống lẽ chết nữa. Anh biết đấy : cũng như bao nhiêu người đi theo cách mạng khi còn rất trẻ, tôi đã có một tuổi thanh xuân đầy sóng gió, nhưng lòng thì tràn ngập sự an tâm vì có được lòng tin ! Nhưng mọi thứ đều không suôn sẻ như tôi đã nghĩ... Do một vài lý do nào đó sau ngày 30-4-1975, tôi quay lại được cuộc sống mà người ta thường gọi là “ phó thường dân Nam Bộ ”, cho nên nhờ đó mới có điều kiện để suy nghĩ mọi thứ một cách tương đối thông dong. Tôi đã để ra gần 10 năm đọc lại Mác và suy nghĩ lại những gì có liên quan đến chủ nghĩa Mác một cách có hệ thống, và dần dà nhận ra rằng những gì mình đã xác tín — xét về mặt lý luận — là quá giản đơn. Tôi không hề ân hận về những chọn lựa mang tính chính trị đã qua — anh biết đấy, đất nước ta trong suốt một thế kỷ vừa qua không ai có thể khước từ được những chọn lựa kiểu đó — nhưng đối với một người đã tiếp xúc với sách vở rất sớm, một người không hề chấp nhận đặt những ý tưởng ngang hàng với những khúc bánh mì — thì sự chọn lựa nói trên vẫn không thể coi được là một cái gì đó thật nghiêm chỉnh về mặt trí tuệ được. Những gì tôi viết ra sau này cũng chỉ là kết quả của một thời kỳ khá dài “ quay mặt vào tường ” đó : tôi coi trước nhất là một sự trang trải về mặt tinh thần của bản thân, và cũng là của một số bằng hữu cùng chia sẻ một kinh nghiệm như tôi. Khởi đầu tất cả luận đề chỉ là những bản nháp, chuyền tay nhau trong một số anh em quen thuộc thôi.

Diễn Đàn : *Dù sao công việc ấy ngày nay cũng đã trở thành công khai rồi, có tác động không những đối với những người trong nước mà cả độc giả ngoài nước, theo chúng tôi biết, không phải chỉ là những “ phó thường dân ” tìm đọc anh mà những nhà lý luận nhà nước cũng “ nghiên cứu ” anh khá kỹ. Anh có thể nói rõ hơn về những điều mà anh đã phát hiện lại về chủ nghĩa xã hội mácxít ?*

Lữ Phương : Tôi đã trình bày một cách tương đối có hệ thống rồi, từ Mác qua Ăngghen, đến Lênin và những đệ tử phương Đông của Lênin... Nếu phải tóm tắt những gì đã viết ra thì tôi có thể thu gọn lại như sau : chủ nghĩa Mác là một học thuyết có tham vọng đặt ra và giải quyết được mọi vấn đề của thời đại một cách hiện thực, triệt để, nhưng do bản thân chỉ là một thứ triết học chứa đựng không ít những suy lý tư biện cho nên những giải pháp kết tụ trong cuộc cách mạng gọi là vô sản là hoàn toàn bất khả thi, và tính chất bất khả thi này nằm ngay trong bản thân khái niệm giai cấp vô sản của Mác : giai cấp vô sản không phải là giai cấp công nhân thực tế mà chỉ là một khái niệm triết học trong hệ thống triết học của Mác mà thôi. Chính vì cứ nhất quyết coi những kết luận về chủ nghĩa xã hội của Mác là “ khoa học ”, đặc biệt coi chủ trương “ chuyên chính vô sản ” của ông là cái cốt tuỷ cần phải nắm vững để đấu tranh xây dựng xã hội mới, cho nên các chế độ gọi là “ chủ nghĩa xã hội hiện thực ” nhân danh Mác đã đi vào con đường phản Mác rất hiển nhiên : không có phát triển trong dân chủ và nhân đạo mà chỉ có trì trệ, bất lực trong chuyên chế và độc đoán mà thôi. Vấn đề đặt ra về mặt thực hành, theo tôi, do đó không phải là “ vận dụng ” chủ nghĩa Mác như một khoa học — nhất là cột Mác vào Lênin tạo thành một thứ chủ nghĩa Mác-Lênin hoàn toàn phản khoa học — mà là hãy đối xử với chủ nghĩa Mác như một thứ triết học, được đối xử như vậy thì những mặt tích cực lẫn tiêu cực trong lập luận của Mác cũng đều bổ ích cho đời sống. Trung tâm vấn đề ở đây là sự phân biệt cổ điển giữa triết học và khoa học, giữa tư tưởng suy lý và tư tưởng thực tiễn, giữa đời sống của xã hội công dân và những hoạt động của nhà nước... những ý tưởng này thiết nghĩ chẳng có gì đặc sắc so với thế giới, nhưng ở Việt Nam đó lại là rất mới mẻ vì tính chất thách đố rất nghịch thường của chúng đối với những nhà lý luận quan phương.

Diễn Đàn : *Anh có chú ý đến những hoạt động của bộ máy nhà nước “ phản bác ” lại những luận điệu thù địch và “ bảo vệ chủ nghĩa xã hội ” sau khi Đông Âu và Liên xô sụp đổ ?*

Lữ Phương : Tôi có nghe qua nhưng không cho là quan trọng lắm vì chúng thường làm ra vẻ hăm hè trong “ nội bộ ”, nhưng khi được đưa ra công khai (chẳng hạn trên tạp chí *Cộng sản*) thì lại thường băng quơ, không trực tiếp nêu rõ tên ai để tranh luận một cách minh bạch, đàng hoàng. Nói chung, tôi thấy không có gì nghiêm chỉnh về mặt học thuật cả. Chẳng hạn khi theo dõi những công việc gọi là đập tan những “ luận điệu phản bác chủ nghĩa xã hội ” — trong đó Hà Sĩ Phu và tôi được dẫn ra và ám chỉ nhiều nhất — tôi nhận thấy người ta không làm điều gì mới hơn là áp dụng những thủ đoạn quen thuộc thời Stalin : chưa nói gì thì mọi thứ đã bị nhét ngay vào cái giỏ “ chống nhân dân ” hoặc “ thù địch giai cấp ” rồi. Anh hãy tưởng tượng, khi được mời tham dự một cuộc hội thảo gọi là “ khoa học ” về tư tưởng mà nhận được một bản hướng dẫn trong đó nói rõ mục đích là “ bác bỏ ” những luận điệu “ bác bỏ con đường nhân dân ta đã chọn ” thì anh sẽ phát biểu gì ? Anh thấy đấy : hù dọa,

trấn áp tư tưởng mới là điều chính yếu ở đây chứ không phải là cái gì khác. Do vậy những cái gọi là luận điểm này, luận điểm kia thật ra không quan trọng lắm, bởi vì muốn biết luận điểm ấy là gì thì người ta cứ giở những giáo trình có sẵn trong sách của Liên Xô viết cách đây mấy chục năm là có ngay thôi. Tôi đưa anh xem tài liệu này : *Dự thảo một số vấn đề về chủ nghĩa Mác-Lênin trong thời đại hiện nay* (do Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình các bộ môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh soạn) ! Đọc qua cái cách mà người ta giải quyết những vấn đề được nêu lên trong đó như : học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội ; học thuyết Mác về giá trị thặng dư ; học thuyết Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ; tính chất thời đại của chủ nghĩa xã hội hiện nay trên thế giới... anh sẽ thấy ở đó chỉ là những giáo điều và là những giáo điều không còn giá trị gì nữa cả. Tôi đã chứng minh trong một loạt bài viết rằng cái cách diễn giải về chủ nghĩa Mác như thế thật sự chỉ là một thứ chủ nghĩa Mác đã bị bóp méo, khởi đầu từ Ăngghen, qua Lênin rồi đến Stalin với những biến dạng của nó trong suốt quá trình xây dựng “ chủ nghĩa xã hội hiện thực ”, và nguồn gốc của sự biến dạng ấy không thể tìm thấy ở đâu ngoài những phần huyễn tưởng tất yếu phải bị xét lại khi đem vào thực tế, nằm ngay trong học thuyết Mác, tức là trong cái biện pháp cách mạng vô sản mà Mác đưa ra để xây dựng nên “ cõi đời mới ” cho tương lai. Những nhà lý luận quan phương không hề muốn đi sâu vào lập luận trung tâm ấy để thảo luận — chẳng hạn họ chẳng bao giờ dừng lại xem xét một cách nghiêm chỉnh lập luận của tôi cho rằng giai cấp công nhân hiện thực không phải là giai cấp công nhân vô sản theo nghĩa của Mác — mà lại lơ đi tất cả rồi sau đó chỉ căn cứ vào một thứ học thuyết Mác giả định nào đó (gọi là Mác-Lênin), coi đó là những công thức đương nhiên đã là “ khoa học ” (và duy nhất “ khoa học ”) rồi cứ như thế mà ào ào đẩy tất cả những ai không chịu hiểu chủ nghĩa Mác theo khuôn phép ấy vào những “ tà ma ngoại đạo ” cần phải “ đập tan ” ! Anh thấy đấy : khi chủ nghĩa Mác đã bị gắn chặt với sự chuyên chính của một chế độ thì mấy chữ “ đập tan ” ấy có ý nghĩa như thế nào rồi !

Diễn Đàn : *Phải chăng anh cho rằng chủ nghĩa Mác khi du nhập vào Việt Nam chỉ đóng được vai trò của một thứ ý thức hệ, và do đó phải từ bỏ nó như một thứ ý thức hệ huyễn hoặc ?*

Lữ Phương : Tôi không bao giờ cho rằng bản thân ý thức hệ là hoàn toàn có tác dụng tiêu cực, kể cả khi người ta xem chủ nghĩa Mác là một ý thức hệ. Chủ trương của tôi không phải là “ phi tư tưởng hoá ” đời sống mà là giao cho tư tưởng sự tác động đặc thù mà chỉ có riêng nó có đối với đời sống : đối thoại tự do, chấp nhận nhiều ý kiến khác nhau, không dùng bạo lực để giải quyết những bất đồng, nhất là sử dụng bạo lực nhà nước để giải quyết những bất đồng ấy. Tôi không hề có ảo tưởng cho rằng những gì tôi hiểu về Mác là không thể bàn luận được trên phương diện học thuật. Tôi chỉ cực lực phê phán cái hình thức Mác-Lênin trong cách hiểu và thực hiện chủ nghĩa xã hội lý thuyết của Mác : dùng chuyên chính bạo lực nhà nước để thể nghiệm không thời hạn lý thuyết ấy. Tôi cho rằng những ai chủ trương như vậy là đã vướng phải những sai lầm có tính chất nền tảng, dù xét trên bất cứ phương diện nào. Họ không có quyền nhân danh Mác để tiến hành công việc đó (vì nội dung của khái niệm chuyên chính vô sản, dù là nằm trong cái viễn cảnh không tưởng của Mác, đã không có chút gì giống với thứ chuyên chính vô sản như

người ta đang làm) và như thế lại càng không thể nhân danh dân tộc để làm việc đó (vì dân tộc chưa bao giờ chọn cái gọi là con đường xã hội chủ nghĩa). Xét về mặt thực hành thì mọi việc càng trở nên rõ rệt : một học thuyết giả thủ là “ đúng đắn ” đến thế nào đi nữa nhưng được đem ra thực hiện bởi một nhà nước chuyên chính thì cũng chẳng có gì bảo đảm mãi được sự đúng đắn ban đầu ; giống như những định chế thời chuyên chế châu Á, mọi việc sẽ phải tùy thuộc vào cách thể ứng xử và lòng tốt của những ông vua : vì hàng loạt lý do, những ông vua ấy không giữ được sự trong sáng ban đầu, thì người dân không biết làm thế nào để thay đổi tình thế. Vấn đề ở đây rút lại không phải chỉ là chuyện đúng sai của một ý thức hệ nào đó, sự cần thiết hay không cần thiết của ý thức hệ đối với đời sống mà là xét xem một chế độ chính trị nhân danh một ý thức hệ chuyên chính để điều hành đất nước có thể gọi được là chính đáng trong thời đại dân chủ hay không.

Diễn Đàn : *Nhưng ở Việt Nam, trước khi thành một ý thức hệ cầm quyền thì chủ nghĩa Mác đã từng kết hợp được với chủ nghĩa yêu nước để giành độc lập cho dân tộc !*

Lữ Phương : Muốn biết sự “ kết hợp ” ấy là như thế nào thì chúng ta hãy xét xem vấn đề căn bản của dân tộc ta trong thời kỳ bị thực dân đô hộ là vấn đề gì . Chắc hẳn không phải là vấn đề đem những nguyên lý của Mác về công hữu hoá tư liệu sản xuất và về chuyên chính vô sản ra thực hiện. Những người cộng sản hoàn toàn biết được điều đó nên trong suốt quá trình đấu tranh chống thực dân, họ đã phải tìm mọi cách che giấu nguồn gốc của mình, thuận theo thực tế để giải quyết những vấn đề do thực tế đặt ra cho dân tộc : không phải đòi lại chủ quyền dân tộc một cách truyền thống nữa mà là vận động cho một đất nước độc lập và hiện đại (công nghiệp hoá và dân chủ hoá). Khái niệm “ cách mạng dân tộc dân chủ ” mà bấy giờ những người cộng sản dương lên là rất có ý nghĩa : nó nằm trong phạm trù được gọi là “ tư sản dân quyền ”, không có trong kho từ ngữ của chủ nghĩa xã hội. Lý do tại sao những người cộng sản theo Quốc tế III lại đứng ra đảm nhận nhiệm vụ ấy như vậy cũng quá rõ ràng : nhập thân vào phong trào chống thực dân, xác lập cho được vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản đối với phong trào ấy để sau khi thành công, nắm được chính quyền thì có ngay điều kiện thực hiện chế độ toàn trị đối với xã hội, nghĩa là “ nắm vững chuyên chính vô sản ” để thực hiện ý thức hệ của mình. Như Hồ Chí Minh đã nói rành mạch, chủ nghĩa yêu nước chỉ là “ con đường ” dẫn ông đến với chủ nghĩa Lênin thôi. Ở đây chẳng có chuyện gọi là phủ định công lao của đảng cộng sản trong công cuộc giải phóng dân tộc cũng chẳng có vấn đề phủ định vai trò cầm quyền của một đảng chính trị sau khi đã chiến thắng thực dân (nhiều nước trên thế giới đã làm như thế), nhưng vấn đề đặt ra ở đây là cầm quyền bằng con đường nào, dân chủ hay độc tài, phát triển hay bất lực trong phát triển mà thôi. Chúng ta đừng quên rằng chính vì những vấn đề sinh tử đó mà dân tộc đã không ngừng chiến đấu và cuối cùng đã chấp nhận cùng chiến đấu với những người cộng sản chứ chẳng phải những chuyện mịt mù về những thứ “ ngày mai ca hát ”, “ thế giới đại đồng ” nào cả. Chúng ta đừng bao giờ quên điều đó cũng như đừng bao giờ quên rằng, ở nước ta cũng như trên thế giới, từ xưa cũng như nay, sự nghiệp đấu tranh giành độc lập cho dân tộc không phải là độc quyền của những người cộng sản. Đồng nhất tổ quốc với chủ nghĩa xã hội, như những người lãnh đạo cộng sản đã làm, là một mảnh khoé tuyên truyền không được đảng hoàng.

Chứng minh rằng do “ vận dụng ” chủ nghĩa Mác mà Việt Nam thắng được thực dân cũng là không thoả đáng : không thiếu gì nước không có đảng cộng sản mà vẫn thắng được thực dân. Riêng đối với nhân dân Việt Nam thì chẳng ai hiểu chủ nghĩa Mác là gì cả : hình ảnh của những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội “ khoa học ” mãi mãi chỉ là hình ảnh hai “ ông Tây ” treo trên tường thời.

Diễn Đàn : *Chủ nghĩa Mác như thế rút lại chỉ là ý thức hệ của những người cộng sản trong quá trình tranh giành quyền lực và giữ quyền lực ?*

Lữ Phương: Phân tích từ cội nguồn thì khởi đầu chủ nghĩa xã hội mácxít là phản ứng của phương Tây với sự khốc hại của quá trình công nghiệp hoá của phương Tây : phê phán tận nền móng cái động lực cạnh tranh để phát triển của xã hội ấy, nó cũng đã dựa vào những thành tựu của khoa học kỹ thuật để hình dung cho loài người một tương lai sung mãn nhưng không còn cạnh tranh nữa. Viễn cảnh ấy thật ra không phải chỉ riêng Mác mới có, nhưng cái đặc biệt của Mác là ông dùng biện chứng pháp của Hegel để tìm ra lực lượng xã hội thực hiện sứ mệnh ấy, là giai cấp vô sản, mà chúng ta đã biết tính chất tư biện của nó như thế nào. Khi được đưa sang phương Đông bị những nước phát triển phương Tây đô hộ, nó đã được chuyển hoá thành một ý thức hệ nhân danh cho những giá trị siêu hiện đại, vượt phương Tây, để chống lại chính phương Tây, không phải chỉ thoát khỏi sự đô hộ của phương Tây mà còn tạo ra một mô hình phát triển văn minh cao hơn nhiều lần. Đó là một trong những cách hiện đại hoá lòng yêu nước truyền thống để chống thực dân, nhưng là cách hiện đại hoá riêng biệt của những người cộng sản để tranh quyền lãnh đạo với những xu hướng yêu nước khác, tuy chứa đựng nhiều yếu tố hoang tưởng, nhưng dù sao khả năng thành công vẫn có vì lẽ cuộc chiến đấu ấy vẫn được cuộc cách mạng dân tộc dân chủ có bản chất không cộng sản nâng đỡ : sự huyền tưởng ở đây vẫn có thể được giải thích như một thứ chủ nghĩa “ lãng mạn cách mạng ” đầy thơ mộng. Nhưng khi chủ nghĩa cộng sản được đem ra thực hiện và không chứng minh được gì khác ngoài tính chất bất khả thi của nó thì cái gọi là chủ nghĩa Mác-Lênin cũng bộc lộ hết sự trần trụi của một thứ ý thức hệ được sử dụng chỉ để biện minh cho chế độ độc tài thời. Có thể nói đủ mọi thứ để khai triển luận đề này, nhưng theo tôi, căn bản vẫn chỉ xoay quanh điều cốt yếu sau đây : thực tế đang làm một công việc chẳng có gì cách mạng nhưng đảng cộng sản vẫn cứ nhân danh “ cách mạng ” để đặt toàn xã hội vào một tình trạng “ hy sinh ” vĩnh viễn, mục đích chỉ để duy trì sự thống trị vĩnh viễn của một nhà nước “ quân sự ”, lập ra để thủ tiêu mọi dấu vết của đời sống dân sự. Trước những vấn đề hiện thực do đất nước đặt ra trong quá trình hiện đại hoá, tăng trưởng kinh tế, và phát triển dân chủ, “ cách mạng ” hoàn toàn chỉ là một khái niệm giả định, giả tưởng.

Diễn Đàn : *Nhiều người cho rằng những phê phán ấy có thể đúng với mô hình cách mạng xã hội chủ nghĩa trước đây, nhưng hiện nay mô hình ấy đã được thay đổi mới rồi, anh nghĩ gì về cái gọi là “ đổi mới xã hội chủ nghĩa ” — xét về mặt ý thức hệ ?*

Lữ Phương : Ý kiến của tôi về chuyện này vẫn là nhất quán : không phải ý thức hệ Mác-Lênin đã được vận dụng để tạo ra những cái gọi là “ canh tân ”, “ cải cách ”, “ đổi mới ” đối với chủ nghĩa xã hội hiện thực mà thật chính xác thì phải nói rằng những nguyên lý về chủ nghĩa xã hội của Mác, do

mang trong bản thân tính chất bất khả thi vì huyền tưởng, nên khi đem ra thực hành, bị cuộc sống chống lại quyết liệt, đã được liên tục điều chỉnh và từ bỏ, chứ không phải là cái gì khác. Nhưng khi những người cộng sản chấp nhận phải nhượng bộ, họ đã nhượng bộ theo phương cách của Lênin : lùi bước tạm thời để tránh sụp đổ toàn diện. Nhìn lại kinh nghiệm của Liên xô từ NEP cho đến sau này, tôi cho rằng chế độ cộng sản sơ dĩ vẫn kéo dài được là do nó đã phối hợp được khá nhuần nhuyễn những nguyên lý huyền hoặc về ý thức hệ với những phương thức hành động khá uyển chuyển : trong khi phát cao ngọn cờ phản kháng đến nền móng nền văn minh phương Tây hiện đại và hứa hẹn đấu tranh tạo ra một hình thái kinh tế – xã hội hoàn hảo muôn phần, thì đồng thời vẫn có thể nhân danh sự “ vận dụng ” những nguyên lý ấy để làm khác đi và làm ngược lại hoàn toàn những nguyên lý ấy. Chúng ta hiểu được tại sao trong khi ngày càng phải từ bỏ con đường đã chọn về mặt nội dung thì về mặt tổ chức, đảng cộng sản vẫn duy trì được sự tồn tại độc quyền của mình. Nhìn vào những chuyển biến của đất nước từ 1979, qua 1986 đến nay, chúng ta thấy thật là rõ rệt điều đó : càng ngày càng phải từ bỏ cái gọi là “ chủ nghĩa xã hội ” thực hiện bằng con đường tư bản nhà nước để chuyển dần sang một thứ “ chủ nghĩa xã hội ” thực hiện bằng con đường tư bản cạnh tranh, và trong khi “ kiên trì nguyên lý ” hoặc lúc đã thực hiện quá trình “ tự diễn biến hoà bình ” xong rồi, người ta vẫn không ngớt hô hào “ cách mạng ”, không ngớt xưng tụng Các Mác, Lênin và người đệ tử trung thành của Lênin là Hồ Chí Minh, để trong bất cứ trường hợp nào cũng có thể duy trì được sự lãnh đạo độc quyền của đảng. Anh thấy đấy : mọi việc dù thay đổi theo hướng nào thì vấn đề ý thức hệ vẫn được coi là “ bất biến ”.

Diễn Đàn : *Với những bài lý luận có nội dung phê phán quyết liệt chủ nghĩa Mác-Lênin với tư cách là một ý thức hệ, anh cũng đã phê phán khá quyết liệt sự độc tôn quyền lực của đảng cộng sản Việt Nam đối với đất nước, anh đã gặp phản ứng gì từ phía những người cầm quyền hiện nay ?*

Lữ Phương : Đối với tôi thì phản ứng của những người cầm quyền, dù thế nào đi nữa, cũng không quan trọng.

Tôi không phải là người làm chính trị chuyên nghiệp, cho nên tôi chỉ phát biểu những ý kiến của mình với tư cách là người hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, tinh thần. Người cầm quyền có chịu nghe tôi và “ tự diễn biến ” một cách tích cực để tránh đi cái cảnh “ bị diễn biến ” một cách tiêu cực, hoặc cứ nhất định tự cho mình là muôn đời “ duy nhất đúng ” và công kích tôi như một người đã đưa ra những luận điệu gọi là “ bác bỏ con đường nhân dân đã chọn ” thì tôi vẫn cứ nghĩ rằng tôi phải tiếp tục giữ cho được vị trí nghịch thường của mình. Tôi không giấu giếm thái độ hoàn toàn không còn một chút tin tưởng gì về chủ nghĩa Mác-Lênin được “ vận dụng ” bởi một đảng cộng sản lập ra theo mô hình chuyên chính ý thức hệ kiểu Lênin, nhưng thái độ của tôi hoàn toàn chỉ giới hạn trong phạm vi suy tưởng và nghĩ rằng tôi được quyền phát biểu những suy tưởng ấy như một công dân trước nhà nước đang quản lý mình về mặt pháp luật. Tôi không chủ trương lật đổ nhà nước nhưng tôi không chấp nhận việc nhà nước nhân danh sự độc quyền về ý thức hệ để quản lý những công dân và cấm đoán họ phát biểu chính kiến trước những vấn đề chung, một nhà nước như vậy là hoàn toàn xa lạ với đời sống của thế giới hiện đại. Không có nhà nước nào thoát khỏi bị định hướng bởi một ý thức hệ để hành động, nhưng tôi

cho rằng đó là những thứ ý thức hệ thực tiễn liên hệ đến những chuyện trần gian, thiết thực chứ không phải là những thứ siêu hình về lịch sử, về cõi đời tuyệt diệu mai sau, không có gì kiểm chứng được, gọi những thứ đó là “ khoa học và cách mạng ” và nhân danh những thứ đó để phán xử người dân và “ cải tạo ” họ. Đảng cộng sản có muốn giữ thì cứ giữ, nhưng chỉ cho riêng mình thôi, không thể cưỡng bức toàn dân phải chấp nhận ý thức hệ ấy thông qua súng đạn và nhà tù của một nhà nước bên ngoài mệnh danh là “ của dân, do dân, vì dân ” nhưng bên trong chỉ là công cụ của một thiểu số. Tôi cho rằng đối với một nhà nước như vậy thì người ta phải đấu tranh thay đổi nó, và đối với công việc ấy thì khẳng định công khai sự bất đồng ý kiến với nó về mặt ý thức hệ là một trong những thách thức ban đầu. Quyền được có những ý kiến khác với nhà nước là một trong những quyền căn bản của con người trong thế giới hiện đại ; không vượt qua được cái não trạng thờ ơ, vô trách nhiệm để bày tỏ những bất đồng đó ra trước công luận thì người ta chỉ dung túng cho những lẽ thói chuyên quyền kiểu châu Á được tiếp tục tồn tại mãi mãi trên đất nước thôi. Tôi cho rằng những ai chấp nhận đưa khái niệm “ nhà nước pháp quyền ” vào Việt Nam không thể không chú ý đặc biệt đến những cơ sở tinh thần đã tạo ra nó. Chỉ sử dụng cái xác của danh từ rồi ném linh hồn nó vào cái sọt rác “ tư sản ” thì đó là một thái độ hoàn toàn không nghiêm chỉnh.

Diễn Đàn : *Anh có nghĩ rằng khi bày tỏ thái độ quyết liệt như vậy với chủ nghĩa Mác-Lênin và đảng cộng sản, anh có cho rằng con đường tất yếu mà anh sẽ phải chọn là chế độ dân chủ phương Tây với nền kinh tế thị trường và chủ nghĩa đa nguyên chính trị ?*

Lữ Phương : Suy nghĩ vấn đề trên khía cạnh ý thức hệ, tôi thấy không thể đưa ra những câu trả lời đơn giản được. Nguyên tắc của cơ chế thị trường là giả định phải có những chủ thể độc lập cạnh tranh tự do thì mới tạo ra được của cải cho xã hội ; chúng ta đều biết rằng thực tại đó vẫn còn đúng cho đến ngày nay, không phải đúng về mặt chân lý tuyệt đối mà chỉ đơn giản là nó vẫn còn phù hợp với con người trong quản lý kinh tế vì còn có khả năng duy trì được động lực phát triển cho sản xuất. Nhưng khi những nhà kinh tế cổ điển khảo sát thực tại ấy và nâng lên thành lý luận về “ cạnh tranh hoàn hảo ” để chống lại sự can thiệp của nhà nước vào mọi hoạt động kinh tế thì chúng ta thấy tất cả đã nhuộm màu ý thức hệ để trở thành cái gọi là “ chủ nghĩa tự do ” rồi. Sự suy tưởng của Mác cũng bắt đầu từ thực tại ấy nhưng lại đi đến chiều hướng ngược lại hoàn toàn : cạnh tranh tự do chỉ là cuộc tranh giành tàn ác dẫn đến tập trung tài sản và bóc lột tột độ, và do đó cũng đưa đến chỗ làm sụp đổ chế độ tư hữu tư nhân để hình thành ra một hình thái xã hội không còn cạnh tranh nữa và gọi là “ cộng sản chủ nghĩa ”. Ai cũng thấy đâu là tính chất hiện thực và tính chất ý thức hệ trong hai cung cách tư duy trên đây, và do đó thật khó mà coi cả hai đều là đúng hoặc sai bên ngoài những paradigmes (tư hệ) đã tạo ra chúng. Tôi nghĩ rằng chọn một trong hai lý thuyết ấy rồi tranh luận thì thật là thú vị về mặt học thuật, nhưng chọn một trong hai học thuyết ấy để áp dụng nguyên vẹn vào thực tế — bằng những cái gọi là chuyên chính hoặc tư sản hoặc vô sản — thì chúng ta đều biết kết quả như thế nào. Tôi cho rằng khi nói đến những lĩnh vực thực tế thì phải chấp nhận thực tế như nó đang có thì người ta mới mong tìm ra được những giải pháp, nếu không hiệu lực hoàn toàn, thì cũng

không rơi vào những hoang tưởng đưa người ta lên chín tầng trời. Hãy làm như cuộc sống hiện thực đang làm : hãy đi bằng chân chứ đừng bắt chước những người chơi trội muốn đi bằng đầu và bắt mọi người phải đi bằng đầu như mình ! Không nên theo Adam Smith hoàn toàn mà cũng không thể phủ nhận Các Mác hoàn toàn. Ở đây như tôi đã nói, rõ rệt chẳng có gì gọi là phủ định ý thức hệ cả mà chỉ là khoanh nó lại trong cái thế giới của nó, để nó trong thế giới của nó, nó sẽ giúp đỡ chúng ta thật nhiều.

Diễn Đàn : *Đối với tình hình hiện nay, anh có cho rằng những suy nghĩ mang tính lý luận như trên có thể gọi ra những đề nghị có ý nghĩa tích cực hay không ? Nhiều người đọc anh đã có ý muốn nghe anh phát biểu thêm về những vấn đề thực tế hơn.*

Lữ Phương : Tôi nghĩ rằng lĩnh vực chuyên biệt của tôi không phải hoạt động chính trị cho nên tôi thấy không cần phải viết ra một tuyên ngôn hay cương lĩnh làm gì, mặc dù để ra mấy chữ ấy không phải khó khăn lắm. Tuy vậy nếu ai đọc tôi chăm chú thì vẫn thấy được ý định của tôi qua những bài lý luận. Thí dụ như đối với chế độ cộng sản hiện nay ở Việt Nam, tuy cực kỳ căng thẳng trong sự phê phán về ý thức hệ, nhưng tôi lại rất có mức độ trong ứng xử : tôi chỉ đề nghị đảng nên tỏ ra thực tế hơn, tiếp tục bỏ những phần hoang tưởng gọi là chuyên chính vô sản trong “ chủ nghĩa xã hội mácxít ”, để thực hiện dân chủ. Và trong việc này tôi cũng không thể coi cơ chế đa đảng như là tối cần, cấp bách, không có không được cho đất nước hiện nay, mà chỉ đề nghị nói rộng quyền tự do tư tưởng và phát biểu cho những người có nhu cầu bức thiết là giới trí thức và nghiên cứu, nghĩa là thực hiện những quyền dân chủ ấy ban đầu một cách có giới hạn chứ chưa đến mức phổ biến, rộng rãi. Và sở dĩ như vậy vì tôi cho rằng vấn đề dân chủ là một quá trình lâu dài, không phải biểu hiện trước hết trong cuộc tranh giành về quyền lực giữa các đảng phái mà căn bản là sự độc lập của xã hội công dân đối với nhà nước về mọi phương diện, khởi đầu từ kinh tế rồi sau đó mới lan dần sang văn hoá và chính trị. Quan điểm của tôi về hành động thật sự chẳng có gì cao xa : làm gì thì làm nhưng hãy khởi đầu tất cả bằng sự “ tử tế ” trước hết, người có học thì lãnh đạo người vô học, kẻ có khả năng phải có được mức sống xứng đáng với sức lực của mình, đã sống trong hoà bình thì hãy dẹp những chuyện gọi là “ cách mạng ” nặc mùi sắt máu bạo lực đi... Tôi cho rằng những đề nghị như vậy là rất tử tế, phải chăng chứ không có gì là vội vàng, quá khích : tất cả đều xuất phát từ sự nhận thức ra tình cảnh phá sản không có gì chống chế nổi của lý luận chủ nghĩa xã hội mácxít thực hiện bằng phương pháp Lenin và do đó phải từng bước thay thế nó bằng một cái gì đó khiêm tốn hơn, bình thường nhưng khả thi và dễ được chấp nhận hơn với mọi người. Trình bày thẳng thắn những ý nghĩ của mình — nhiều khi hết sức gay gắt và cay đắng — tôi chỉ muốn tạo ra một thứ kích động tinh thần đối với những người có trách nhiệm trong đảng, báo động cho họ biết kết quả tẻ nhạt của cái não trạng giáo điều và ngạo mạn mà họ đã gây ra cho đời sống tinh thần xã hội suốt thời gian đằng đẵng đã qua là như thế nào. Giới lý luận quan phương gọi thái độ ấy của tôi là “ diễn biến hoà bình ” và cột nó vào mọi thứ mưu đồ xa gần nào đó, điều đó đối với tôi chẳng mấy may có ý nghĩa gì. Tôi không có mưu đồ nào, vì vậy, sau khi ngẫm nghĩ, tôi nhận thấy mấy chữ “ diễn biến hoà bình ” như vậy mà lại thật hay. Có người nào trên đất nước chúng ta hiện

nay, kể cả những người cộng sản, mà không tham gia vào trò chơi “diễn biến hoà bình” ? Vấn đề chỉ là cách chơi như thế nào mà thôi. Đối với tôi mọi việc từ lâu không có gì phải giấu giếm : tôi muốn chuyển chế độ chuyên chính vô sản sang chế độ dân chủ, chuyển não trạng cuồng tín ngạo mạn ý thức hệ sang đối thoại trong nhân nhượng, hy vọng qua đó tìm ra được sự đồng thuận xã hội nào đó, cần thiết cho sự phát triển đất nước trong dân chủ và hoà bình.

Diễn Đàn : Anh nghĩ gì về ý kiến của một số người nhận xét rằng, cùng với một số trí thức khác trong nước, anh chỉ muốn “cứu đảng chứ không cứu nước” ?

Lữ Phương : Tôi không hiểu rõ ý kiến của những vị đã nói ra điều đó, vì tôi chưa đọc được những bài báo nào trình bày cho thật đầy đủ cả. Nhưng nếu như điều mà tôi giả định về những nhận xét ấy là như thế này — chẳng hạn nên bỏ cờ búa liềm để chuyển sang cờ ba sọc — thì tôi sẽ không ngại gì mà không nói với những vị ấy là : chuyện thật trẻ con ! Tôi tuyên bố thẳng thắn là đã tự ý bỏ đảng cộng sản vì bất đồng về đường lối, nhưng trong tôi chẳng hề lừng vưng một chút mặc cảm nào về cái mà phía bên này gọi là “phản bội” và phía bên kia người ta gọi là “chiêu hồi”. Cái cung cách suy nghĩ theo kiểu “xã hội chủ nghĩa hay là chết” hoặc “không quốc gia thì cộng sản” ấy chỉ là sản phẩm của một tình thế đã qua rồi. Nó hoàn toàn có lý do để tồn tại trong một thế giới bị phân đôi như quả cam cắt ra làm hai phần, bên nào cũng tự cho mình là “chính nghĩa” để coi bên kia là kẻ thù không đội trời chung. Có thể nó đã phản ánh một cách hiện thực về cái cách thức liên minh ma quái giữa các quốc gia trong việc tranh giành quyền lực vào một giai đoạn nào đó của lịch sử hiện đại, nhưng đứng về mặt ý thức hệ mà cho đến bây giờ người ta vẫn nhắm mắt tin vào thì không có gì buồn cười hơn. “Quốc gia” ư ? “Quốc tế” ư ? “Quốc gia” gì mà lúc nào cũng phải đứng đằng sau những quân đội viễn chinh phương Tây, và mục đích lại không có gì khác hơn là chống lại những người mang danh là “quốc tế” nhưng lại đang cầm súng chống lại những đội quân viễn chinh phương Tây ấy ? Còn những người gọi là “quốc tế” này làm sao có thể coi mình là “người giải phóng loài người” cho được khi mà cái ý thức hệ mà họ mượn từ những nước phương Đông đối lập với phương Tây, khi đem ra thực hiện thì lại không mang đến kết quả nào khác hơn là gây chia rẽ dân tộc, dìm cuộc sống trong vũng lầy của độc tài, lạc hậu, nghèo nàn, đưa cả một thế hệ những con người vào tình trạng bơ vơ về tinh thần chưa bao giờ thấm hại như bây giờ ? Làm sao có thể huyền hoặc mãi — những cái vốn đã mang trong bản thân đầy những ý nghĩa hàm hồ ? Thực tế nay đã không còn như xưa nữa, không ai không nhận thấy, nhưng do hàng loạt những lý do, các thế lực thuộc về quá khứ ấy vẫn tồn tại, òn ào đương cao những ngọn cờ cũ xưa tả tôi định lôi cuốn dân tộc vào một cuộc đối đầu mới vô ích và vô vọng. Là một người đã bỏ hầu hết một đời để đi đuổi bắt những ý tưởng và đã ngán ngẩm khi thấy mình đã phải lao vào máu lửa để đuổi bắt những ý tưởng ấy, tôi thấy mình đã trở nên “dị ứng” hầu như hoàn toàn với cái kiểu cách ngạo mạn của các thế lực ấy. Tôi muốn tìm đến chỗ đứng của những người muốn nhìn thế giới đang chuyển động đi về tương lai hơn là bị ràng buộc bởi những cái vĩnh viễn đã qua rồi. Hôm nay anh 50 tuổi, anh không thể phủ nhận cái tuổi 20 của anh, không có 20 thì anh không thành 50 : nhưng khi anh đã 50 rồi thì anh không thể nghĩ và sống như hồi anh 20 nữa. Những gì tôi suy ngẫm

về những cái đã qua cũng chỉ có ý nghĩa đơn giản như vậy thôi. Chẳng qua tôi có chút hiểu biết về cái mà người ta gọi là “kinh nghiệm cộng sản” thì tôi suy ngẫm nhiều về cái mảng đời ấy, và khi đem bộc lộ ra thì chẳng hề có ảo tưởng xoay vần được thế cuộc gì cả, nhiều lắm thì cũng chỉ mong gọi được một cái gì đó giống như sự nhen nhúm cho một não trạng mới, thích hợp với thực tế hơn thôi.

Diễn Đàn : Anh có thể nói rõ hơn một chút về cái “não trạng mới” ấy ?

Lữ Phương : Qua kinh nghiệm của đất nước trong suốt mấy chục năm đã qua, tôi cho rằng đã đến lúc mọi người cần phải nhận ra tính chất cực kỳ nguy hại của việc đem gấn chặt một ý thức hệ nào đó với nhà nước, từ trên áp xuống cho xã hội, bắt xã hội phải khuôn nắn theo. Tất nhiên, không thể phủ nhận sự định hướng của một ý thức hệ đối với hoạt động của nhà nước, nhưng vấn đề ở đây là không được coi ý thức hệ ấy như cái duy nhất đúng, duy nhất cao cả... cần cứ vào đó biện hộ cho sự tồn tại vĩnh viễn của một chế độ độc tài. Mỗi quan hệ giữa ý thức hệ với nhà nước do đó rất ráo cũng là vấn đề tìm ra những định chế để kèm chế không cho nhà nước trở thành thế lực triệt tiêu sức sống của xã hội công dân. Ai cũng nhận thấy, đối với thế giới, điều đó chẳng có gì mới mẻ, nhưng ở Việt Nam thì lại vẫn còn tương đối xa lạ, từ trong suy nghĩ của những người dân đến não trạng của những kẻ cầm quyền : một bên lúc nào cũng ngẩng cổ lên trông ngóng sự xuất hiện của một đảng minh quân với những thứ “phép màu” nào đó có thể giải quyết được mọi rắc rối của đời sống, còn bên kia thì cũng chưa bỏ được thói quen từ trên nhìn xuống của những kẻ cầm quyền, tự cho mình là những đảng bậc nào đó được các thực tại siêu nhiên hoặc lịch sử uỷ nhiệm cho sứ mệnh cứu vớt chúng sinh, coi đám chúng sinh ấy như một lũ “xích tử” cần được chăm lo cho mọi thứ “tương cà mắm muối” nhưng khi cần thì có thể bị dết roi vào đít để được “giáo dục” cho cách ngoan ngoãn xúng tụng những người “lãnh tụ thiên tài” ! Tôi cho rằng một xã hội mà vẫn còn bị một thứ não trạng như vậy đè nặng thì khó lòng mà thoát ra khỏi cảnh trạng bị thống trị bởi những kẻ mị dân, gia trưởng và độc đoán dưới rất nhiều hình thức khác nhau, từ cổ xưa cho đến hiện đại. Vấn đề do đó không chỉ liên quan đến chủ nghĩa cộng sản mà thôi : sự biến thể tất yếu dẫn đến sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản với tư cách là một ý thức hệ, nếu xảy ra, chắc hẳn sẽ không gây ngạc nhiên nhiều cho chúng ta nữa, nhưng ai mà biết được rằng sau sự sụp đổ ấy thì một thứ gì đó gọi là “cộng sản không có cộng sản” vẫn cứ tồn tại trên cái mảnh đất châu Á trì trệ này ! Dân chủ theo tôi vẫn là nội dung chính yếu của con đường đi tới hiện đại hoá đất nước chứ không phải là cái gì khác. Và biểu hiện thiết thực cho chiều hướng ấy trên mặt nhà nước phải là một nhà nước dân tộc, dân sự nghĩa là một nhà nước phi thần quyền, phi quân sự, phi cách mạng : đó chính là nền tảng để cho tất cả những người Việt Nam hiện nay từ mọi nguồn gốc khác nhau có thể ngồi chung để đối thoại về quá trình hiện đại hoá đất nước. Trong sự nghiệp ấy, tôi rất mong mỗi thuyết phục những người cộng sản đi tiên phong mở màn cho thái độ nhận thức lại bản thân một cách can đảm và nghiêm chỉnh. Tôi muốn nói với những người cộng sản rằng họ hãy từ bỏ việc đeo đuổi cái gọi là “cắm nang thần kỳ” mà Hồ Chí Minh cho rằng đã tìm thấy trong chủ nghĩa Lênin đi — nhất là khi đã bước qua khỏi cuộc chiến tranh để bước

vào xây dựng : với tư cách là những ý thức hệ, không có học thuyết nào có thể tạo ra cho đất nước những điều kỳ diệu trong phát triển cả. Không phải chủ nghĩa xã hội mà cũng chẳng phải chủ nghĩa tư bản, không phải Adam Smith và cũng không phải là Các Mác : chỉ có cái hồn thiêng của một dân tộc — biểu hiện ra ở cái khả năng biết thích ứng để “ chọn lựa lại ” một cách thông minh trước những tình thế mới do thời đại mang đến — là quyết định tất cả mà thôi. Tôi xác quyết rằng cái náo trạng “ cách mạng kiểu cộng sản ” là hoàn toàn không còn thích hợp với tình thế mới ấy nữa rồi : cuộc cách mạng vô sản trước tương lai của dân tộc chỉ còn là một thứ bước thừa thãi, không thể không bị giải phẫu cho đến căn để, dù đấy là một cuộc giải phẫu cực kỳ đau đớn.

Diễn Đàn : Trong một bài viết cách đây không lâu anh có nói đến một “ kịch bản ” chuyển giao quyền lực của đảng cộng sản cho xã hội, nay anh vẫn còn giữ nguyên ý kiến đó ?

Lữ Phương : Tôi vẫn giữ nguyên ý kiến đó và mong muốn những người cộng sản tự thực hiện cuộc “ tự diễn biến hoà bình ” một cách có ý thức, có kế hoạch để tránh những đổ vỡ có thể có do chính sách chuyên chính do nó gây ra. Quyền lợi cao nhất ở đây vẫn là dân tộc chứ không phải là đảng phái này, đảng phái nọ, học thuyết này hay học thuyết nọ.

Diễn Đàn : Anh không nhận thấy đề nghị của anh thật sự là quá... mơ mộng hay sao ?

Lữ Phương : Nếu anh xem những ý kiến của tôi chẳng qua cũng chỉ là một thứ ý thức hệ thì quả thật là quá mơ mộng, mơ mộng theo nghĩa là nó đã mô hình hoá về mặt lý luận một khả năng quá độ hoà bình và có ý thức của một tình trạng xã hội này sang một tình trạng xã hội khác. Nhưng nếu anh nhìn sự việc một cách thực tế thì anh sẽ thấy những gì tôi đề nghị không phải là không có cơ sở : những người lãnh đạo đảng đang làm gì nếu họ không đang thực hiện chính sách “ tự diễn biến hoà bình ” ? Với đường lối gọi là “ mở cửa ” và “ đổi mới ” họ đang làm gì nếu không đang đẩy đến tận cùng cái lôgic gọi là “ vận dụng ” Mác vào thực tế, theo nghĩa là bỏ dần trong thực tế tất cả những gì Mác đã hình dung ra cho tương lai, trong khi đó thì lại bắt tay vào việc thực hiện tất cả những gì mà Mác đã phủ định ? Cái gọi là “ chủ nghĩa xã hội ” đang được xem là giá trị để “ định hướng ” cho sự tăng trưởng kinh tế là gì trong thực tế nếu không phải chỉ là cái tên gọi mỹ miều cho một thứ chủ nghĩa tư bản thời sơ kỳ mà Mác đã phê phán ? Cái “ quốc tế ” mà những người cộng sản Việt Nam đang dựa vào để gọi là hỗ trợ cho sự nghiệp “ tiến lên chủ nghĩa xã hội ” là gì nếu không phải là những thế lực tư bản đa quốc gia ? Anh làm sao có thể tìm được một chút xíu gì gọi là “ chủ nghĩa xã hội mácxít ” khi mà cái gì anh cũng phải bỏ tiền ra mua tất, kể cả cái chỗ đứng mà anh giành được trong sân vận động để tập thể dục vào mỗi buổi sáng ? Có lẽ còn một chút gì gọi được là “ xã hội chủ nghĩa ” thì rút lại chẳng qua chỉ là cái tên của đảng với những lời lẽ ồn ào của đảng về chủ nghĩa xã hội mà thôi : nhưng một đảng cộng sản mà đi thực hiện một thứ chủ nghĩa tư bản man rợ, trong khuôn khổ sự hợp tác với quốc tế tư bản chẳng lẽ đó lại gọi là “ chủ nghĩa xã hội mácxít ” mang màu sắc Việt Nam hay sao ? Không biết có ai trong hàng ngũ những nhà kiến tạo ra đường lối của đảng mà thật lòng tin vào những gì mà họ nói ra hay không, nhưng trong phạm vi tất cả những người mà tôi quen, tôi gặp trong đảng, từ những đảng viên bình thường đến các vị trung ương, tôi thấy chẳng còn ai coi những thứ lý lẽ ấy là quan trọng cả. Vấn đề thực tế chỉ là

làm thế nào để kéo dài sự tồn tại đó mà thôi. Nhưng làm sao thực hiện được điều đó một cách có sức thuyết phục thì lại không phải dễ dàng. Những cái gọi là “ đổi mới ” lý luận về chủ nghĩa xã hội ra đời dưới sự bảo trợ của đảng và nhà nước hiện nay ở Việt Nam, theo tôi, chỉ là sự xoay xở một cách vô cùng hỗn loạn để đối phó với tình thế khó khăn ấy : nó chỉ loay hoay trong sự chấp vá tìm ra cách nói, cách trình bày như thế nào trước công luận để biện minh cho sự từ bỏ dần dà những nguyên lý mácxít về chủ nghĩa xã hội nhưng cuối cùng vẫn duy trì được sự độc tài của đảng chứ không phải là cái gì khác. Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là tình trạng ấy sẽ kéo dài được bao lâu, và kéo dài bằng cách nào khi mà, ngoài sự trấn áp, hù dọa quen thuộc, đảng đã không còn trong tay sự dự trữ tinh thần nào khác ngoài những thủ đoạn nói dối, mị dân ? Sự tan rã về tư tưởng trong hàng ngũ đảng hiện nay là điều đã trở thành hiển nhiên không còn có thể nghi ngờ chút nào. Đảng đang tìm cách “ tự diễn biến ”, tự thay đổi hình dạng cũng là điều không thể nghi ngờ chút nào. Những bản khoản của tôi không phải ở chỗ đó mà là xét xem sự biến chất của đảng theo chiều hướng đó có mang lại được ích lợi thật sự cho sự phát triển của dân tộc hay không mà thôi. Tôi cho rằng mọi việc ngày càng chìm sâu vào tình trạng bế tắc, thực dụng hoàn toàn không có lối thoát về lý luận. Có lẽ sự mơ mộng của tôi, nếu có, thì chỉ xuất phát từ tình trạng ấy : mong muốn sự hoá thân của đảng diễn ra một cách “ tử tế ” hơn, sự đổi mới của đảng diễn ra một cách toàn diện hơn, có ý thức hơn, chứ không nửa vời và phản văn hoá như nó đang diễn ra hiện nay.

Diễn Đàn : Anh có cho rằng những phần tử cấp tiến trong đảng có thể đóng được vai trò tích cực trong quá trình “ hoá thân ” của đảng ?

Lữ Phương : Theo nhận xét của tôi, những phần tử theo đuổi đường lối cực đoan về ý thức hệ trong đảng hiện nay càng ngày càng ít đi và càng yếu thế hơn xưa rất nhiều : điều này cũng đã biểu hiện cả trong lĩnh vực lý luận, là lĩnh vực thường được coi là bảo thủ nhất. Điều đó đã phản ánh sự thay đổi của xã hội Việt Nam là sâu sắc đến như thế nào : chế độ chuyên chính ở Việt Nam dường như đang có xu hướng từ sự thống trị độc tài khuynh tả chuyển sang độc tài khuynh hữu. Một cách khách quan, nhiều người quan sát đã cho rằng tình thế ấy dù sao vẫn có nhiều mặt tích cực hơn xưa. Bị thúc đẩy bởi hàng loạt những thứ sức ép đến từ khắp nơi, từ khắp các lĩnh vực của đời sống, nhất là từ cái xã hội công dân đang được phục hồi trong thực tế, sự thay đổi của đảng trong những ngày sắp tới có thể sẽ diễn ra nhanh chóng hơn. Trong hoàn cảnh ấy, sự đóng góp của những phần tử cấp tiến trong đảng sẽ là cực kỳ quan trọng : văn hoá hay phản văn hoá, dân chủ hay độc tài, theo tôi, vẫn là cái cột mốc để người ta nhận ra chất lượng của những cuộc vận động thay đổi ấy.

(Phỏng vấn do Diễn Đàn thực hiện)

Tim buồn

Chúng tôi được tin Luật sư **Vũ Văn Huyền** đã từ trần ngày 22.6.1995, thọ 88 tuổi. Lễ tang đã cử hành ngày 28.6 tại Les Ulis (ngoại ô nam Paris).

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn với hai bạn **Vũ Hải Long, Vũ Hải Hồng** và toàn thể gia đình.

hiện trạng kinh tế việt nam

Bài HIỆN TRẠNG KINH TẾ VIỆT NAM được trích từ dự thảo báo cáo **VIỆT NAM : CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN TỚI NĂM 2020** (tháng 2.1995) của Viện Nghiên cứu Dự báo - Chiến lược Khoa học và Công nghệ (thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường). Công trình nghiên cứu này do ông Đặng Hữu, bộ trưởng, làm chủ nhiệm, ông Đặng Ngọc Đình làm tổng biên tập. Riêng phần trích đăng do hai ông Nguyễn Văn Thu và Nguyễn Danh Sơn biên soạn. Khoảng 30 nhà khoa học đã tham gia công trình này.

Từ năm 1989 đến nay, quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Nền kinh tế bắt đầu ra khỏi khủng hoảng, đã tự trang trải được các nhu cầu thiết yếu về vật tư, hàng hoá bằng sức lực của chính mình và thông qua trao đổi mậu dịch với bên ngoài. Tiềm năng đất đai, con người bắt đầu được đánh thức nhằm nâng cao mức sống dân cư và tạo sức mạnh cho quốc gia, xã hội.

Những thành công đáng ghi nhận trong hơn 5 năm qua được thể hiện trên một số lĩnh vực chủ yếu sau đây :

- Nhờ những chính sách hợp lý cùng với việc áp dụng tiến bộ khoa học & kỹ thuật trong nông nghiệp, từ chỗ thường xuyên phải nhập lương thực, đến nay Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo, cỡ 1,5 triệu tấn mỗi năm, xếp thứ 3 trên thế giới.
- Nhờ cải tổ hệ thống hối đoái tiền tệ và tài chính, mức độ lạm phát đã được hạn chế ở mức 8 % - 10 % hàng năm.
- Nhờ các chính sách thúc đẩy ngoại thương, cán cân xuất - nhập đã thăng bằng và hàng năm đã đạt giá trị xuất khẩu quặng 3,5 tỉ USD (1993).
- Nhờ theo đuổi một chính sách ngoại giao đúng đắn, quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế đã được giải toả (cùng với sự bãi bỏ lệnh cấm vận thương mại của Mỹ) tạo cơ hội thu hút nguồn đầu tư nước ngoài.
- Nhờ kết hợp được chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước nên đã giữ vững hoà bình, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.
- Một biểu hiện có tính tổng quát nhưng rất cơ bản, đó là trong mấy năm liên tục, mức tăng trưởng GDP đã đạt từ 6 %

đến 8 %, hứa hẹn về một nền kinh tế có tiềm năng và bắt đầu được quản lý đúng đắn.

Tuy nhiên những thành tựu trên đây còn nằm dưới mức tiềm năng của đất nước và con người, có thấp hơn khả năng có thể khai thác được ở hiện trạng thế giới và khu vực, và chưa thể đáp ứng được yêu cầu đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, sớm bắt kịp trình độ phát triển của các nước trong khu vực.

Để có thể dự báo được con đường phát triển của Việt Nam năm 2020, nhất thiết phải nhận dạng rõ ta đang ở đâu ?, phân tích đầy đủ những mặt yếu, những khó khăn và thuận lợi.

1. Việt Nam đã bớt nghèo nhưng với một nền kinh tế chậm chuyển đổi cơ cấu

Khi phân tích điểm xuất phát hiện nay (sau 10 năm đổi mới) của con đường phát triển tới năm 2020, nhiều chuyên gia nhận xét một cách tổng quát là : Việt Nam, về mặt kinh tế, đã là một quốc gia bớt nghèo nhưng chưa vượt qua được ngưỡng nghèo, đã thoát khỏi suy thoái, đã có tăng trưởng nhưng trình độ phát triển còn rất thấp, cơ cấu kinh tế vốn lạc hậu nhưng chuyển đổi chậm mặc dù đúng hướng.

a. Về một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô phản ánh năng lực quản lý kinh tế đều cần những nỗ lực cao. Tỷ lệ tăng trưởng GDP đầu người hàng năm hiện nay chưa vượt ngưỡng 6 %. Muốn đạt mức cứ quăng 10 năm, GDP đầu người tăng gấp đôi, thì tỷ lệ trên phải đạt 7 % và duy trì liên tục trong vài ba thập niên. Cán đối ngoại thương hiện nay vẫn còn bấp bênh. Mức xuất khẩu hàng hoá hàng năm mới đạt 30 USD đầu người là quá thấp (ngay Trung Quốc với số dân khổng lồ trên 1 tỉ người cũng đạt xuất khẩu mức 75 USD đầu người). Tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế rất thấp nên tỷ lệ đầu tư mới đạt 15 % GDP (1993), không đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế (các nước trong vùng Đông Nam Á có nền kinh tế thành công đều có tỷ lệ đầu tư hàng năm tới 25 - 30 % GDP). Mức huy động nguồn vốn trong nước còn thấp. Các thể chế về tín dụng, ngân hàng chưa tạo được niềm tin, vì vậy ngoại tệ (USD) và vàng vẫn còn được cất giữ trong dân. Mức nợ nước ngoài còn lớn so với khả năng của nền kinh tế, có thể sẽ gây khó khăn lớn cho bước phát triển tiếp theo.

Mức thu nhập (GDP) bình quân đầu người năm 1994 của Việt Nam mới ở quăng gần 300 USD, với tỷ lệ nghèo còn chiếm tới 51 % dân số (ở nông thôn là 57 %, ở thành thị 26 %). Tỷ lệ này cũng còn khác biệt theo vùng lãnh thổ (ở miền đông Nam Bộ là 31 %, trong khi đó ở miền núi phía Bắc lên tới 71 %). Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm cũng rất khác biệt theo vùng lãnh thổ : miền đông Nam Bộ đạt 15 %, miền núi phía Bắc chỉ đạt 3,1 %.

b. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi đúng hướng nhưng chậm qua 10 năm chuyển đổi

- Cơ cấu ngành

Tỷ trọng nông nghiệp đã giảm, công nghiệp tăng, dịch vụ tăng khá hơn. Tuy vậy, tỷ trọng của nông nghiệp cũng mới chỉ giảm được hơn 10 %, trong khi tỷ trọng công nghiệp tăng được hơn 2 %, và dịch vụ tăng hơn 8 % theo GDP. Trên tổng thể, cơ cấu kinh tế Việt Nam năm 1993 tương tự với kinh tế

Thái Lan năm 1960.

Nông nghiệp vẫn nghiêng về trồng trọt hơn chăn nuôi, cây lương thực ưu thế tuyệt đối so với cây ăn quả, giá trị canh tác trên 1 ha ruộng đất tăng rất chậm; một lao động nông nghiệp chỉ sản xuất đủ lương thực cho 3 – 5 người trong khi ở các nước phát triển trung bình, chỉ tiêu này là 20 – 30 người.

Trình độ công nghệ – kỹ thuật trong công nghiệp chưa thay đổi được bao nhiêu, nhiều ngành vẫn còn phải sử dụng thiết bị công nghệ từ thập niên 60, 70. Trong toàn ngành công nghiệp, cơ khí chế tạo mới chiếm 14 %, khai thác tài nguyên (đầu mỏ, than đá, quặng, lâm sản, thủy sản...) chiếm ưu thế tuyệt đối so với chế biến các nguồn tài nguyên được khai thác, chế biến lương thực và thực phẩm (rau, quả, thịt, sữa...) không thấm thía gì so với nguồn tươi sống được sản xuất ra trong nông nghiệp. Mức điện năng tính theo đầu người còn thấp tới mức coi như Việt Nam chưa có công nghiệp điện lực. Sản phẩm công nghiệp mang nhãn hiệu Việt Nam còn đơn điệu, chất lượng thấp, khả năng cạnh tranh rất thấp ngay cả với hàng ngoại nhập. Ngành công nghiệp càng ngày càng đuối sức trong trang bị lại kỹ thuật và công nghệ cho nền kinh tế, kể cả cho nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải thông thường.

– Cơ cấu thành phần

Sự chuyển đổi đúng hướng thể hiện ở chỗ thành phần kinh tế quốc doanh đã được củng cố, sắp xếp lại. Tuy vậy, cơ cấu thành phần đã chuyển dịch chậm về hai phương diện: một là, hiệu quả của khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn rất thấp so với toàn bộ đầu tư cho khu vực này; hai là, tỉ trọng của khu vực ngoài quốc doanh liên tục giảm sút trong 10 năm qua (từ 63 % GDP năm 1986 xuống 53 % GDP vào năm 1995). Khu vực kinh tế hộ gia đình, đặc biệt trên địa bàn nông thôn, tuy được khuyến khích phát triển nhưng còn gặp nhiều khó khăn, như thiếu vốn, chưa có thị trường tiêu thụ sản phẩm; thiếu công nghệ hiệu quả; thiếu năng lực kinh doanh, và các điều kiện về hạ tầng cơ sở rất yếu kém.

Sự suy giảm (về tỉ trọng) liên tục của khu vực ngoài quốc doanh là một thực trạng rất đáng chú ý ở nước ta bởi các nước châu Á có nền kinh tế thành công đều coi bộ phận doanh nghiệp tư nhân là lực lượng năng động, nguồn lực lôi kéo quan trọng nền kinh tế phát triển.

– Cơ cấu vùng

Khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng đang có xu hướng doãng thêm ra. Khoảng 70 % đầu tư của nước ngoài đang dồn vào 3 thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh. Đầu tư vào các vùng nông thôn rất thấp. Hầu hết các vùng cao, vùng sâu vẫn nặng về kinh tế tự nhiên, tự túc, tự cấp. Hiện trạng này nếu tiếp tục diễn ra, sẽ làm cho các vùng trong đất nước không được thụ hưởng thành quả của phát triển một cách đồng đều (không có nghĩa là bình quân), sẽ phát sinh mâu thuẫn xã hội. Trên thực tế, “kinh tế địa phương huyện” đã bước đầu được khắc phục tính khép kín trong cơ cấu, nhưng “kinh tế địa phương tỉnh, thành phố” vẫn tiếp tục tồn tại, gây nhiều trở ngại cho việc hình thành các vùng kinh tế bao gồm nhiều tỉnh, thành phố.

– Cơ cấu hạ tầng kinh tế – kỹ thuật chuyển đổi càng chậm hơn, thậm chí vẫn tiếp tục xuống cấp trong nhiều khâu, đang làm nản lòng các nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh, đang

thách đố các nhà đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Hệ thống đường giao thông kém phát triển (nếu tính theo diện tích đất đai, thì tỉ lệ đường giao thông ở Việt Nam mới đạt 0,03 km/km², trong khi ở nhiều nước trong khu vực đạt 3 km/km²); chất lượng thấp, ít đường bê tông/nhựa; mặt đường hẹp; cấp kỹ thuật của các cầu, cống đều thấp. Hiện trạng này, đặc biệt ở địa bàn nông thôn, miền núi đang gây ra những khó khăn cho dân cư ngay trong cuộc sống hàng ngày. Về lĩnh vực này, trong mấy năm gần đây, Trung Quốc đã có những thành tựu nổi bật, hệ thống đường bê tông, đường cao tốc đã không những lan toả trong nông thôn bao la, mà còn kéo dài tới sát biên giới Việt Nam, Myanmar, Ấn Độ.

Về thủy lợi, ở Việt Nam mới có khoảng 27 % diện tích canh tác được tưới, tiêu. Nguy cơ úng lụt, hạn hán thường xuyên đe dọa nhiều vùng trong nước.

Về năng lượng, tuy Việt Nam có tiềm năng lớn về thủy điện, than, dầu mỏ, khí đốt, nhưng trình độ khai thác và mức tiêu thụ năng lượng cho kinh tế – xã hội còn thấp xa so với nhiều nước trong khu vực. Về điện năng, mức tiêu thụ bình quân đầu người hàng năm của các nước Đông Nam Á đều đạt quãng 350 – 600 KWh. Mức độ điện khí hoá nông thôn còn thấp. Đến nay, con số xã có điện chỉ chiếm 45 %, mặc dù mỗi cung cấp chủ yếu cho thủy lợi, thắp sáng gia đình (chưa phục vụ công nghiệp nông thôn).

Về thông tin liên lạc, tuy hệ thống viễn thông bắt đầu được hiện đại hoá, tiếp nối quốc tế thuận lợi hơn, nhưng mạng lưới liên lạc trong nước đến nay mới chỉ với tới các thành phố và thị trấn lớn. Mạng thông tin liên lạc ở nông thôn còn chậm phát triển, không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội hiện nay.

– Hệ thống các dịch vụ thúc đẩy phát triển một nền kinh tế thị trường, như ngân hàng thương mại; đo lường – tiêu chuẩn – kiểm tra chất lượng; sở hữu công nghiệp; thông tin công nghệ – thị trường; tư vấn đầu tư... đều mới manh nha, còn ở một khoảng cách khá xa so với yêu cầu.

2. Các chỉ tiêu văn hoá – xã hội

Bên cạnh việc đánh giá một quốc gia theo chỉ tiêu kinh tế mà một thể hiện quan trọng là mức thu nhập GDP bình quân đầu người hàng năm, gần đây (từ 1992), Liên Hiệp Quốc đã đề xuất một hệ thống đánh giá bổ sung, gọi là chỉ tiêu phát triển nhân bản HDI. Chỉ tiêu HDI được tính toán phối hợp giữa 3 lĩnh vực, đó là: tăng trưởng kinh tế, thành tựu về y tế – xã hội (tuổi thọ bình quân) và văn hoá – giáo dục (tỉ lệ biết chữ). Chỉ tiêu HDI có giá trị lí tưởng (cực đại) là 1 và xấu nhất là 0. Theo thống kê năm 1993, Việt Nam có chỉ tiêu HDI là 0,464, xếp thứ 102 trong số 160 nước, ngay phía dưới các nước Đông Nam Á (đứng đầu về chỉ tiêu HDI (năm 1993) là Canada, thứ hai là Nhật 0,987). Nếu đánh giá dựa trên kinh tế đơn thuần thì Việt Nam thuộc nước kém phát triển, nhưng kết hợp các chỉ tiêu văn hoá – xã hội thì Việt Nam thuộc các nước đang phát triển.

So với những nước có thu nhập thấp (GDP đầu người có giá trị trên dưới 200 USD) thì Việt Nam có một số chỉ tiêu văn hoá – xã hội khá hơn, thí dụ tỉ lệ dân biết chữ của Việt Nam là 88 % (1992), ở các nước có thu nhập thấp là 61 %. Ngoài ra về một vài chỉ tiêu còn tốt hơn cả đối với một số

nước có nền kinh tế thành công ở châu Á, chẳng hạn số cán bộ đại học trên 1 triệu dân của Việt Nam là 4 500 (năm 1985), của Malaysia (năm 1983) là 1 800 và của Indonesia (1986) là 1 300. Tất nhiên ở đây chưa phân tích khía cạnh chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam đang gặp những khó khăn liên quan đến vấn đề xã hội, đó là :

- Tỷ lệ tăng dân số còn cao tới 2,2 % đặc biệt ở nông thôn (Trung Quốc đã đạt tỉ lệ 1,5 %, Thái Lan 1,8 %, Nam Triều Tiên 1,7 %). Số người thiếu việc làm là khá lớn, ở cả nông thôn và thành thị, ước tính 7 - 8 triệu. Hàng năm tăng thêm khoảng 1 triệu lao động đến tuổi. Đây là một sức ép lớn đối với xã hội không những hiện nay, mà còn gây ảnh hưởng lớn tới quá trình phát triển của Việt Nam trong vài ba thập niên tới.

Tuy Việt Nam đã xây dựng được một mạng lưới các cơ sở y tế và giáo dục (từ phổ thông tới đại học) khá rộng rãi ở nhiều vùng trong nước, nhưng do nguồn đầu tư hạn hẹp nên hệ thống này đang ở tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Hiện tượng này nếu không được cải thiện gấp sẽ gây ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ và chất lượng của nguồn tài nguyên con người trong giai đoạn tới.

Quy mô đào tạo trong giáo dục của Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, năm 1989 đạt 9 500 cán bộ đại học trên 1 triệu dân, trong khi Nam Triều Tiên là 52 000 và Nhật là 70 000. Chất lượng đào tạo chưa cập nhật được tri thức hiện đại của thế giới, còn trống rỗng về hiểu biết công nghệ, quản trị kinh doanh và ngoại ngữ.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân thiếu việc làm, nhiều tệ nạn xã hội (ma tuý, mại dâm, AIDS...) có xu hướng tăng trong những năm gần đây.

3. Về môi trường sinh thái

Tuy quy mô phát triển công nghiệp của Việt Nam chưa lớn, nhưng do nhiều nguyên nhân, như : dân số tăng nhanh, việc làm thiếu, mức sống thấp, đến 2/3 dân số còn phải dựa vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để kiếm sống... nên tình trạng môi trường - của Việt Nam hiện đã ở ngưỡng suy thoái, báo động về nhiều lĩnh vực. Không còn tương tự như các nước trong vùng Đông Nam Á ở thập niên 60, ngày nay Việt Nam đã hết khả năng phát triển kinh tế chủ yếu dựa trên việc khai thác tài nguyên, mà phải dựa chủ yếu vào nguồn lực con người và rất thận trọng trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ môi trường - sinh thái. Nếu không sẽ phải trả một giá rất lớn trong tương lai.

Việt Nam có quỹ đất đai hạn chế, tỉ lệ đất canh tác trên đầu người vào loại thấp nhất thế giới. Ngoài ra chất lượng đất đang suy thoái, cộng với tính chưa ổn định của chính sách sử dụng đất, giao ruộng, giao rừng, đều gây ra những vấn đề gay gắt. Rừng bị tàn phá nhiều, tốc độ trồng rừng không kịp. Việt Nam có tốc độ mất rừng cao nhất so với các nước trong khu vực (2,8 % trong khi đó Thái Lan 1,6 % ; Trung Quốc 0,8 %, Malaysia 1,2 %, Nam Triều Tiên 0,1 %, Indonesia 0,4 %).

Nguồn tài nguyên nước của Việt Nam tương đối phong phú, nhưng 60 % nguồn nước bắt đầu từ nước ngoài, vì vậy phụ thuộc vào quy mô và phương thức sử dụng nguồn nước của nước ngoài. Nguồn nước ngầm phong phú nhưng phân bố

không đều. Vùng ven biển nếu không có phương thức khai thác hợp lý, sẽ có nguy cơ nhiễm mặn. Mức độ đảm bảo nước sạch ở thành thị và nông thôn còn ở mức thấp (Việt Nam sử dụng bình quân đầu người hàng năm là 81 m³ nước, trong khi đó Trung Quốc là 462 m³, Thái Lan là 599 m³, Malaysia 765 m³). Chất lượng nước đang trong tình trạng bị ô nhiễm do các xí nghiệp không có thiết bị xử lý nước thải.

Về tài nguyên khoáng sản, do công nghệ khai thác lạc hậu và quản lý chưa tốt, nên dẫn đến lãng phí tài nguyên và phá huỷ môi trường - sinh thái.

Tính đa dạng sinh học ngày càng suy giảm. Nhiều động vật hoang dã bị nhanh chóng tiêu diệt. Chưa có kế hoạch bảo vệ hệ thống gien bản địa.

Vùng ven biển có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế và cũng là vùng rất nhạy cảm về môi trường. Trong một vài thập kỷ tới tốc độ phát triển kinh tế ở vùng này sẽ tăng mạnh, nếu không có định hướng và giải pháp hiệu quả thì nguy cơ ô nhiễm môi trường ở vùng này sẽ rất lớn.

Tuy số lượng các đô thị và các khu công nghiệp tập trung chưa nhiều nhưng ở các nơi này đã có các biểu hiện suy thoái môi trường đáng lưu ý (ô nhiễm không khí, nước thải, rác thải, tiếng ồn, nhà ổ chuột, di dân từ nông thôn ra...)

Hệ thống tổ chức, lực lượng cán bộ và trình độ chuyên môn, cơ sở vật chất cho hoạt động bảo vệ môi trường chưa là bộ phận hữu cơ trong kế hoạch phát triển của doanh nghiệp, của các vùng lãnh thổ. Hệ thống luật kinh tế chưa được hiệu chỉnh, bổ sung theo yêu cầu bảo vệ môi trường.

Schengen...

(tiếp theo trang 9)

như nhau². Song, cho dù nhập cư là một vấn đề quá phức tạp để có thể giải quyết đơn thuần như một vấn đề đạo lý, thì guồng máy Schengen, một khi nó phân biệt *công dân* và *không công dân*, một khi nó dùng những biện pháp trấn áp đơn thuần để quyết chí điều chỉnh luồng nhập cư, tất nhiên đã tạo ra ấn tượng là châu Âu đang xây thành đắp lũy bằng những biện pháp công an, điện tử và tin học để bảo vệ lấy cuộc sống thoải mái của mình. Mới đây, khán giả truyền hình đã được xem một phóng sự, thấy hàng ngày đội tuần tra Đức đi dọc theo bờ sông Oder, dùng trực thăng và chó becgie để săn đuổi những người nhập cư chui trên những bưng biển sinh lầy. Những thành ngữ *săn người*, *canh gác biên thủy*... được nhắc đi nhắc lại. Xưa kia, những đạo quân La Mã canh giữ biên cương của đế chế Roma chắc cũng không khác. Cũng như Tần Thủy Hoàng để cho xây Vạn lý Trường thành. Trường thành của nhà Tần hay giới tuyến *limes* của đế quốc La Mã đã dẫn tới đâu, điều đó mọi người đều biết...

Nguyễn Quang
(K.V. biên dịch)

¹ Khai báo như vậy để làm gì một khi không còn sự kiểm soát ở biên giới ? Có thể nghĩ rằng biện pháp này không nhằm du khách mà nhắm vào những người ngoại quốc muốn đổi nước cư trú.

² Ngược lại, có thể nói những quy định mới đã đơn giản hoá thủ tục đối với người nước ngoài. Những ai mang thẻ cư trú và đã từng đi du lịch chắc đều thấm thía điều đó.

Đặng Tiến

Lê Đạt và Bóng Chủ

J'ai reculé les limites du cri
Paul Eluard, 1940



II Vườn thục một mùi hoa

Thơ Lê Đạt tân kỳ, vẫn giàu màu sắc dân tộc. Mới đây, trong tham luận tại Đại Hội Nhà Văn (3-1995), anh đã nói :
" Truyền thống và hiện đại không phải là hai khái niệm riêng lẻ (...) Một nền văn hoá đích thực, sống động bao giờ cũng bao gồm cả hai mặt truyền thống và hiện đại " (Báo Văn Nghệ, 1-4-1995).

Ngày nay nông thôn Việt Nam không còn cảnh " mức ánh trắng vàng đổ đi " nữa, mà sống nhờ kỹ thuật Thủy Lợi. Nhưng hồn thơ Lê Đạt vẫn phất phơ truyền thống:

*Một đàn ngày trắng phau phau
Bì bạch bờ xoan nước mát
Mộng hoa dâu lum lúm má sông đào*

(Thủy Lợi, tr. 21)

" Một đàn ngày trắng " là một hình ảnh táo bạo nhắc đến đàn " cò trắng bay tung " trong dân ca. Hai chữ *phau phau* nhắc lại bài *Dệt Cửi* của Hồ Xuân Hương : " *Thấp ngọn đèn lên thấy trắng phau* ", từ đó mới nảy chữ *bì bạch* tả những bàn chân lội nước, nhưng lại gợi ý " *da trắng võ bì bạch* " trong giai thoại về văn chương nữ giới. Câu cuối, nhất là chữ " *dâu* " bất ngờ và bất thường nhắc đến thơ Hàn Mạc Tử :

" *Mát tê đi như da thịt nàng dâu* ", và cả một đoạn thơ dài " *vô tình để gió hôn lên má* ", có lẽ Hàn Mạc Tử đã dựa vào câu thơ của Tản Đà, mà nhiều người xem như là ca dao :

*Đêm khuya gió lọt song đào
Chồng ta đi vắng gió vào làm chi*

Ngày xưa, làm bài *Đêm Thu Nghe Quạ Kêu*, Quách Tấn đã bị Vũ Ngọc Phan trách là dùng điển cố cầu kỳ. Ngày nay, Lê Đạt có khi còn khó hiểu hơn, vì hệ thống điển cố của ông phức tạp hơn. Thỉnh thoảng mới thoáng một âm hao quen thuộc, nhưng lại tan biến ngay giữa những hình ảnh mới lạ :

*Rừng buồn bút lá chim chim
Hỏi sim sim tím
 hỏi bìm bìm leo
Chiều gió cả
 tiếng ngàn xưa khăn lá
Thắm vàng khô
 ai hoá những thư già*

(Cổ Lú, tr. 125)

Thơ Lê Đạt phức tạp vì chính con người anh sống thường xuyên trong sự giằng co giữa cũ và mới, nửa tỉnh nửa quê, một tâm hồn luôn luôn *phập phồng một vị riêng quê* (*Ông Cụt Nguồn*, tr.67) hay *thoáng cả cố gắng chưa đóng lọ* (*Quá Trình Công Tác*, tr. 5), hay mùi hương mộc mạc, tình tứ, tha thiết :

*Em vắng nhà
 bờ kết chữa đi xa*

(Nguyễn Du, tr.112)

*Gió bờ kết
 nắng lung liêng mây cúc
(...) Ngò trắng ở hoa vườn trứng cước
Tù và ai ơi ghé đồng tranh
Chiều xénh đàn
 em chẳng gọi tên anh*

(Tù Và, tr. 133)

Thơ Lê Đạt dạt dào hình ảnh quê hương trong tiếng tù và, tu hú giữa những bờ xoan, gốc khế, mếp lúa , nương dâu. Nhiều bài thơ đẹp :

*Tóc trắng tằm xanh qua cầu với gió
Đùi bãi ngô non
 ngo ngó sông đầy
Cây gạo già
 lời tình
 lên hiệu đỏ
La lá cành
 cởi thắm
 để hoa bay
Em về nói làm sao với mẹ*

(Quan Họ, 1970, tr. 91)

Tình tứ và lãng lợ nhất là hai chữ " *cởi thắm* ", nghĩa cụ thể là : hoa gạo đỏ thắm lìa cành, bay theo gió. Nhưng người đọc còn hiểu theo nghĩa khác : *cởi thắm* là *cởi yếm thắm*, vì ngoài hình ảnh dải yếm, hai chữ " *cởi* " và " *thắm* " khó kết hợp với chữ khác. Vì vậy câu thơ " *lời (tình) lá (cành)* " lãng lợ hơn câu hát *qua cầu gió bay*, chỉ mới cởi áo chú chưa cởi đến yếm. Và chữ *cây gạo* còn nhắc đến một chữ *gạo* khác :

*Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư*

Thơ Lê Đạt tinh nghịch, tinh quái, có khi còn quý quái. Nét u mặc (*humour*) là đặc sắc trong từ vựng Lê Đạt, phản ánh nếp suy nghĩ và phong cách sống của tác giả. Nhiều người thích thơ Lê Đạt vì nét phóng thả, nhưng cũng vì đặc điểm này mà nhiều người không thích, thậm chí căm ghét, nhất là về phía trường phái chậm hiểu.

Tình yêu là chủ đề quan trọng trong thơ Lê Đạt, không lấy gì làm mới. Nhưng thơ tình Lê Đạt cảm động nhờ tươi mát, ngây thơ : điều lý thú ở một nhà thơ đã ngoài tuổi sáu mươi, và đã sống tầm tã qua bao nhiêu điều linh, chìm nổi và tội vạ. Thơ tình Lê Đạt róc rách những suối nguồn vô cùng trong sáng :

Anh dắt em đến cửa tình yêu

Mùa nhỏ xưa

Mẹ dắt đến trường

Bài học vỡ lòng tuổi chớm

Trang vắng mưa đêm về sớm

Heo may rải đồng giấy non

Anh vục tay em

Be bé nét đồng

Ai có biết lòng mẩu tự ?

Khuôn trắng

chờ xem mặt chữ

Gió se se hoa trinh nữ thẹn thùng

Thuở đầu dòng

đầu nhỏ

đầu trong

(*Thuở Đầu Dòng*, tr.42)

Bài thơ đơn giản mà hàm súc, trí tuệ mà cảm động. Điều thơ còn để mê run rẩy trên đầu ngọn gió chớm tình, đã sang mùa tư lự trước cơn giấy trắng mưa khuya. Tình yêu, mà ta cho là giản đơn, thật sự không bao giờ đơn giản mà vang âm không biết bao nhiêu khát vọng một đời người. Với người nghệ sĩ, làm thơ hay viết văn, tình yêu, nghệ thuật, tâm hồn, thân xác với cuộc đời là một, là một định mệnh không bao giờ trọn vẹn. Tình yêu có những giây phút tràn đầy nhưng toàn thân tình yêu không bao giờ viên mãn :

Chữ em thôi

một đời

chưa đi trọn hành trình

(*Anh Ở Lại*, tr. 41)

Bao nhiêu truyền thuyết : kết cỏ ngâm vành, ba sinh hương lửa, chưa dứt hương thề, nợ tình chưa trả, là những huyền thoại phản ánh khát vọng tình yêu tận đáy sâu thẳm trong tiềm thức loài người :

Chín kiếp truyện đời

ú ó

một tên em

(*Cổ Lú*, tr. 125)

Tình gần, tình xa, yêu có nhau và yêu trống vắng. Tôi đã có lần ca ngợi câu thơ Hoàng Cầm :

*Anh đi xa em mới biết nói thầm
Đường đi chợ Trầm sang mùa tu hú*

Lê Đạt cũng có ý thơ tương tự :

Chia xa rồi mới thấy em

Như một thời thơ thiếu nhỏ

Em về trắng đầy cong khung nhỏ

Mưa mấy mùa

mây mấy độ thu

Vườn thức một mùa hoa đi vắng

Em vẫn đây mà em ở đâu

Chiều Ấu Lâu

bóng chữ động chân cầu

(*Bóng Chữ*, 1970, tr. 27)

Đẹp nhất là hình ảnh Vườn thức một mùa hoa đi vắng.

Thế hệ Lê Đạt, tình yêu đôi lứa gắn liền với lịch sử. Ánh lửa chiến tranh luôn luôn chập chờn trong thơ anh, dù rằng không Sáng Soi trực tiếp :

Anh mang tình em đi

Qua những đèo lẻ nắng

Những sông trưa không đò

Những đường mưa ngấn trắng

Anh mang tình em đi

Qua những đồi sim chín

Những sắc cây mơ già

Mưa rừng hoa múa tím

Anh mang tình em đi

Qua những mùa đất lạ

Những sớm chim dị hình

Những chiều sương bạc má

Đông gió mù trời

em bóng sáng soi

(*Sáng Soi*, 1967, tr.85)

Có những hạt giống chia ly hẹn mầm tái hợp. Nhưng lắm mảnh đời vĩnh viễn gió bay :

Ba năm anh không về

Ba năm rồi ba năm

Mẹ anh thành nắm đất

Người yêu anh cũng đi

Gốc nửa ngày khế chết

Gốc Khế, tr. 17 là một bài thơ bình dị và cảm động. Niềm đau kín đáo, thi vị. Đến bài *Thư Không Người Nhận*, sự mất mát trở thành bi đát :

Đôi chim cu anh nuôi

Con trống mèo đen ăn thịt

Con mái vào ra một mình

Ấp lạnh bóng trắng rồi chết

Vàng hồ bay

thư không người nhận

gió trả về

(*Thư Không Người Nhận*, tr. 90)

(xem tiếp trang 24)

tranh TỪ DUY tại Pháp

Dặng Tiến

Trong tháng 4 năm 1995, Trung tâm Văn hoá Pháp-Việt (24 rue des Ecoles, Paris) đã trưng bày tranh Từ Duy. Sau đó, họa sĩ vẽ thêm một số tranh và triển lãm tại Pontivy, một thị trấn nhỏ thuộc hạt Morbihan, vùng Bretagne. Hai cuộc triển lãm tương đối thành công, trên hai diện dư luận và tài chính. Lối thành công cò con và từ tốn mà đất Pháp có thể dành cho một họa sĩ Việt Nam chưa có danh vị, không có hậu thuẫn, trên thị trường tranh trần bú giữa hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tranh Từ Duy, và bản thân họa sĩ, có những nét đặc biệt. Trước tiên, có lẽ lần đầu ở hải ngoại có cuộc bày tranh cá nhân của một họa sĩ đi từ đồng ruộng Việt Nam, chứ không phải từ phố phường những kinh đô Hà Nội, Huế, Sài Gòn như từ trước đến nay. Từ Duy, sinh năm 1948 tại Quảng Nam, tự học vẽ giữa những vòng sắn nương khoai; anh là người thất học — không phải là vô học — trưởng thành giữa một hoàn cảnh khốn khổ và đất nước khói lửa. Tuổi trẻ phiêu bạt điều linh không thừa kế được vốn văn hoá như trường hợp Nguyễn Bính ngày xưa. Đất Quảng Nam sinh thành ra anh, giàu truyền thống văn học, nhưng nghèo truyền thống hội họa. Về văn học, Quảng Nam có sân khấu: tuồng, kịch Lưu Quang Thuận, tác phẩm Lưu Quang Vũ; tiểu thuyết: Nguyễn Ngọc, Nguyễn Văn Bồng và Phan Tú (vừa mới mất). Lý luận: từ Phan Khôi đến Lê Đình Kỵ. Thơ thì nhiều. Riêng nghệ thuật tạo hình, dường như không có bao nhiêu. Trước 1945, trường Mỹ thuật Đông Dương tại Hà Nội không thấy tên người Quảng Nam. Thời ấy Phạm Hầu nhà thơ yếu mệnh có vẽ tranh, nay không biết còn không. Thời chống Pháp, họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung nằm ngay tại Khu Năm, vẽ và dạy vẽ, mà không tạo được môn sinh nổi tiếng như Tô Ngọc Vân tại Việt Bắc đã tạo được một thế hệ họa sĩ kháng chiến. Những năm 1960, thời vàng son của hội họa Sài Gòn, họa sĩ Cù Nguyễn (tên thật là Nguyễn Niệm) đã sáng tác nhiều tranh sơn dầu đặc sắc, nhưng sau này không thấy anh vẽ vôi gì. Trong sự hụt hẫng đó, Từ Duy tự lực còm mọ tranh cuốn sang Pháp (thời gian này các màn ảnh Paris đang chiếu phim... *Un Indien dans la Ville*), Hội Văn nghệ địa phương không giúp gì, cơ quan tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp chiếu khán hiệu lực đúng một tháng, nghĩa là ba mươi ngày vừa đi vừa về, đóng

khung, căng tranh, triển lãm và thu dọn.



Tranh sơn dầu và tranh khắc gỗ Từ Duy có nhiều bức đẹp, vẻ đẹp hồn nhiên của tranh tự học — và tự lực. Màu sắc Từ Duy chủ yếu là tươi thắm và đối lập; đường nét cách điệu, mềm mại, tài hoa. Nhiều họa tố của tranh dân gian và dân tộc được phối trí theo hội họa hiện đại, tạo được phong cách riêng, vừa lạ vừa thân. Phong cách đó còn chưa vững nét, phòng tranh chưa nhất trí. Đường cọ Từ Duy có cá tính, mà anh khẳng định quyết liệt trong một số họa phẩm (*Cảnh chợ*, *Tuổi*, *Trăng rằm*, *Chùa Hương*, *Quên trưa*, *Cổng chùa*, và bức *Thiếu nữ*, bán cho bà Mitterrand) nhưng trong một số tranh khác, nét cọ còn lưỡng lự lấp ghép (như *Trưa hè...*). Từ Duy đặc sắc trên những diện tích nhỏ, nhưng tan loãng trên những kích thước lớn — có thể vì đời anh chưa được thấy tận mắt một tuyệt tác hoành tráng: chuyển đi ra nước ngoài sẽ giúp Từ Duy “tung ràn” ra khỏi tư thế “làm ăn nhỏ”.

Người họa sĩ xác định bản sắc mình bằng đôi mắt rồi mới đến bàn tay. Anh phải nhìn sự vật bằng đôi mắt họa sĩ, để nhìn thấy, để nhận ra những mô hình, mà người trần mắt thịt nhìn không thấy. Nếu anh chỉ thấy cái thường tình như mọi người, rồi sao chép lại, thì anh chỉ làm ký họa, và sẽ thành công nếu có chút hoa tay. Nhưng vẫn là tiểu phẩm. Hội họa đòi hỏi một nhãn giới khác, cái nhìn thám hiểm, khám phá, chất lọc, tái tạo và sáng tạo. Họa sĩ vẽ lên cuộc đời — là Thượng đế trên khung vải — trong khi thợ vẽ chỉ vẽ lại cuộc đời. Tiếng Việt ta có từ kếp vẽ vôi thật hay. Họa sĩ là kẻ vẽ vôi một cách trung thực. Từ Duy có con mắt sáng tạo. Một bức khắc gỗ ghi lại cảnh con trâu lội qua sông: chúng ta thấy sống lưng trâu, vôi chú bé cuội trâu bênh bồng trên mặt nước. Từ Duy bắt đầu là họa sĩ từ đó, từ khi anh bắt được sống lưng trâu trên mặt nước. Sau đó, trời lại cho anh thêm bàn tay họa sĩ để tái tạo lại mảnh đời mà mắt anh đã khám phá. Từ Duy nhìn cảnh chợ cũng vậy thôi: bức *Cảnh chợ* (sơn dầu) của anh chẳng giống một cái chợ nào trên thế giới, nhưng vẫn nhộn nhịp, rộn rã. Trong văn học, Ngô Tất Tố nổi tiếng với *Buổi chợ Trung du* nhờ mấy cái lông gà; Nguyễn Tuân nổi tiếng với những chiếc nón trong phiên chợ trong *Tuỳ bút Kháng chiến*. Từ Duy chưa nổi tiếng nhưng bức *Cảnh chợ* (80 x 90 cm) cao giá nhất (5 000 F) bán được ngay buổi khai mạc chứng tỏ rằng người nước ngoài cũng có mắt xanh.

Đề tài Từ Duy đa dạng: cảnh đồng áng mùa màng, đền chùa, tượng Chàm, cô gái quan họ, phố cổ Hội An... là những cái cố để họa sĩ gửi gắm vào đó những ánh sáng vờ bờ trào ra khỏi nội tâm. Thấy anh vẽ cái gì thì ta đoán biết vậy thôi, đừng nên hỏi cặn kẽ: Từ Duy, cũng như nhiều họa sĩ khác, chỉ mượn đời để gửi mình.

Mà cái “mình” của Từ Duy cũng đậm thắm, tươi sáng, yêu đời và còn tin ở hạnh phúc.

Paris, 19.6.1995

Quy hoạch xây dựng :

Một tình trạng đáng lo ngại

Văn Ngọc



Tù vạ xây nhà trái phép trên đê sông Hồng đến Quyết định ngày 16-3-95

Vụ vi phạm đê sông Hồng mà báo chí nói đến nhiều từ mấy tháng nay, cho đến bây giờ vẫn rối như mớ bòng bong. Cuối tháng ba vẫn còn 1108 công trình xây dựng trái phép tồn tại dọc tuyến đê (xem ĐĐ số 41, tháng 5-95, mục Tin tức). Báo chí trong nước đã không ngần ngại nêu lên “*sự yếu kém trong việc thi hành luật pháp của các cơ quan chức năng*”, nhưng rồi cũng không đi xa hơn nữa. Xét cho cùng, làm sao có thể thi hành được luật pháp, nếu giả thử như không có luật pháp, hoặc có luật pháp mà không rõ ràng, minh bạch ?

Cũng như, làm sao các cơ quan chức năng có thể thi hành được nhiệm vụ, nếu giả thử như những “*chức năng*” của họ không được định rõ, và trên thực tế họ chỉ có chức mà không có quyền ?

Người ta được thông tin khá nhiều về những cuộc họp báo, những lời tuyên bố của các nhân vật quan trọng, cũng như các cuộc khởi tố, bắt giam hoặc đình chỉ công tác của một vài cán bộ, chuyên viên nhà nước : một ông Phó chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, một ông Phó kiến trúc sư trưởng Hà Nội, hai ông đại diện cho Kiến trúc sư trưởng ở huyện Từ Liêm và quận Ba Đình, và mới đây, hai ông chủ tịch UBND của hai quận huyện này. Nhưng tuyệt đối không được biết mảy may gì về nội dung những vụ “*kiểm điểm*” của các cơ quan chức năng dính đến vụ này : Ủy ban Nhân dân thành

phố Hà Nội, Bộ Thủy lợi, Bộ Xây dựng, Văn phòng Kiến trúc sư trưởng, v.v... và nhất là không có được một giải thích nào thoả đáng nêu rõ trách nhiệm chính là ở đâu, thuộc về ai, và ở vào thời điểm nào.

Không thấy mấy ai đi vào tận gốc của vấn đề.

Trước sau, người ta chỉ biết dựa vào “*Pháp lệnh đê điều*”, cơ sở pháp lý được thiết lập từ năm 1989 để phán xét. Pháp lệnh này quy định về hành lang bảo vệ đê như sau : “*phạm vi bảo vệ của đê sông là 20 m từ chân đê trở ra phía sông và 25 m từ chân đê trở vào*”.

Thực ra, đứng về mặt quy hoạch xây dựng ở khu vực nằm dọc theo tuyến đê, không phải chỉ có “*Pháp lệnh đê điều*” mới là cơ sở pháp lý duy nhất, mà đáng lý ra còn có “*Sơ đồ quy hoạch chi tiết*” (tương đương với P.O.S.) của khu vực, thuộc trách nhiệm của Kiến trúc sư trưởng (KTST trực thuộc Bộ Xây dựng và Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội).

Sơ đồ quy hoạch chi tiết mới là cái khung pháp lý chung cho việc quy hoạch xây dựng của thành phố. Mỗi khu vực được xây những loại công trình nào, với chức năng gì, với hệ số sử dụng đất (C.O.S.) là bao nhiêu, cao bao nhiêu tầng, kích thước mặt bằng, hình khối và bộ mặt kiến trúc của các công trình ra sao, tất cả đều phải được quy định rõ ràng trên văn bản và sơ đồ do Kiến trúc sư trưởng chỉ đạo và được xét duyệt bởi Bộ Xây dựng và Ủy ban Nhân dân thành phố trước khi ban hành.

Thiếu sót lớn ở đây là SDQHCT của khu vực Hồ Tây và đê sông Hồng, như chúng ta đã biết, mới chỉ được Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ngô Xuân Lộc xét duyệt cách đây có mấy tháng ! Như vậy là đã quá chậm trễ, khi chúng ta biết rằng những hiện tượng xây nhà trái phép, hoặc không có phép ở trên đê sông Hồng, hay ở xung quanh Hồ Tây đã xuất hiện ngay từ những năm 89-90. Thiếu sót này là một nhân tố đã và sẽ gây ra nhiều vấn đề phức tạp, khó giải quyết, không chỉ ở khu vực đê sông Hồng mà thôi, mà còn ở nhiều khu vực khác trong thành phố, đặc biệt là ở khu vực Hồ Tây (xem ĐĐ số 40, tháng 4-95).

Lẽ ra, Pháp lệnh đê điều phải được kết hợp với SDQHCT, trên nguyên tắc là một tài liệu được sự góp ý rộng rãi của tất cả các ngành liên quan, để tổ chức không gian kiến trúc ở khu vực thành phố nằm dọc theo đê.

Ở các thành phố trên thế giới có sông chảy qua, hoặc nằm ở ven biển, người ta thường chú trọng đến bộ mặt kiến trúc của các công trình mà mặt tiền nhìn ra sông hay ra biển (Front de Seine, Front de Mer v.v...). Người ta thường dành một khoảng cách cần thiết giữa nhà cửa và bờ sông, bờ biển, để bảo đảm độ thoáng, tầm nhìn, và để về lâu dài khỏi bị kẹt trong việc tổ chức lại không gian, điều chỉnh lại các chức năng, sinh hoạt, hoặc cải tạo các tuyến đường giao thông v.v...

Trường hợp đê sông Hồng là một trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên đứng về mặt kỹ thuật cũng như về mặt bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan và dự trữ không gian quy hoạch cho tương lai, khoảng cách từ chân đê trở vào đến ranh giới được phép xây dựng nhà cửa lẽ ra phải lớn hơn nhiều so với khoảng cách 25 m đã được quy định bởi Pháp lệnh đê điều. 25m chỉ vừa đủ cho việc bảo quản đê và thực hiện những công trình gia cố đê, mà người ta biết rằng ngay từ bây giờ đã rất cần thiết.

Quyết định ngày 16-03-95 của Thủ tướng chính phủ

Trong tình hình đã rồi mù và không mấy phần khởi ấy, ngày 16-3-95 bỗng nhiên người ta thấy có một quyết định do chính tay Thủ tướng Võ Văn Kiệt ký, quy định một số biện pháp xử lý trong đó hành lang bảo vệ đề trước kia là 25m bị thu hẹp lại chỉ còn 5m gọi là “*phạm vi lưu không*” (zone non aedificandi).

Dựa vào quyết định đó, 2/3 những công trình xây dựng trái phép (tức 2/3 của tổng số 1108 công trình đã nêu ở trên) được phép tồn tại cách chân đề 5 m, một cách hợp pháp ! Rõ ràng **quyết định ngày 16-3-1995** đã phủ quyết Pháp lệnh đề điều năm 1989.

Người ta tự hỏi trước khi ký quyết định này, Thủ tướng Võ Văn Kiệt có tham khảo ý kiến của các cố vấn chuyên gia của Bộ Thủy lợi, Bộ Xây dựng và nhất là của Kiến trúc sư trưởng thành phố không ?

Với một phạm vi lưu không hẹp 5m như vậy, làm sao giải quyết vấn đề an toàn cho đề ? Khi xảy ra biến cố trượt đề hay lún đề, làm sao đưa các phương tiện máy móc và người vào cứu chữa được ? Hoặc nếu có muốn thực hiện những công trình gia cố đề với một qui mô nào đó cũng sẽ không thể làm được. Người ta có thể tưởng tượng được hiểm họa vi phạm nền móng của đề và sự ô nhiễm môi trường sẽ còn lớn đến mức nào, không nói gì đến cảnh quan, nhất là khi những người có nhà ở chân đề sẽ tiếp tục coi đề như vườn nhà mình mà không ai cấm cản được.

Vậy mà khi được các nhà báo phỏng vấn trên điểm này ở buổi họp báo ngày 18-3-95, ông Lê Xuân Trinh, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng đã điềm nhiên trả lời : “ Đây là một quyết định dựa trên những giải pháp khoa học ” !

Việc cho phép tồn tại gần 800 ngôi nhà nằm cách chân đề 5m nghiêm trọng chẳng kém gì việc cho phép xây nhà xung quanh Hồ Tây cách bờ nước 5, 10 m ! Vì ngoài những khía cạnh kỹ thuật ra, còn có khía cạnh thẩm mỹ, còn có vấn đề cảnh quan, mà sông Hồng, hơn bất cứ nơi nào khác, là một cảnh quan của thủ đô cần phải được bảo vệ !

Đã có một thời phần đông dân Hà Nội chỉ sống quanh quần ở bên trong những phố phường chật hẹp của mình và không biết đến cả sự có mặt của con sông Hồng, chứ không nói gì đến cái đẹp của nó. Phải nhìn nhận rằng vào cái thời đó và ngay cả đến những năm gần đây, cảnh quan ở “ mé bờ sông ” cũng không lấy gì làm hấp dẫn cho lắm. Đề điều thì xác xơ, dưới bãi nhà cửa lụp xụp, đi ra tới được bờ sông là cả một chuyện khó khăn, dưới sông thì bè nửa đóng san sát, mùi nứa quanh năm xông lên hôi thối, các bến xe, bến tàu, đầu cầu, luôn luôn là một cảnh tượng nhếch nhác, hỗn loạn. Cái thế giới ở bờ sông và ở các bãi nổi ngoài sông Cái đối với số đông dân Hà Nội thời đó là cả một thế giới riêng biệt, xa lạ và... xa cách .

Phải chờ đến ngày nay mới có hiện tượng tranh giành nhau mua bán đất ở đây để xây dựng và biến khu vực này thành một trong những “ điểm nóng ” của cuộc chạy đua kinh doanh bất động sản, không kém gì khu vực Hồ Tây.

Điều đáng tiếc là nhà nước đã không có được kịp thời một phương hướng quy hoạch cụ thể, hay ít ra một “ sơ đồ quy hoạch chi tiết ” làm cái khung pháp lý cho sự phát triển hài hoà của thành phố về hướng này.

Bởi vì cái tiềm năng của khu vực cửa ngõ phía Bắc của thủ đô là có thực, nhưng cần phải giàu trí tưởng tượng và

nhieu nỗ lực sáng tạo mới có thể biến nó thành hiện thực được. Điều chắc chắn là không phải cứ cho đầu tư xây dựng ò ạt, bừa bãi ở đây là có thể tạo nên được một khu vực hấp dẫn và có ích cho sự mở mang của thành phố. Thực tế đã cho chúng ta biết rằng nó đã tạo ra sự hỗn loạn và giờ đây đang là một chướng ngại lớn cho sự tổ chức lại không gian ở đây.

Lẽ ra, với một dự án quy hoạch nghiêm túc, có tầm nhìn xa và một quan niệm tổ chức không gian linh hoạt, khu vực này do vị trí của nó tiếp giáp với sông Hồng, có khả năng trở thành một khu vực sinh động, có nhiều chức năng phong phú.

Và rồi biết đâu trong tương lai thủ đô Hà Nội lại sẽ không phát triển sang cả đến bên kia sông Hồng ?

Cũng như con đề nhỏ bé kia biết đâu sẽ không trở thành một công trình hiện đại, đồ sộ hơn và kiên cố hơn để bảo đảm an ninh lâu dài cho thành phố, đồng thời hoà hợp với một quần thể kiến trúc và không gian được tổ chức lại, nó sẽ trở thành một điểm hấp dẫn của thủ đô, một nơi dạo mát và thảnh thơi cho người dân Hà Nội và khách bốn phương ?

Trở lại “ Quyết định ngày 16-3 ”. Người ta không thể nào không nghĩ rằng quyết định này sẽ chỉ là một biện pháp xử lý tạm thời và rồi sẽ nhanh chóng được điều chỉnh lại để nhường chỗ cho một quyết định hợp lý hơn, để ít ra cũng cho phép giải toả những công trình nằm cách chân đề dưới 25 m như đã được quy định trong Pháp lệnh đề điều.

Ngoài ra, như đã trình bày ở trên, không thể nào có một giải pháp thật sự thích ứng nếu không kết hợp vấn đề bảo vệ đề, chủ yếu là một vấn đề kỹ thuật và bảo vệ môi trường, với một dự án quy hoạch kiến trúc cụ thể dựa trên Sơ đồ quy hoạch chi tiết là cái khung pháp lý cho mọi quy hoạch xây dựng ở khu vực này ngay từ bây giờ và trong tương lai.

Một quyết định khác còn đáng lo ngại hơn : Thông tư 24 của Bộ Xây dựng

Trên cái nền phong đầy những vụ việc rối rắm và phức tạp của cái xi căng đan vi phạm luật đề điều và luật xây dựng nói trên, thể hiện một tình trạng hỗn loạn cả về mặt trật tự xã hội lẫn về mặt tổ chức và quản lý, không chỉ riêng gì của ngành quy hoạch xây dựng mà thôi, người ta sẽ còn được đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác với những quyết định, nghị định mới, được tung ra trong thời gian mấy tháng nay.

Quyết định ngày 16-3-95 của Thủ tướng Võ Văn Kiệt thực ra cũng chỉ liên quan đến có một vụ việc đơn lẻ, mặc dầu có tầm cỡ quốc gia, là cái xi căng đan vi phạm đề điều, nhưng cái **Thông tư số 24** của Bộ Xây dựng được ban hành ngày 16-12-94 mới là một văn kiện đáng quan tâm vì nó sẽ có tác hại ở một quy mô rộng lớn hơn.

“ Nội dung chính ” (chứ không phải nguyên văn) của bản Thông tư này đã được đăng trên tờ *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* số ra ngày 12-1-1995 và được khẳng định lại trong một bài phỏng vấn Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ngô Xuân Lộc do tờ *Tuổi Trẻ* thực hiện ngày 18-3-95, quy định một số điểm liên quan đến “ **thủ tục cấp giấy phép xây dựng các công trình trong đô thị** ” có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Ngay từ điểm đầu, về việc xin cấp phép xây dựng, văn bản ghi :

– “ Các công trình thuộc dự án đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và Bộ trưởng ngành (chủ quản) phê duyệt thiết kế kỹ thuật ”, thì không cần phải xin giấy phép xây dựng. Người ta không thấy nói đến vấn đề giám sát kỹ

thuật và vai trò của những cơ quan giám sát, nếu có, cũng như vấn đề phê duyệt thiết kế kiến trúc và vai trò của Kiến trúc sư trưởng trong những loại công trình này.

Cũng trên tinh thần phân công theo tầm quan trọng của công trình và theo cấp bậc trách nhiệm, quyền lực :

– “ Bộ trưởng Xây dựng cấp giấy phép xây dựng các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng liên tỉnh ”.

– “ Kiến trúc sư trưởng thành phố hoặc Giám đốc Sở xây dựng cấp giấy phép xây dựng các công trình có vốn đầu tư trên 500 triệu đồng hoặc có diện tích sàn trên 200m² và có chiều cao trên ba tầng (một trệt, hai lầu) ; những công trình có vốn đầu tư dưới 500 triệu đồng hoặc diện tích nhỏ hơn 200 m² và dưới ba tầng nhưng ở khu vực, vị trí quan trọng (trung tâm thành phố, thị xã, quận, ven các trục phố chính, hoặc quốc lộ qua đô thị, ở các khu phố cổ, khu di tích văn hoá, lịch sử, khu chưa có quy hoạch chi tiết ”.

– “ Đại diện KTST hoặc Giám đốc Sở xây dựng tại các thị xã, quận, huyện có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại trong đô thị tại các khu vực theo quy định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ”.

Người ta tự hỏi không hiểu khi ông Bộ trưởng Bộ Xây dựng cấp giấy phép xây dựng cho những công trình lớn cỡ liên tỉnh có tham khảo ý kiến của các cơ quan giám sát kỹ thuật không và nhất là của ông Kiến trúc sư trưởng không về mặt kiến trúc ? Và ông KTST khi cấp giấy phép xây dựng ở những “ khu vực chưa có quy hoạch chi tiết ” (như trường hợp khu vực Hồ Tây, ven đê sông Hồng, v.v...) thì lấy cơ sở kỹ thuật và pháp lý nào để xét xử, ngoài sự đánh giá chủ quan của mình ?

Ngoài ra, qua bài trả lời phỏng vấn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Thông tư 24 trên báo Tuổi trẻ số ra ngày 18-3-95, người ta còn được biết rằng : “ đối với một số công trình xây dựng (nhà ba tầng trở xuống, vốn đầu tư không quá 500 triệu đồng), cơ quan cấp phép không còn được can thiệp vào thiết kế kỹ thuật nữa ”. Như vậy, không thể nào không có một chế độ giám sát, với những cơ quan chuyên môn hoặc của nhà nước, hoặc của tư nhân, có thẩm quyền để giám sát. Bởi nếu không thì làm sao bảo đảm được an toàn về các mặt kết cấu công trình cũng như về các mặt thiết bị kỹ thuật khác : vệ sinh, cống rãnh, chống cháy, chống ô nhiễm môi trường v.v..?

Ngần ấy điểm, đủ nói lên một quan niệm khá mạo hiểm, nếu không muốn nói là nguy hiểm, về quy hoạch xây dựng, qua đó người ta thấy nổi bật lên một điều, đó là nếp làm ăn vẫn còn thiếu dân chủ và thiếu khoa học dựa trên nguyên tắc tập trung quyền lực, không chia sẻ, coi nhẹ chuyên môn, coi nhẹ sự tham khảo ý kiến của các ngành chuyên môn, đồng thời coi nhẹ cả hai khía cạnh cơ bản của công tác xây dựng là khía cạnh kỹ thuật và khía cạnh kiến trúc.

Với một cái khung pháp lý như vậy, sẽ không thể nào tránh khỏi nạn “ dẫm chân ” lên nhau, hoặc “ qua mặt ” nhau của các cấp về mặt trách nhiệm và quyền lực, cũng như không thể nào tránh được những sai sót trong việc kiểm tra chất lượng kiến trúc và chất lượng kỹ thuật của các công trình xây dựng trong thành phố.

Từ đó sẽ không thể nào làm đẹp được bộ mặt của đô thị, và tránh khỏi được những tai hoạ về xây dựng cũng như về kiến trúc.

Văn Ngọc

Lê Đạt và Bông Chử

(tiếp theo trang 20)

Chúng ta ghi nhận ở đây tác dụng quan trọng của kỹ thuật, của thi pháp tạo ra cảm xúc, làm nên giá trị bài thơ. Lê Đạt sáng tác qua ba giai đoạn : quan sát - học tập - sáng tạo.

– Quan sát : bóng trắng tròn như quả trứng ; vàng hồ bay như những bức thư. Dĩ nhiên là nhà thơ đã nhìn trần gian bằng con mắt sáng tạo. Sáng tạo khi nhìn.

– Học tập : trong Kiều đã có chữ ấp “ quạt nồng ấp lạnh ”. Thơ Đình Hùng :

Run tay ấp nửa bàn chân lạnh
Thương những con đường mưa cuốn đi

Hình tượng “ trắng lạnh ” đã có trong thơ Tản Đà, Xuân Diệu. Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay đã có trong truyện Kiều.

– Sáng tạo : động từ ấp ở Lê Đạt cụ thể hơn : con cu mái ấp một quả trứng, không có trống, không bao giờ nở, ấp một cách vô ích và vô vọng, và tính từ lạnh đau thương vì đồng nghĩa với cõi chết, cái chết tuyệt vọng, tuyệt tự và tuyệt giống. Ta có câu ca dao thật buồn :

Anh đi đường ấy xa xa
Để em ôm bóng trắng tà năm canh

Buồn, nhưng vẫn hạnh phúc. Xa cách, con người vẫn sống, vẫn yêu, bằng ánh sáng nhớ nhung. Thơ Lê Đạt bi đát hơn : chữ “ ấp ” nồng nàn và thể thảm. Hình tượng mới : Thư Không Người Nhận đã đi vào hư vô, đã đau thương lắm, còn bị gió trả về lại làm chết thêm một lần khác, chết nhiều lần nữa. Nghiệm cho cùng, người xưa khi ao ước : ba trăm năm nữa ai người khóc... là còn hạnh phúc và may mắn.

Cái chết bôi xoá. Trận cuồng phong quét sạch ảo vọng và hư danh, vẫn còn để tro cõi những gốc nợ đời :

Nợ cũ khối xương rồng hoa trả đỏ
Hương thấp gọi ba lần
không đáp lửa

Hồn có nhà
hay bát mộ đi xanh

(Thanh Minh, 1972, tr. 134)

Thơ Lê Đạt sau phần tinh quái, còn có phần ma quái và yêu quái. Tuy nhiên, dù có là *đội máu thay lời* thơ vẫn còn phảng phất hương hoa mộng mị :

Mai ngày anh không còn
Hành quân vui gió nắng
Đầu anh em nhớ trồng
Một gốc hoa mạn trắng
Để lòng riu riu càn
Nghìn bướm cười ánh nắng

(Hoa Nghĩa Trang, tr. 99)

Chúng ta nhớ đến câu thơ cổ mà Nguyễn Tuân đã nhắc trong truyện ngắn *Thả thơ* trong *Vang bóng một thời* :

Mộ thượng mai khai xuân hựu lão
Trên mồ mai nở — lại xuân già

Thơ Lê Đạt đã gửi những cánh hoa mai trẻ tràn, vẫn y hẹn đến với một mùa xuân ngang trái.

Đặng Tiến

(còn tiếp một kỳ)

Khoa học kỹ thuật và văn hoá

2. Chủ nghĩa duy lý cổ điển

Hàn Thuỷ

Vì phần đầu bài này đã xa (xem DD số 37, 1.95), xin nhắc lại : Lần trước đã đi qua sự hình thành khoa học và kỹ thuật (KHKT) tại Âu châu thời kỳ “ tiền Galilei ”, và hứa sẽ tiếp theo bằng phần bàn về bản sắc văn hoá và khoa học kỹ thuật. Sở dĩ như vậy vì, sau khi đã có dàn bài và thu thập tạm đủ tài liệu, tưởng rằng có thể viết ngắn ; nhưng hoá ra tài bất cập chí, viết ngắn khó hơn viết dài ; đành phải xin đăng dần thành nhiều kỳ theo dòng lịch sử. Lần này (phần hai) xin giới thiệu tóm tắt những đặc thù của tinh thần KHKT cổ điển, đã hình thành trong hai thế kỷ 17 và 18. Tiếp theo là phần ba : ảnh hưởng hỗ tương của các cuộc cách mạng KHKT, cách mạng quan hệ sản xuất và cách mạng chính trị trong hai thế kỷ 18 và 19. Sau cùng sẽ đề cập tới những khủng hoảng trong khoa học kỹ thuật hiện đại kể từ cuối thế kỷ 19 cho đến nay, cũng như giới thiệu một vài nghiên cứu so sánh KHKT Đông phương và Tây phương. Qua cái nền lịch sử quá ngắn ngủi đó người viết bài chỉ có tham vọng xoi lên một số câu hỏi trong mối liên hệ phức tạp giữa KHKT và bản sắc văn hoá.

1. Ánh sáng thiên khải rơi xuống trần gian

Cho tới thế kỷ 17 người châu Âu coi hiểu biết của con người là thiên khải, một đặc ân từ Thượng đế ban xuống. Tới Descartes, ông tin rằng lý trí con người (*la raison*) là do một khả năng được Thượng đế cấy vào phần xác, để rồi từ đó con người có thể tìm hiểu tự nhiên qua cố gắng của bản thân. Nghĩa là, nói như một ẩn dụ quen thuộc, Thượng đế không cho con người mỗi ngày một con cá, mà ban cho hẳn cái cần câu. Như thế là một thay đổi cơ bản trong nhận thức, đưa đến thay đổi cơ bản trong chương trình hành động của con người ; vì hẳn chỉ có thể dựa vững chắc vào khả năng tư duy của mình. “ *Tôi tư duy, vậy thì tôi hiện hữu* ”, mệnh đề triết học đã làm chầy biết bao nhiêu mực, nhắc lại ở đây chỉ để khẳng định một khía cạnh : kể từ Descartes con người đã được gắn liền với khả năng tư duy của nó. Hiểu biết do con người đạt được bằng cách vận dụng cái lý tính đó ông gọi là “ ánh sáng tự nhiên ” (*lumière naturelle*) và theo ông, ngay cả sự hiện hữu của Thượng đế, vấn đề thần học cơ bản, cũng có thể được minh chứng bằng ánh sáng tự nhiên.

Thế kỷ sau, thế kỷ 18, cũng được gọi là thế kỷ ánh sáng. Chính vì sau những phát kiến khoa học kỹ thuật vô cùng hiệu quả so với quá khứ, các nhà khoa học và triết học như d'Alembert, Diderot và những người làm nên bộ bách khoa toàn thư Pháp, đã đam mê đến tuyệt đối thứ ánh sáng duy lý làm tỏ rạng thế giới tự nhiên đó.

1.1. Từ Copernic tới Galilei

Nhưng thế nào là thế giới tự nhiên ? Trong truyền thống

Tây phương trước Copernic, thế giới lý tưởng của chân thiện mỹ là nơi trú ngụ của các vì tinh tú bên trên mặt trăng (*monde supra-lunaire*), nghĩa là tuy rất xa xôi nhưng nhìn thấy được, nghĩa là có thật, hiện hữu, hiện hữu một cách sắt đá không khác gì đất, nước, khí và lửa trong thế giới phàm tục, thế giới ở dưới mặt trăng (*monde sub-lunaire*). Chuyển động của các vì sao thể hiện lý tính tuyệt đối, bất biến, có chu kỳ đều đặn ; hiểu biết về cái thế giới lý tưởng đó là cách để hiểu thế giới phàm tục đầy nhập nhằng và nhiễu loạn. Vì thế đối với các học giả Âu tây từ thượng cổ, tìm hiểu chuyển động của tinh tú là vấn đề vô cùng quan trọng, vòm trời cao vừa là thế giới của thần linh và của những hiện tượng thần bí có ảnh hưởng tới vận mệnh con người, vừa là thế giới toán học. Đó có lẽ là những điểm dị đồng giữa Đông và Tây cổ đại ; đồng, vì bộ môn thiên văn học (*astronomie*) ở Đông phương và Tây phương đều xuất phát từ những quan sát bầu trời và phát hiện những liên hệ thực sự tới khí hậu, mùa màng, và khởi đầu cũng đều đồng nghĩa với chiêm tinh học (*astrologie*) ; dị, vì trong truyền thống tranh luận dân chủ của Hy Lạp, sự đòi hỏi những giải thích duy lý rất cao đã sớm đưa lại những sản phẩm tuyệt vời của trí tuệ, như những giả thiết khác nhau về vũ trụ, dựa trên lý luận toán học. Có gì vô tích sự (trong khung cảnh của hai nghìn năm trước) và khó khăn hơn những tranh luận về nguồn gốc và hình thái vũ trụ ? nhưng cũng không gì cao đẹp, hùng vĩ và vô vị lợi hơn thế. Chỉ đếm số sách viết về vũ trụ học trong những năm gần đây đủ thấy truyền thống đó vẫn ảnh hưởng sâu đậm trong khoa học và văn hoá Tây phương.

Khi Copernic (1473-1543) truyền bá lại thuyết “ trung tâm là mặt trời ” có từ thời Hy Lạp (Aristarque de Samos, 275 trước Công nguyên), và cho trái đất cùng một vai trò như những hành tinh khác xoay quanh mặt trời, thì đã ngấm ngấm phá bỏ cái thế giới thần linh nhìn thấy được ở bên trên mặt trăng rồi, nhưng ông mới chỉ dám nói đó là một giả thuyết để tiện bề tính toán. Tác phẩm chủ yếu “ *về quỹ đạo của các thiên thể* ” in xong khi Copernic đang ốm nặng, ông chỉ được cầm quyển sách trong tay vài giờ trước khi chết. Thuyết Copernic gây ra một cuộc bàn cãi náo nhiệt và lâu dài trong các đại học-tu viện, người ủng hộ thuyết này mạnh mẽ và phát triển tới cùng là Giordano Bruno (1548-1600). Ông bị xử án thiêu sống vì nhiều lần phản bác các giáo điều, trong đó có tội lỗi lớn nhất là dám nói rằng thế giới tự nhiên là vô tận, không có trung tâm, trong đó không những trái đất mà cả mặt trời và các hành tinh khác đều không có gì đặc biệt, có vô số mặt trời và vô số hành tinh, nghĩa là đi xa hơn Copernic rất nhiều. Năm 1616, tức là 16 năm sau khi xử hoả thiêu Bruno và 73 năm sau khi Copernic qua đời, giáo hội mới chính thức kết án thuyết Copernic, cấm Galilei (1564-1642) truyền dạy thuyết này. Khi ấy Galilei đã là một học giả được giới quý tộc và giáo sĩ, kể cả giáo hoàng, trọng thị. Mặc dù bị cấm, Galilei vẫn viết sách báo về thuyết Copernic, năm 1633, nghĩa là 17 năm sau lệnh cấm, Galilei bị xử phải quỳ gối tuyên bố từ bỏ thuyết trái đất quay quanh mặt trời. Tương truyền rằng ngay khi đứng dậy ông lại lẩm bẩm nói “ thế nhưng nó vẫn quay ! ”.

Người ta hay cho rằng trong quá khứ thiên chúa giáo bảo thủ và cứng nhắc tới đã man, vì đàn áp tư tưởng ; thực ra hệ thống quyền lực gồm vua chúa và nhà thờ từ trung cổ qua thời phục hưng không phải là một thể thống nhất, do đó dù sao cũng chấp nhận tranh luận, người tài tuy đa truân lang bạt nhưng vẫn có đất dung thân. Và phải nói, đối với trí thức, giáo

hội đã sử dụng bạo lực một cách thận trọng như khoảng thời gian dài đấu tranh tư tưởng chung quanh thuyết Copernic cho thấy ; mặc dù cần tương đối hoá theo vận tốc thông tin của thời chưa có điện, sách in hiếm và đắt, chỉ truyền từ nơi này tới nơi khác theo hành lý trên lưng con lừa của các giáo sĩ (nghèo. Tâm huyết ở đâu và thời nào cũng nghèo, chứ còn thiếu gì những giáo sĩ ngồi xe bốn ngựa. Xem phim “ *Le nom de la rose* ” ; lời bàn của người đánh máy). Dĩ nhiên như thế không có nghĩa là không sai lầm và không độc đoán, nhưng người ta có thể nghĩ là những vị đã phán xét Galilei hay Bruno thực sự tin vào những kết án của họ, vì các phiên toà đều công khai, và chính vì thế nhìn chung lại giáo điều đã biết lùi từng bước trước lý luận khoa học. Những trường hợp như Bruno và Galilei không nhiều lắm, nghĩa là cả về tuyệt đối lẫn tương đối nhà thờ thời ấy rất nhân đạo và cởi mở so với Staline, Mao và vãn vãn. Cũng có thể rút ra thêm một kinh nghiệm lịch sử khác : mặc dù phương tiện truyền tin chỉ là cái lưng con lừa cũng không thể ngăn cấm sự truyền bá tư tưởng, nếu chúng tu có sức thuyết phục.

1.2. Từ Galilei tới Descartes và Newton

Năm 1609 khi Galilei sáng chế viễn vọng kính và chiếu lên khảo sát các thiên thể thì đã mặc nhiên nhập hai thế giới chia cách bởi mặt trăng làm một thế giới duy nhất. Toán học không phải là ngôn ngữ của các thiên thần, mà chính là ngôn ngữ tiềm ẩn sâu kín của thế giới tự nhiên. Thế giới tự nhiên có những quy luật phổ quát của nó, viết bằng ngôn ngữ toán học, và muốn khám phá những quy luật này phải quan sát và thí nghiệm. Quan điểm của Galilei thực ra không khác những lời dạy từ thế kỷ 13 của Roger Bacon (1210-1292), nhưng có lẽ lúc ấy quá sớm. Bacon là giáo sĩ tại Oxford và Paris, đã bị treo bút và cấm dạy học nhiều năm vì truyền bá Aristote. Cuộc cách mạng nhận thức tiếp diễn qua Descartes (1596-1650) với phương pháp hình học phân tích (*géométrie analytique*), cho phép mô tả bằng toán học sự chuyển động của các vật thể của thế giới tự nhiên trong không gian — vô tận — ba chiều. Cái mà sau này hậu thế gọi là “ hệ thống tọa độ của Descartes ” chính là một sáng tạo của nhà toán học lớn thời Hy Lạp Apollonios de Pergè (cuối thế kỷ thứ 3 trước công nguyên, tác giả của những đường cong ellipse, parabole và hyperbole do chính ông đặt tên), được Descartes phát triển trở lại. Niềm tin của Descartes vào khả năng con người có thể dùng phương pháp phân tích duy lý để đi từ nhìn rõ tới hiểu rõ thế giới tự nhiên, và sau đó đi từ hiểu rõ tới làm chủ thiên nhiên, được biểu lộ qua một mệnh đề quá nổi tiếng khác, trong tác phẩm *Luận thuyết về phương pháp (Discours de la méthode)* : “ ... khiến cho con người trở thành người chủ và chủ sở hữu của tự nhiên ” — *rendre l'homme maître et possesseur de la nature* — Câu này có thể được coi là tuyên ngôn và chương trình hành động của khoa học kỹ thuật cho đến giữa thế kỷ 20, với quá nhiều thành công. Khiến cho con người nhiều khi bỏ quên sự tinh táo nghi ngờ triết học nằm ở điểm khởi đầu của luận thuyết về phương pháp.

Với đồng hồ để đo thời gian và hệ thống tọa độ để đo không gian, thế giới dưới con mắt các học giả thời ấy quả đã sáng rõ như “ từ ấy trong tôi bùng nắng hạ ”, khác trước nhiều lắm. Vũ trụ quan, phương pháp luận cũng như những quy luật cơ học tuy chưa hoàn chỉnh của Galilei và Descartes mở đường cho những khám phá và phát minh toán lý sâu sắc hơn của Newton (1642-1727), để đi đến bộ môn cơ học thuần lý về sau này, một trong những nền tảng vững chắc nhất của sức mạnh

kỹ thuật Tây phương. Về mặt khoa học tự nhiên, trong suốt hai thế kỷ sau người ta coi như sự tìm hiểu thế giới về cơ bản đã chấm dứt khi Newton tìm ra qui luật vạn vật hấp dẫn (công bố năm 1687), và chứng minh tính cách tuyệt đối phổ quát của nó, từ quả táo tới mặt trời mặt trăng và các hành tinh. Để áp dụng quy luật này vào cơ học của các thiên thể cũng như “ địa thể ”, Newton đã sáng tạo phương pháp toán học giải tích, vi phân ; đồng thời và độc lập với Leibniz (1646-1716), nhưng các ký hiệu ngày nay dùng là của Leibniz vì tiện lợi hơn.

2. Tinh thần duy lý trong khoa học cổ điển

Hãy tạm dừng ở cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18 để nhìn chung lại. Tinh thần khoa học Tây phương kể từ khi khám phá trở lại Aristote, qua giai đoạn sùng bái, tới giai đoạn vượt qua Aristote, rồi tới đỉnh cao muôn trùng Newton... có những đặc điểm gì mới ? Trong di sản Hi Lạp những gì đã đào thải và những gì còn lại ? Có thể tóm gọn như sau :

* Toán học được giữ lại và phát triển vượt bậc, cả toán học và tinh thần thực nghiệm đều được tôn trọng, nâng cao và hỗ trợ lẫn nhau trong các nghiên cứu cơ học.

* Cơ học của Aristote và Ptolémé bị đánh đổ và thay bằng cơ học của Newton trong một khung cảnh tiến bộ kỹ thuật thường trực, vừa hỗ trợ, vừa đặt yêu cầu, vừa đưa vào sử dụng ngay những thành tựu lý thuyết. Nói cho cùng thì việc toán học hoá cơ học, tức là chuyển động của các vật thể (vô sinh, hay nhìn dưới khía cạnh vô sinh) trong không gian là việc dễ nhất, cho nên thành công đầu tiên.

* Trong thế kỷ 18 các bộ môn khác, với các đối tượng phức tạp hơn như hoá học, sinh học, y học, nhân văn và xã hội bắt đầu được hình thành và xây dựng theo những mô hình chịu ảnh hưởng nặng của cái nhìn cơ học.

2.1. Thuyết phục và chứng minh

Khái niệm chứng minh (*démonstration*) nảy sinh từ nền dân chủ Hy Lạp. Nói vậy có nghĩa không ai ngoài người Hy Lạp tìm hiểu rõ ràng thế nào là chứng minh, điều mà trước đó hay cùng thời ở các nơi khác con người vận dụng một cách không có ý thức, và vì thế cũng không toàn hảo. Có lẽ vì dân chủ nên cần thuyết phục nhau bằng ngôn từ, và sự thuyết phục cao cả nhất là tôn trọng nhu cầu đi tìm sự thực của người đối thoại. Đó là khoảng cách từ các nhà biện luận vô danh ở Athènes tới triết gia Socrate : với Socrate biện luận không còn để chinh phục người khác mà để bắt buộc mỗi người thoả mãn lý trí của bản thân, để mỗi người tự tìm ra sự thực “ *connais toi toi même, hãy tự biết mình* ”. Sau này Aristote phân biệt rất rõ ràng sự thuyết phục (*persuasion*) tức là làm cho người khác nghe theo mình bằng đủ mọi cách, và sự chứng minh (*démonstration*) trong đó những nguyên tắc của logic phải được tuân thủ chặt chẽ từng bước một. Mặc dầu môn logic học hình thức (*logique formelle*) ngày nay có nhiều phát triển phức tạp, các quy tắc sơ đẳng do Aristote nêu ra, như nguyên tắc đồng nhất (A chính là A), tam đoạn luận (Socrate là người, làm người ai cũng phải chết, vậy thì Socrate cũng sẽ phải chết)... vẫn là những nguyên tắc cơ bản về lý luận, vẫn nằm trong cơ sở của máy tính điện tử. Một khám phá vĩ đại nữa của Aristote là nhận thấy rằng dù có chặt chẽ tới đâu thì cái mất xích đầu tiên của chuỗi lý luận cũng là cái không thể chứng minh, chỉ có thể hy vọng nêu lên những chân lý đơn giản và bao quát nhất mà mọi người cùng chấp nhận trước khi bước vào cuộc “ phiêu lưu của trí tuệ ”. Euclide là người đã tuân thủ phương pháp luận của Aristote trong toàn bộ trước tác

toán học của ông, vì thế đã xây dựng được một công trình của lý trí đúng sừng sững trong hơn hai ngàn năm không một vết mờ, sẽ vĩnh viễn hữu ích trong nhiều hoạt động kỹ thuật cụ thể, và vĩnh viễn được chấp nhận như những mẫu mực của lý luận toán học. Thiên tài của Euclide thể hiện qua nhiều mặt : Ghi lại có hệ thống, theo thứ tự từ thấp đến cao, một cách sáng sủa và chặt chẽ, những hiểu biết toán học trong thời đại ông sống, trong đó có những chứng minh độc đáo của bản thân ông ; nhiều chứng minh đẹp tuyệt vời. Nhưng cái làm cho Euclide thực sự thành “ vạn đại vi sư ” là hệ thống các định đề hình học của ông : tóm gọn chân lý về đường thẳng, mặt phẳng, không gian trong vài câu ai cũng thấy hiển nhiên không cần chứng minh ; rồi từ đó Euclide không hề phạm sai lầm lý luận nào hay viện dẫn bất cứ chân lý nào khác. Thiên tài ở chỗ biết rằng phải như thế, và như thế là đủ. Lý tưởng của khoa học cho đến nay vẫn là “ giản dị hoá mọi sự đến hết mức có thể, mà không đi quá ” (Einstein).

2.2. Không gian, thời gian, và vật chất

Với Aristote, vạn vật của đời thường nếu gọi là hiện hữu thì phải chiếm một thể tích nào đó trong cái mà ông gọi là “ không gian nền ”, *espace substrat*. Nghiên cứu những hình thể lý tưởng mà người ta có thể khái quát hoá từ những vật thể của đời thường như điểm, đường thẳng, mặt phẳng ... chính là đối tượng của hình học, và bước đầu tiên của hình học lại là phải khái quát hoá cái không gian nền, nơi cư trú của vạn vật. Trong nghĩa ấy, những nhà toán học Hy Lạp mà đỉnh cao là Euclide phải được hiểu như những nhà vật lý học lý thuyết (không tự giác) đầu tiên, vì đối với họ không gian toán học và không gian là một. Từ Aristote chỉ có trực giác cụ thể không gian nền là nơi cư trú của vạn vật, qua Euclide với bộ môn hình học, tới toán học của Descartes, Newton... không gian chúng ta đang sống ngày càng được hiểu rõ. Nhưng chỉ với Einstein, người ta mới nhận thức được rõ ràng rằng cấu trúc của không gian là một vấn đề vật lý lý thuyết cơ bản.

Ánh sáng mà Descartes và Newton thấp lùn trong thế kỷ 17 ngày càng tỏ rạng trong suốt thế kỷ 18, và ảnh hưởng sâu đậm trong triết học, văn hoá, đời sống kinh tế xã hội từ đó cho tới nay. Nhưng đó là một mảng vấn đề lớn ở đây chưa thể đề cập. Chỉ muốn cùng bạn đọc thử dùng tưởng tượng đặt mình vào vị thế của người “ quân tử ” (*gentilhomme*) có học của khoảng nửa đầu thế kỷ 18, trước khi có các đảo lộn kinh tế xã hội, để xét xem, về mặt khoa học tự nhiên, đâu là những xác tín vững vàng :

- * Trái đất tròn, và trái đất quay quanh mặt trời tròn, cố định như những vì sao khác.

- * Vạn vật trong khắp vũ trụ tồn tại và chuyển động trong một không gian Euclide ba chiều, những chuyển động đó có thể được đo đạc bằng đồng hồ và một hệ thống tọa độ.

- * Khi không có gì tác động trên nó, một vật thể sẽ chuyển động theo đường thẳng với vận tốc cố định. Sự tác động trên một vật thể có thể được biểu thị bằng khái niệm “ vectơ lực ” (*vecteur force*), đại khái như một mũi tên. Gia tốc, tức là vectơ biểu diễn sự thay đổi vận tốc, khi ấy sẽ tương xứng với lực tác động.

- * Vạn vật trong vũ trụ, không chừa bất cứ cái gì, thu hút lẫn nhau theo quy luật của Newton.

- * Chuyển động của mọi vật thể, lớn như mặt trời hay nhỏ như hòn bi, đều có thể được nghiên cứu bằng cách coi chúng như một tập hợp của những phần tử rất nhỏ, và áp dụng những

phương trình toán học giải tích. Khi đó nếu biết rõ vị trí hiện tại, có thể tiên đoán vị trí của chúng trong tương lai một cách vô cùng chính xác.

Rõ ràng những thành quả đó là những hiểu biết rất vững chắc về mặt cơ học. Thế nhưng đi ra ngoài khía cạnh cơ học, nhiều câu hỏi còn tồn tại.

- * Ánh sáng (không phải ánh sáng duy lý, mà ánh sáng của đời thường, cái làm cho con mắt nhìn thấy được), là cái gì ? là vật chất hay không phải là vật chất ? Newton thì cho rằng đó là hạt, Huyghens lại cho là sóng. Ai đúng ?

- * Bản thể của vật chất là cái gì ? Dĩ nhiên thời ấy đã rõ là cả Démocrite (thuyết nguyên tử) và Aristote (thuyết nguyên tố) đều quá giản lược, nhưng về căn bản ai đúng cũng chưa giải quyết được. Bản thân Newton cũng đã mày mò rất nhiều trong những thí nghiệm có tính cách “ tiên hoá học ” (alchimie).

- * Có lẽ thuyết về các “ dịch lý ” (*cause*) của Aristote, đặc biệt là cái dịch lý cứu cánh (*cause finale*), tuy về mặt cơ học đã bị lay chuyển, nhưng chưa thể nghi ngờ khi khảo sát các sinh vật.

3. Tạm đúc kết : Kinh nghiệm ngày thơ và thực nghiệm

Hoá học, sinh học, sinh vật học ... còn là những tiến bộ để dành cho cuối thế kỷ 18 và thế kỷ 19 là chính, cùng với thuyết tất định tuyệt đối của Laplace. Tuy nhiên, với cơ học, tinh thần duy lý Tây phương, cái mầm mống để ra KHKT và nền văn minh kỹ nghệ đã thành hình : đó là sự duy lý thực nghiệm (*experimental*), sự duy lý kết hợp giữa ngôn ngữ toán học trừu tượng và thực tế kinh nghiệm. Ở đây cũng cần cải chính một điểm : không thể nói rằng người Hy Lạp không tôn trọng sự quan sát thực tế. Aristote rất tôn trọng thực tế nghiệm sinh, và các nghiên cứu và quan sát trong Y học của trường phái Hippocrate và sau này tại Alexandrie đều rất cao, nghĩa là đã có thực nghiệm ở một mức thấp, có quan sát nhưng ít thí nghiệm. Chỉ có thể tiếc là tuy có toán học và có thực nghiệm, nhưng toán học và thực nghiệm đã không gặp nhau. Có lẽ có nhiều lý do : hoặc vì chưa cần thiết (mọi chuyện cụ thể khó nhọc đã có nô lệ làm), hoặc vì nếu cần thiết thì lại quá khó (y học một phần nào chỉ trở thành khoa học có lý thuyết chính xác sau Pasteur), hoặc vì kỹ xảo và công nghệ chưa đủ chính xác để có thể phát hiện những đặc điểm đáng chú ý của tự nhiên (muốn có Galilei trước cũng phải có công nghệ làm thủy tinh và mài kính).

Niềm tin cơ bản nằm trong khoa học là đằng sau sự phức tạp của thế giới nghiệm sinh có một trật tự đơn giản hơn, không thấy được qua nghiệm sinh trực tiếp, nhưng diễn giải được bằng ngôn ngữ toán học, và từ đó nghiệm sinh được một cách gián tiếp, thông qua thực nghiệm. Thực nghiệm, có nghĩa là đồng thời khảo sát thực tế bằng quan sát, phân loại, đặt tên, suy diễn và thí nghiệm, nghĩa là bằng cách sử dụng một lý thuyết ; và đồng thời khảo sát trở lại lý thuyết bằng thực tế. Kể từ Galilei nhân loại đi tới trong hiểu biết tự nhiên bằng hai chân. Phương pháp khoa học cơ bản đó cho tới nay không có gì thay đổi, và điều bí ẩn vẫn là “ tại sao thế giới này có thể hiểu được ” (Einstein). Chữ “ hiểu ” ở đây có hai khía cạnh : mô tả bằng ngôn ngữ toán học những quy luật tự nhiên cơ bản, và tiên đoán đúng kết quả của những hành động dựa trên các quy luật đó. Nghĩa là vừa trừu tượng vừa hữu hiệu.

Hàn Thuý

Hoa của đất

Phạm Thị Minh Thu



Minh họa: TRẦN BÌNH

Cái đầu còn đang mệt thù và đôi mắt chỉ chực đứ lại của tôi chợt chuyển ngay sang trạng thái khi bắt đầu cảm giác có người lảng vảng quanh quán mình. Cùng sáu bảy giác quan đang căng ra, nó ráo riết rình mò suy tính để rồi... chẳng phát hiện ra điều quái gì. Nhưng từ ấy, sau khi hai ông khách sộp ném đến lạng rượu gan cùng đôi tim to tướng vào hai bát cháo, lại uống tới mười ba lon coca cola, chẳng ma nào bước vào quán nữa. Cũng biết chẳng thể tham, hai ngày nghỉ lễ mới rồi thiên hạ hẳn đã mệt nhoài vì những rong chơi, nhất là những tiền nong phải ném vào vô số các quán kiểu “quán cháo kính mời” này, nhưng... gan thì có thể kho làm thức ăn mặn cho ngày mai chứ nửa quả bầu dục tướng này biết giải quyết sao đây? Đành thì nán thêm tiếng nữa!

Trong lúc rình chộp thêm dăm con mồi còn thấy ăn tét độc lập thế vẫn là chưa đã tôi lôi cuốn sổ ghi tiền hàng ra để làm nốt bức thư... Chồng bà bạn chủ chính thức của quán tôi đang nương nhờ này là trưởng phòng hành chính làng Son, một trại trẻ mồ côi hoạt động dưới sự bảo trợ của một tổ chức từ thiện. P.S.B.F. không trực tiếp cho tiền chỉ làm cầu nối giữa những đứa trẻ và công dân nước họ, rất thực tế lòng từ thiện P.S.B.F. xin cho mỗi trẻ chỉ mười dol một tháng và họ kiểm soát hoạt động của mười dol chặt chẽ, đều đặn không chệ vào đâu được. Nhưng đó là các việc giữa P.S.B.F. và làng Son, cái tôi đang làm đây là sợi dây tình cảm nối lũ trẻ với những công dân ở một xứ sở xa lắc lơ mà các hiểu biết của tôi về nó thật mù mờ. Mười dol trên mức thu nhập bình quân tháng hai ngàn dol là mức có thể, thường tình của lòng tốt con người, tôi không đánh giá cao nó, chỉ rất khoái cuộc sống hiện ra trong bức thư đang dịch đây. Đã đọc kỹ nhiều lượt, việc tôi phải làm chỉ là viết nó ra dưới các câu ngắn,

đúng cú pháp tiếng Việt để một đứa trẻ lên chín có thể đọc. Phần đầu bức thư tôi đã làm được một ít, chép nó ở trang giữa cuốn vở ghi tiền hàng để khi xong sẽ dỡ ra trao luôn cho ông trưởng phòng hành chính.

Tôi dẹp cái thớt sang một bên để lấy chỗ đặt cuốn vở. Mắt diên, ngoài quầng sáng của quán tôi cả quầng phố bao lấy nó tối thui, ăng lạng, song cảm giác hồ nghi, bất an lúc trước đã biến mất khi tôi mở cây bi Bến Nghé, cúi xuống trang giấy.

“Keiko, Sean và bác rất sung sướng khi nhận được lá thư mới đây của cháu nhất lại được biết cháu đã dỡ sợ môn văn hơn, còn được tới hai điểm bảy.

Cháu có hỏi về công việc của bác. Nó cũng bình thường thôi. Bác là cảnh sát. Nghề của một cảnh sát là phục vụ người dân trong khu vực. Những giây phút sung sướng nhất của bác là khi được giúp đỡ những người cần giúp đỡ và tham gia vào các cuộc cấp cứu. Công việc may vá của Keiko vợ bác, đang tiến triển tốt đẹp, mới rồi đã có một khách đến đặt cô ấy may một bộ váy để dự đám cưới. Keiko làm hai nghề, và làm rất nhiều thời gian trong ngày. Công việc ở khách sạn của cô ấy lại bắt đầu bận rộn vì mùa du lịch đã tới.

Mùa đông năm nay ở chỗ bác rất lạnh và nhiều tuyết. Qua ảnh bác gửi kèm thư cháu có thể thấy dấu chân những con thú. Những con hươu thường đến cửa sau nhà bác và bác thường cho chúng ăn. Nhưng không chỉ thế, ngoài dấu chân hươu còn có cả dấu chân sói. Chó sói thường sống ở những vùng hẻo lánh trên núi ADIRON DAK nhưng năm nay đã thấy chúng xuất hiện quanh vùng bác ở, việc này thật không bình thường! Nó khiến mọi người phải lo lắng và tiến hành các phòng ngừa...

Vào ngày nghỉ bác thường đến ngọn núi gần hồ PLACID nơi tổ chức thể vận hội mùa đông. Bác leo núi để tập luyện và tạo niềm tin cho chính mình. Bác đã leo được bốn mươi sáu ngọn núi ở vùng HIGH PEAKS. Chúng đều cao trên bốn nghìn mét, một fut bằng một nghìn bốn trăm mét, nghĩa là cao hơn độ cao dãy Anpơ, để leo hết những ngọn núi này bác đã mất sáu năm.

Cháu hỏi về những ngày hè của gia đình bác. Bác đã làm xong phòng trà ở phía sau nhà cho Keiko. Nó được thiết kế theo truyền thống Nhật Bản, sẽ là nơi để Keiko giải trí sau các công việc của cô ấy. Còn Sean, con trai bác, đã kết thúc năm học rất tốt, là học sinh giỏi của lớp. Tháng trước nó cùng cả lớp đi du lịch đến Paris (Pháp), London (Anh) trong hai tuần. Sean đã học tiếng Pháp rất tốt, nói khá thông thạo, khi đến Paris lại được một người bạn trước cùng làm khách sạn với Keiko dẫn đi chơi các nơi, nên thời gian ở đây nó thấy rất tuyệt. Nhưng Sean nó thích các món ăn ở London hơn ở Paris... Bác hy vọng rồi đây cháu sẽ học tốt môn ngoại ngữ. Bác biết học để sử dụng thành thạo được một ngoại ngữ rất khó, nhưng nó thật cần thiết cho cuộc sống. Bác đã từng học tiếng Đức, tiếng Nhật và dạy tiếng Anh cho Keiko. Bác và Keiko đã sống với nhau hai mươi một năm, cô ấy tới giờ vẫn học tiếng Anh...

Mùa hè khi trường nghỉ các cháu thường làm gì? Sean sau khi đi du lịch về thì làm tại một cửa hàng ăn. Nó thường làm việc với ông bếp trưởng và được chỉ vẽ tận tình.

Cũng đã muộn rồi, bác cần đi nghỉ để mai có thể làm việc tốt. Bác chúc cháu cùng anh chị em, bạn bè ở làng Son một năm học mới tốt đẹp, vui.

Bác Theo Materson”

Viết xong tên viên cảnh sát đáng yêu, nhìn đồng hồ thấy đã mất vào việc này hơn bốn mươi phút. Vẫn chẳng ma nào có ý bước vào quán. Thôi thì đành kho cả bầu dục để về với chồng con vậy ! Tôi đứng lên dẹp quán. Đang làm bất chợt lại như thấy có ai đó lớn vồn đầu đây. Lần này thì không chỉ nghe ngóng, tôi bước ra ngó kỹ cả trước lẫn sau quán. Quái quỷ, vẫn chẳng thấy điều gì. Tự trấn an rằng đêm tối cùng cái gan thỏ đã sinh ra chuyện. Tôi mau mắn làm nốt các việc.

Rồi, khi đã đóng hết các tấm gỗ cửa lùa, chỉ còn cài then ngang, bấm hai ổ khoá, tắt đèn, xách túi tiền qua cửa hậu ra về thì... trên chính ngưỡng cửa hậu ấy đã hiện ra một người đàn ông. Tôi đứng chết lặng, thiếu điều sụn luôn.

- Xin lỗi, đã làm chị hãi. Tôi... tôi là, là bạn trai An...

Bạn trai An... Ra gã cử nhân kinh tế đang sắp sửa sang Liên Xô làm nghiên cứu sinh đây ! Chuyển việc thăm gia đình tôi anh vừa gọi lại cũng mới đây thôi. Bố tôi hôm đó đã thuật lại các ứng xử nhả nhận, phải phép của anh ta. Còn khen mặt mũi nom sáng láng. Khen con An tốt phúc, chậm là chậm chắc.

Mà điều mái đầu hơi cui cui, nhất là gương mặt có khuôn hình thon thon, có là da mịn màng mai mái, có đôi mắt thông minh u ẩn nằm dưới hai hàng mi dài - những cái " có " cứ toát ra, cứ lồ lộ những ve vuốt rất gợi dục... chắc chắn tôi đã gặp, nhưng ở đâu ? Trong hoàn cảnh nào ?

- Tôi đang chuẩn bị về nhưng mời anh cứ vào... Nghe nói anh về đã lâu song cứ việc nợ đuôi việc kia thành thủ hoá vô tâm với cả An lẫn anh.

Tôi nói, tôi vốn vơ kéo ghế, đổ bã trà trong bình tích đầy ắp một thứ nước loãng toẹt... nhưng vẫn không ngừng lục lọi trí nhớ lần tìm gương mặt kia. Gã trai thì vẫn đứng, rồi bỗng lúng túng nói một câu gì như xin lỗi để vội vã trở ra ngoài rồi lại vội vã trở vào ôm theo một xác du lịch giả da. Anh ta ôm nó lúng túng ngồi xuống chiếc ghế tôi đã kéo sẵn rồi lại ngồi người đặt cái xác ra phía sau. Khi quay lại tôi đã thấy làn da mai mái chột căng căng, đỏ lên, sượng sùng thế nào. Và trời ơi, tôi đã nhận ra anh ta. Cái gương mặt cứ đầy lên những món trộn vuốt ve, những gợi dục tự giác vượt ra ngoài vòng kiểm soát của lý trí một dạng thức của kiểu mặt tôi mới chỉ bắt gặp ở " phái yếu " này, thật không thể lẫn được...

Cái nhìn chiếu tướng của tôi khiến hàng mi dài sụp xuống, gã đàn ông thở dài, mân mó chén trà hồi lâu, rồi bỗng đặt xuống :

- Chị đã nhận ra tôi, mặc dù đã lâu... tôi và bà ta không vào đây ăn nữa...

- Chắc từ khi anh biết quan hệ mật thiết giữa An và gia đình tôi ? - Mặt lạnh tanh, giọng tôi đầy khiêu khích.

- Vâng - gã đàn ông sụp mặt xuống, không ngừng mân mó chén trà - nhưng xin chị tin cho tôi thật lòng quý trọng An, mơ ước một người như cô ấy...

- Bà ta hẳn là người cô kết nghĩa mà tôi giờ anh vẫn đang sống nhờ nhà ?

- Vâng - Gương mặt nín nhịn càng cúi gằm hơn.

- Có phải ngay từ chập tối anh đã lảng vảng ngoài quán tôi ?

- Vâng.

Lại " vâng " ! Tôi diên người ngó gương mặt chẳng còn thấy mắt đâu nữa.

- Vậy chứ anh gặp tôi để làm gì ?

Nói rồi tôi thản nhiên đứng dậy bê thanh gỗ đặt ngang những cửa lùa, bấm luôn hai ổ khoá.

- Mọi chuyện tôi sẽ thưa chị rõ. Còn tối nay tìm đến đây là để... - gương mặt sáng loáng nhưng chẳng hề để ua như bố tôi đã cảm nhận bỗng ngược lên, nó nhìn tôi đầy vẻ năn nỉ - Tôi xin chị cho ngủ nhờ trong quán đêm nay, một đêm thôi. Tôi... tôi không thể trở về ngôi nhà ấy được nữa.

- Theo tôi biết còn đúng một tuần nữa anh mới bay sang Nga, vậy các đêm tối anh sẽ ngủ đâu ? Mà nếu tôi nói ra việc này với An thì sao nhỉ ?

- Chị rất thương An. Tôi cũng thế. À không, xin lỗi, tôi... rất cần cô ấy, muốn cô ấy đừng biết... Chị rõ hơn tôi An là người không thể chịu nổi những sự đó.

Những ngày này ông chồng về quê lo việc mờ mả tổ tiên, mấy đứa con công kia việc nợ cũng đi xa cả, còn tôi thì không thể... nên đã nói rằng phải về quê trước khi đi. Chiều nay bà ấy đã áp tải tôi ra ga - một nụ cười méo mó thâm chọt nở trên gương mặt gã đàn ông - Bà ấy tưởng chúng tôi sẽ đưa nhau đi, nhưng tôi lên tàu chỉ cốt để lộn xuống. Các đêm còn lại tôi đã có chỗ, chỉ xin chị đêm nay, sáng ngày tôi sẽ ra đi sớm.

Ừ, cứ cho gã đàn ông thiệt lòng với An, trong ba năm làm nghiên cứu sinh lại cắt được cái " đuôi " đáng tuổi mẹ kia, thì không lẽ nó, một cô gái còn nguyên ở tuổi hai tám, tóc cặp thẳng đuột, còn vận các chiếc sơ-mi cũng thẳng đuột thế, quần lụa đen, guốc nhựa nhọn gót trong lúc thiên hạ đã sang những " bầy mảnh ", " đuôi tôm chân ", quần âu rộng toé loe, rồi " gộc " da từ tám hoánh, lại có thể lấy con người đồ đốn này làm chồng ? Hiểu " việc " của An coi như tiêu, tôi cầm túi, đứng dậy, kết thúc phi vụ ầm ố.

- Hà Nội ta thiếu gì nhà trọ, khách sạn loại rẻ, khoản này anh chắc rành hơn tôi ? Cô bạn chủ quán lại bán hàng buổi sớm, sẽ rầy rà lắm...

Ngược nhìn bộ mặt lạnh tanh, " dứt điểm " của tôi vị khách hàng không mời cũng chẳng đến để ăn đành đứng lên nhắc túi du lịch ôm vào lòng cúi thủ bước ra. Tôi ngán ngẩm nhìn theo mái đầu cui cui. Trừ năm tháng lại đây, còn thì, trong hai năm ba tháng kiếm được chân bán hàng đêm ở đây con người luôn chuyên chú, ngon miệng và cúi mặt suốt lúc ăn này đã mang đến cho tôi kha khá tiền lời thông qua việc xơi gọn gần bảy trăm quả bầu dục và nghìn tư trứng gà. Hai mươi hai tháng rông, đêm nào họ cũng ghé quán tôi, việc ăn thường nhật đến thế nhưng chưa lần nào tôi thấy người đàn bà gầy đét sặc sỡ nợ lơ là việc chăm sóc bát cháo của tình nhân, chẳng một quả bầu dục, một quả trứng gà nào tươi nhất, to nhất lọt khỏi đôi mắt sáng quắc nằm dưới hai vòm mắt thâm đen, thật lòn.

★

Đêm đó uống tôi hai viên seduxen tôi vẫn không sao ngủ được, cứ hề vừa " dứt rễ " được suy tính này để lao vào rỗng không mê mụ thì tức khắc một suy tính khác lại hiện hình. Càng cố càng mệt, vì seduxen ngẫu nhiên có mặt trong nhà cũng đã rỗng không, thôi thì dậy làm nốt mớ thư cho đức lang quân của bà bạn, ngày mai tối trung tâm đành lại mặt dày với cô bạn giữ thư viện chui vào đó nằm trên đồng Pravda mà ngủ bù vậy. Mờ mắt, thốt nhiên tôi tự hỏi : nguyên nhân của những dẫn dục là đây chăng ?

Trong tầm mắt tôi, bên trên ô cửa sổ kê giường, vào cái đêm bên này của trung thu lồ lộ hiện ra một vầng trăng to tướng, đỏ lừ... tôi nín lặng nhìn cái vật thể tuyệt đẹp nhưng mà dị thường, mà bất trắc làm sao. Mùa thu, cả mùa đông nữa,

thường có những vầng trăng như vậy. Ngày con gái hiển hình là nó lại dắt tôi ra khỏi nhà, đặt lên xe, bắt đập lòng vòng hết phố này qua phố nọ, cứ đi thế dưới nó mà mừng tượng về phía trước. Đương nhiên, dưới ánh sáng của khối đỏ lừ “đoạn trường” ấy, phía trước nào hiện ra phẳng phiu, bình an nổi?

Thời con gái qua lúc nào chẳng hay. Tôi thành đàn bà, lăn lóc qua những thời son gió rẻ tiền, những bộ đồ sang đi sửa lại cho đỡ lỗi mốt, qua những chậu đồ bần đầy ngất và các cuộc cãi lộn với chồng thường khơi lên vì tình để kết thúc bằng tiền... Vẫn sống trong thành phố hết mùa thu này đến mùa đông nọ nhưng còn lòng nào để nhớ cái vật thể đầy phấp phồng, luôn như cảnh báo một điều gì này! ...

Ra khỏi màn mới hay đêm còn khá dài. Tôi mở túi lấy ra mớ thư, cuốn vở ghi tiền hàng, tôi bên bàn viết cũng là bên khuôn cửa sổ thứ hai của nhà mình. Vẫn bị chi phối bởi ma lực nọ, tôi ngược nhìn lên, và... lạ chưa, tại vị trí này tôi vẫn thấy đúng nó: lờ lờ, đỏ lừ... Vội vã cúi đầu toan sấn vào công việc để quên đi những “tự vấn” hấp lìm tôi chợt nhận ra một bì thư nằm nghiêng lọt giữa hai chồng sách vở của con gái tôi.

Bì thư được phong kín không cả tem lẫn tên người gửi. Và kẻ hân hạnh được nhận nó là tôi. Sao lại thế? Trước khi lên giường tôi còn ngồi đây khá lâu soát lại bài vở trong ngày của con mà! Rõ ràng ai đó đã nhét nó vào đây sau lúc tôi tắt đèn. Ai? Tôi bỗng nhòm người vươn cổ nhìn ra bên ngoài, nhưng trên khoảng sâu hẹp tí chỉ đập dồn thứ ánh sáng ma quái đang không ngừng trút xuống từ thực thể dị thường nọ.

★

“Tôi đã ngồi trên thềm quán để viết thư này. Đêm nay tôi không thể không nói với ai đó, và tôi đã tìm đến chị. Có thể sau khi được nói tôi sẽ ngủ lại quán như ngỡ ý xin nhưng không phải để năm đêm tiếp lại tôi ngủ đậu ở một ai đó. Ngày mai tôi rời Hà Nội, vào Vũng Tàu. Ở đó một người bạn thuở chần trâu cắt cỏ đang làm đầu khí có thể kiếm cho tôi một công việc.

Tôi không thể sang Nga làm nghiên cứu sinh được nữa, bà ấy đã làm xong thủ tục đi xuất khẩu lao động, thậm chí vùng bà sẽ làm “trưởng” chính là vùng tôi tới. Ngẫm lại tôi thật không rõ vì sao bà ta lại “chọn” tôi? Ngày đó trong mấy tháng làm luận văn tốt nghiệp rất nhiều sinh viên thường la cà ở phòng tổ chức để dò hỏi về các chỉ tiêu phân công công tác. Nhưng đôi mắt sáng quắc nằm dưới hai vòm mắt thâm thâm thật lớn đó chỉ nhìn tôi, và cái giọng vốn sin sít của bà đã chỉ cất lên ân cần dịu dàng để hỏi han mỗi tôi. Bà trưởng phòng tổ chức tỏ ra thực sự ái ngại trước nỗi lo lắng thái quá của thằng sinh viên có sức học chỉ trung bình khá lại là con của những hai nông dân ở cái miền quê người nhiều hơn đất mà cũng như tôi chồng bà đã phải bỏ nó một mạch chạy ra thành phố. Hôm nhận được giấy phân công công tác về tỉnh nhà tôi đã hốt hải tìm đến bà. Còn nhớ, bấy giờ tôi đã nóng ran mặt trước cái nhìn chuyên chú đến lạ lùng của bà. Rồi khi ngược đôi mắt vừa phải cụp xuống tôi đã ngỡ người trước điều được thốt ra từ đôi môi thâm thâm đỏ. Bà đã cho tôi một chân hợp đồng tại phòng tổ chức để chờ một cơ may vào đợt có chỉ tiêu bổ sung, giấy phân công coi như xé bỏ, lại nói nhà rộng, là đồng hương của chồng coi như con cháu trong nhà, tôi có thể tới ở nhờ cho đến lúc nhận được việc ở Hà Nội. Ngay lúc đó tôi biết cái cơ may kia là có thực, và người đem nó tới cho thằng sinh viên suốt năm học cứ mỗi lần chợt nghĩ tới ngày ra trường lại lo thất ruột, mất ngủ trắng đêm bần thần bần thần như hoá dở, chẳng ai khác ngoài bà. Còn vì sao thật tôi không cất nghĩa nổi.

Ngôi nhà ở ngay trong trường ở khu tập thể cán bộ thôi nhưng vì là nhà trưởng phòng tổ chức nên có khác hơn, nó tách biệt với các gian nhà cấp bốn úp sụp bởi những đất đai quanh nhà và một hàng ô rô cao ngút. Tôi dong chiếc “va li” gỗ bôi phẩm nửa đỏ nửa vàng khé đến ngôi nhà rộng rãi của bà cô tốt bụng chiều hôm trước thì hôm sau tới làm việc ở phòng tổ chức. Người ta nói tôi sẽ được lĩnh bốn mươi năm đồng một tháng. Trời ơi, thay cho mười tám đồng học bổng trước kia giờ tôi có riêng hẳn những bốn mươi năm đồng, lại có chỗ dung thân trên cái đất Hà Nội không một ai quen biết nữa kia chứ! Là người ở đây giàu trí tưởng tượng đến đâu chị cũng chẳng thể hình dung hết niềm sung sướng cuồng nộ trong thẳng sinh viên nhà quê nghèo hèn đến như tôi bấy giờ đâu.

Tôi còn nhớ, sáng đó từ lúc nhận việc đến giờ nghỉ trưa tôi đã ngồi cắm mặt vào chồng sổ to tướng dày cộp lần đầu tiên trong đời. Cái bàng quan tẻ hại của tôi dường như không còn tồn tại. Rồi người nhắc tôi tới toilet và lôi tôi ra khỏi chồng sổ chẳng ai khác ngoài con người xưa nay hiếm kia. Bà rủ tôi về nhà ăn trưa cùng, nói đã chuẩn bị một món ngon thật tôi nhân ngày làm việc đầu tiên.

Chiều hôm trước do mừng quá tôi đã đánh rơi mất phiếu ăn, sáng ngày thì... nhà họ tiền ai nấy đi ăn chứ không nấu bữa sáng, thành thử ngồi trước mâm cơm có rau muống sào tỏi và thịt, cả một đĩa to đầy tú ụ thịt bò bốc khói thơm lừng, da mặt tôi bỗng lạnh ngắt còn tim cứ đập loạn lên. Lần đầu tiên trong đời tôi biết thế nào là món *bít tết*, *thịt bò bít tết*! ... Trưa, nhà chỉ hai cô cháu ăn với nhau. Nói cho đúng chỉ có tôi mãi một nhai nuốt còn bà ngồi nhìn nhưng phải một lúc tôi mới nhận ra, khi ấy tôi bị thịt giắt răng – Răng tôi thưa nên thịt bò mềm thế cũng không thoát được sự này. Khốn nạn, năm năm nội trú cơm sinh viên thật đầy nhưng tôi còn biết đến thịt chứ ngày ở quê lấy đâu ra? Mà thịt cần cho cơ thể thế nào thì con người hưởng tới nó theo bản năng chứ đâu phải qua hiểu biết về những đạm rời prôtít vớ vẩn vân vân. Bản năng dẫn lối rồi bản năng lại mách bảo, dưới cái nhìn quá chăm chú của đôi mắt sáng quắc tôi đột nhiên nhận ra sự bất ổn trong thói quen nhai lại thật kỹ rồi nuốt chứ không vút bỏ phần thịt giắt răng sau lúc xỉa tăm. Nóng ran mặt từ bấy tôi cứ cúi gầm mặt ăn rõ nhanh cho xong bữa...

Hai tháng trôi qua, chỉ bằng cái nhìn kiểu đó bà đã chữa được cho “thằng cháu” cái tật khốn khổ, mất cái tật đó cũng là lúc tôi thành đàn ông với bà. Từ bấy đến nay có để đã chục năm? Tôi không rõ nếu được trò chuyện cùng chị tôi có thể nói ra những điều này chẳng? Sau mỗi lần “đi lại” với bà tôi bao giờ cũng bị hành tội bởi cái cảm giác nhục nhã, nhầy nhụa của một thằng thủ dâm. Thì người đời vẫn phải thế nhưng chỉ là từng lúc, từng quãng sống, còn tôi, tôi đã bắt đầu thế và cứ triền miên chìm lìm trong đó! Trời ơi, tôi đã ngủ với một người đáng tuổi mẹ mình, lại còn qua mặt cả chồng con bà ta để làm việc đó trong khi họ thành tâm cứu mạng tôi...

Nhưng tôi bỏ chạy không vì các day dứt ân hận, Thời gian tạo nên thói quen, thêm nữa là những trói buộc của một sự thật nhộp nhúa – ngay khi tới với An tôi đã biết chuyện sẽ chẳng nên gì – Vàng, nếu không có sự cố sau hẳn tôi sẽ sang Nga, sẽ lại cùng bà ta thế đến chót đời.

★

“Sáng nay khi đến chia tay mọi người trong Ban tôi đã bắt gặp một khung cảnh thật nhốn nháo. Sân Cục, các hành lang chỉ những người là người. Rồi lại còn cảnh sát. Sấn vào tôi mới

rõ cách đây tiếng rưỡi người ta đã phát hiện ra Hoá treo cổ tử tử trong một cái gác của phòng thí nghiệm nhóm hần. Phòng thí nghiệm này vốn là một toilet công cộng, khá rộng, khi sử dụng cũng chỉ dỡ bỏ các bệ xí, làm vệ sinh sạch sẽ, thiết kế được sửa đổi rất “ gọi là ” nên ngoài về cổ quá nó còn đủ góc gác để... đầu giờ có người nhòm vào còn thấy Hoá ngồi ở bàn ghi ghi chép chép thì non tiếng sau cô bạn cùng nhóm tới làm việc đã thấy hần kip lúng lẳng trên đúng cái vị trí được sinh ra để... đại tiện.

Hoá dân Quảng Bình, hơn tôi ba tuổi. Tôi tới nhận việc ở Ban khoa học, nhóm hần đang xin chưa xong toilet họ, nên ngày ngày trong cùng một gian phòng mười hai con người có Hoá và tôi mỗi kẻ một bàn vẫn ngồi đọc hay viết lách một cái gì đó.

Hoá du học sáu năm ở Ba Lan. Ra đi từ một xóm xinh nào đó ở Quảng Bình song ăn mặc chẳng quê tẹo nào, lại tỏ ra con người hiểu biết. Quần áo đẹp, mặt mũi thông minh sáng sủa, ứng xử tự tin và rất hoạt. Có thể nói hần là một gã trai có giá được vô số các em trung cấp xinh đẹp lượn lờ ve vãn. Vồn vã với tất cả, nhưng mục tiêu của Hoá lại là cô bạn kỹ sư cùng phòng, học ở Nga, về trước tôi hai năm. Lam da đen đen, đầu to, lưng dài, chân hơi ngắn. Ngoài vẻ khinh khỉnh gương mặt buồn rười của cô gái kiêu lời chẳng gọi cảm giác nào. Tôi chỉ nghe nói cô có một giọng hát rất hay, nghe nói cô là con gái một cán bộ kha khá, hiện một mình sống cả căn hộ lắp ghép hai mươi tư mét vuông. Lam quá ít nhời, Hoá lại khôn ngoan tế nhị, nên “ định hướng ” này tôi cảm thấy là chính chứ nó lộ ra có hai lần. Lần thứ nhất do quên chìa khoá xe đạp tôi quay lại phòng thì bắt gặp Lam đang đưa trả Hoá ba cái đĩa hát. Lần thứ hai, vào cuối một buổi đại hội cán bộ công nhân viên chức, khi người phụ trách căng tin đột nhiên đứng dậy đọc ra cả lô xích xông các thứ hàng mới về cùng lời tuyên bố xanh rờn : ai muốn có mặt trong buổi bốc thăm ngày mai phải ứng ngay mười đồng. Năm một chín tám mươi, cuối kỳ lương, mấy ai có sẵn trong túi những mười đồng ? Như mọi người mặt Lam vụt rạng rỡ lên rồi lại vụt trở về vẻ buồn rười vốn có. Ngó nhanh cô rồi Hoá rút ví, hí húi đếm, rồi Hoá kín đáo dúm mớ tiền cuộn tròn vào tay cô.

Một cô gái đã hai mươi sáu tuổi, mặt mũi quá thường, có một cái đầu to quá khổ, một tấm lưng dài và đôi chân ngắn ngắn có thể nào bỏ lỡ một dịp may như Hoá ? Ấy thế mà việc lại hỏng vì các lý do nghe đến là vô vãn. Nghĩ thế, nhưng khi... thóc đột nhiên mở miệng tâm sự, tôi cứ đục ra chả khuyên cô nổi lời nào.

Cần phải nói rõ do đâu mà kín miệng như Lam lại chọn tôi để thổ lộ cái sự vốn chẳng để nói này. Ngày đó các buổi trưa ở lại phòng chỉ có tôi với cô, mười phó tiến sĩ, kỹ sư rồi cử nhân kia đồn tất sang phòng bên chơi domino trừ bữa. Là dân học trong nước, ngoài tam cúc tôi chỉ biết có tú lơ khơ và *tiến lên*. Theo Lam luật chơi domino cũng đơn giản, ngó qua vài lượt khắc biết. Song chẳng lẽ tôi có thể mang cặp lồng cơm chắt ních thức ăn sang đứng bên những cái bao tử rỗng để mà “ ngó qua ” ? Là con gái Lam cũng có một cặp lồng cơm, nhưng tôi biết trong đó trên lượt cơm khô rời nếu không là vài lát cá khô rim cũng chỉ đôi ba miếng đậu phụ kho trắng. Một lần, nhân lúc Lam ra ngoài tôi đã mở vội nắp chiếc cặp lồng của cô bỏ vào mấy miếng thịt rán và một khúc cá quả kho. Khi mở cặp lồng, Lam nhủu mà *xpaxipol*¹ tôi, rồi nói : “ Ông thôi cái thói sinh viên đi, thời buổi hiếm hơi prôtít này ông hần phải vất vả mới có được chúng, giữ lấy mà dưỡng sức ”. Về cương quyết trên gương mặt Lam khiến tôi không lần nào dám lặp lại cái

việc này nữa. Nhưng từ đó lúc mỗi kẻ mỗi cặp lồng ngồi nhai Lam thôi chúm mũi vào các cuốn Sputnhik để trò chuyện linh tinh với tôi. Mỗi lúc đổ nước rửa cặp lồng xuống sân sau đúng ngó ra bên ngoài cô còn cao hứng hát vu vơ một câu : “ *Trong nắng thu vàng để mùa thu bay đi...* ”. Tôi thì biết gì những hát hỏng ? Nên chẳng thể nói Lam hát thế là hay hay dở, có thích nghe câu hát vu vơ đó chỉ vì nó khiến tôi cảm thấy đỡ cách biệt với cô, quên đi được tiếng con bài domino gõ chí cha chí chất ở phòng bên. Những tiếng gõ thường gọi cho tôi cảm giác lẻ loi, nhắc tôi nhớ đến miếng ăn hàng ngày và những điều gì hần chị đã rõ...

Trở lại việc Hoá đã ngỏ lời với Lam và bị từ chối. Việc này cũng diễn ra kín đáo y hệt các lần ghé chơi căn hộ riêng của Lam, lần dúm tiền cho cô vay hôm nào, nên ngoài họ chỉ tôi biết. Thấy rõ Lam tỏ ra buồn vì việc hỏng, nhưng biết tính cô cương quyết, đây chủ kiến tôi đành lặng thinh, mặc dù như đã nói, mấy điểm cô đưa ra để không chấp nhận con người Hoá tôi thấy cứ mờ mờ thế nào. Này nhé, đi Ba Lan về trong Cục có cả đồng, nhưng chỉ một mình Hoá tới giờ vẫn dư dật nhờ năm vali đầy ních vải satanh đen, với giá chợ đen mỗi tháng đẩy một quần, cộng lương, Hoá đủ thung dung sống. Chưa vợ con yêu đương gì, chị em gái không, mẹ hần ở cái xứ quê xa lắc xa lơ, đã mẹ kể lại còn đang sống với bố dượng, vậy mà khuôn về tới năm vali vải quần đàn bà ? Đó là tội thứ nhất của Hoá. Tội thứ hai : trừ Lam đổ ai ở Ban này vay nổi anh ta lấy một đồng. Tội thứ ba : tháng nào cũng bán quần cho các chị trong Cục nhưng chỉ dám ăn hai bữa một ngày, các đồng đội ra gửi tất tiết kiệm.

Bị cự tuyệt Hoá không biểu lộ một thái độ nào. Sáng chiều, vẫn ngồi bàn mình đọc viết đủ giờ. Trưa, ra nhập nhóm domino trừ bữa phòng bên. Vẫn ứng xử với Lam lịch thiệp, tự tin thế, và vẫn vồn vã thế với hết thấy các em trung cấp xinh đẹp đang giương bẫy mình. Một năm sau Lam chuyển cơ quan. Các buổi trưa thật buồn tẻ và dài, ngồi nhai cơm tôi không thể không nhớ đến cô bạn đồng nghiệp đầu to, lưng dài, có cặp chân ngắn ngắn. Đôi lúc tự hỏi : ở nơi làm mới có ô cửa nào cho Lam đổ nước rửa cặp lồng cơm, lẳng lẽ hát vào vu vơ cái câu “ *trong nắng thu vàng chiều nay để mùa thu bay đi...* ” ? Rồi, dù không hiểu, vẫn vợ vẫn thầm mong có một chàng trai tử tế, dùng nghèo, nhưng cũng chẳng dư dật bằng các vali vải satanh đen, tới với Lam, mang đi cái câu hát chẳng vui gì của một nỗi lòng vu vơ trống vắng...

Lại ba năm nữa trôi qua. Nhóm Hoá đã xin xong cái toilet công cộng, chúng tôi ít gặp nhau nhưng tháng tháng hần vẫn hiện diện trong các bàn soạn tính đếm rồi vay giật của đám chị em. Rồi một lần, trong kỳ đại hội công nhân viên chức, tôi bỗng giật mình thấy Hoá ở đúng cái vị trí năm nào đã ngó sang Lam, đã đếm đủ rồi dúm cho cô vay mười đồng. Giật mình hơn khi nhận ra tóc trên đầu Hoá sao còn lơ thơ quá. Hoá vốn mắc chứng rụng tóc vào mùa xuân, gần đây thì rụng quanh năm, có điều rụng tới mức này... thật ghê quá đi... ! Cuối năm đó, hần có suất đi Ba Lan, đi sáu tháng theo đề tài nghiên cứu. Sau đó sáu tháng được chuyển thành một năm rồi năm hơn... Về nước, nghe nói Hoá đem theo hần một côngtenơ toàn của “ độc ”. Thời gian này tôi đã nghĩ ôn thi nghiên cứu sinh chẳng có dịp nào trò chuyện cùng nhưng thấy nhau thì có. Hoá ăn mặc càng đúng một hơn, vải vóc quần áo toàn loại tốt chỉ vóc người nhỏ hần, gương mặt nom cứ như thế nào. Các đường nét xinh trai, linh hoạt, bừng sáng trời cho thật chẳng thể ăn nhập với tuổi tác, dưới các món tóc lơ thơ, trên làn da nâu

1. *Cám ơn* (tiếng Nga)

nhau, những mắt, mũi, môi nom sao ngơ ngác, lạc loài ? ... Lại nữa, vẫn vồn vã với lời đấ mà một vẻ gượng gượng nào đó cứ âm thầm lộ ra trong các ứng xử chủ động, lịch lãm.

Tôi thấy, tôi nghĩ, nhưng cũng chẳng dám chắc. Một kẻ bệnh hoạn, bất thường như tôi nhìn đâu chả ra những bất thường, bệnh hoạn ? Bằng chứng là hai tháng sau ngày về một mặt Hoá đơn áo tìm mua nhà, mặt khác chủ động chấp nối với cô trung cấp mà hai năm trước sau khi toan “ cho xong việc ”, hẳn phải “ bỏ người chạy lấy của ” vì sự kiện đến oái ăm : đôi xăng-dan cô gái tặng khi Hoá mang đi mới hay là của “ cầm nhầm ”, lại “ cầm nhầm ” của một anh chàng trong Cục...

Nhà đã mua xong, lời cũng đã ngỏ, thậm chí đã chở cô gái đi sắm sanh đồ này vật nọ, để rồi... lẳng lẳng tếch bằng một lối ra chả hay hóm gì. Ngoài cái xác lủng lẳng và mười đồng vắn gọn rắng xin lỗi rất nhiều vì đã làm phiền nhóm, phiền Cục, rằng quê chả còn ai nên nhà cửa, tài sản giao tất cho cơ quan. Còn gì để có thể chứng tỏ đã có một cuộc đời một anh chàng Hoá luôn cân nhắc, khôn ngoan ? Điên rồi thay !

Ngày nay, ngày mai và có thể nhiều ngày tiếp theo nữa cảnh sát sẽ làm việc, nhưng tôi biết các tìm kiếm rồi chả đi tới đâu. Điều khủng khiếp nhất là thế. Từ bấy tôi không sao thoát

khỏi Hoá, đi tới đâu, làm gì, nói cùng ai thì gương mặt có các món tóc lơ thơ ấy vẫn không ngừng săn đuổi tôi. Lại còn thêm cái mặt trắng của đêm nay nữa, từ chập tối nó đã thế, đỏ bầm, khắc khoải, hấp hối...

Chị ơi tôi thấy lạnh và sợ. Mà cũng chẳng còn gì để nói. Vĩnh biệt. Nếu có thể, cho tôi gửi lời xin lỗi An cầu mong có ấy hạnh phúc ”.

★

Cuối bức thư là một địa chỉ ở Vũng Tàu. Nói vĩnh biệt và gửi lời “ cầu mong ” tới An nhưng gã đàn ông vẫn hy vọng đây, có điều làm sao tôi có thể nối hân với được An ? So với cô bạn đồng nghiệp đầu to, lưng dài của hân An cổ điển của tôi còn “ chủ kiến ” và cương quyết bằng mấy. Đút trả bức thư vào bì bất giác tôi ớn lạnh, hai bàn tay run lấy bẩy. Bên ngoài, trên khoảng sân hẹp tí vẫn dập dờn thứ ánh sáng lạnh lảnh đỏ, di thường, ma quái... Để trấn an mình tôi lập cập xé một bì thư trong số thư gửi lũ trẻ làng Sơn, thư này của một người tên Barry Mahon gửi cô bé Nguyễn Thị Thảo...

Phạm Thị Minh Thư (1. 1995)

(**Văn Nghệ Quân Đội** tháng 3. 1995)

Diễn sách

Vũ trụ - Phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại

Tác giả : Nguyễn Quang Riệu, giám đốc nghiên cứu Đài thiên văn Paris

Người giới thiệu cuốn sách này, từ khi thủ làm một ký giả khoa học không chuyên nghiệp, vẫn khao khát trong từng ngành có những chuyên gia để tâm viết các tác phẩm tiếng Việt, vừa có thẩm quyền, vừa thích hợp với trình độ và văn hoá Việt Nam. Vì thế, cầm trong tay cuốn **Vũ trụ - Phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại**, thật bồi hồi như được bát nước khi nấng hạn, đọc rồi lại thấy nước càng mát không ngờ. Cuốn sách này chỉ có một, và nếu dịch ra tiếng Anh, Pháp thì vẫn không hai. Những nhà khoa học muốn phổ biến kiến thức trong ngành mình rất nên tham khảo, vì theo thiên ý tác giả đã tìm ra công thức tốt đẹp nhất cho đến nay.

Sách chia làm 44 tiết, mỗi tiết chưa đầy hai trang rất dễ đọc, nhưng lại có tính tổng hợp rất cao như một tóm tắt giáo trình khoa học. Các tiết tương đối độc lập, người thấy khó hay ít thì giờ có thể đọc rời rạc mỗi lần vài tiết. Nhưng các tiết lại có trật tự và hỗ trợ cho nhau nên khi đọc chung lại, hiểu biết càng tăng thêm. Ba tiết đầu về lịch sử thiên văn phương Đông, rồi tới lịch sử thiên văn phương Tây, rồi những tiết khác trả lời đầy đủ những câu hỏi người tò mò nhất có thể đặt ra về vũ trụ, như : **Có sự sống ngoài trái đất hay không ?** (tiết 33) ; **Những biện pháp phòng ngừa thiên thạch rơi xuống trái đất** (tiết 39)... Người giới thiệu không thể không chia sẻ một khám phá lý thú riêng như tiết 28 : **Phân tử hữu cơ trong vũ trụ**. “ **Kho rượu** ” trong trung tâm dải Ngân hà « ... *kho rượu thiên nhiên quý báu đó có thể cung cấp rượu trong 5 triệu tỉ năm cho toàn thể nhân loại có hiện nay, dù ai cũng uống mỗi ngày một chai...* ». Xưa Khổng Minh ngồi trong lều cỏ mà biết được vận mệnh thiên hạ, cũng không thể bằng các nhà vật lý thiên văn chỉ dùng viễn vọng kính, khả kiến (visible) hay vô tuyến (radio), mà thấy cả vũ trụ trước đây hàng tỉ năm cho

đến bây giờ. Đó là do vận dụng cả một kho kiến thức khoa học đồ sộ trong các ngành vật lý cơ bản, từ cái vô cùng nhỏ tới cái vô cùng lớn, kho kiến thức được tác giả tóm tắt, giới thiệu và minh hoạ bằng những chi tiết lý thú, dễ hiểu. Ngành vật lý thiên văn cũng góp phần ngược lại vào việc nghiên cứu vật lý cơ bản, vì đúng như tác giả đã đặt tên sách, vũ trụ là một phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại.

Để minh hoạ cho 44 tiết mục đó là 53 hình ảnh và đồ thị thật đẹp với chú thích rất súc tích. Có những tư liệu về vũ trụ học thật độc đáo như của Trung Quốc cổ không thấy đâu có trong những cuốn sách phổ biến thiên văn Âu Tây. Một thí dụ về văn tài của nhà giáo dục, chú thích cho hình số 9 : « *Không thời gian có thể ví như một tấm vải căng thẳng. Nó bị cong ở những vùng có khối lượng như tấm vải bị trũng ở chỗ có một quả bóng quần vợt. Hạt photon (tức là bức xạ ánh sáng) khi truyền tới vùng không - thời gian cong, bị lệch hướng, như một quả bóng nhựa nhẹ đang chạy thẳng, rồi lăn xuống chỗ trũng, ở vị trí quả bóng quần vợt* ».

Một điểm son của nhà xuất bản Giáo Dục : trái với các sách báo ra lò gần đây ở Việt Nam, nhan nhản những lỗi chính tả rất bực mình, đọc cuốn **Vũ trụ - Phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại** từ đầu đến cuối, không thấy bị chướng ngại gì. Tuy nhiên có một thắc mắc, tại sao bài bạt (hay giới thiệu ?) rất lý thú của bác Hoàng Xuân Hãn, lại để trước sách với tựa là “ *lời bạt giới - thiệu sách* ”? Thường là giới thiệu để trước, còn lời bạt (postface) để sau.

Sách này tác giả viết để chuẩn bị cho Hội nghị thiên văn thế giới sẽ tổ chức ở Việt Nam nhân dịp ngày 24.10.1995, ngày nhật thực toàn phần ở Việt Nam, từ Phan Thiết tới Lộc Ninh.

Hàn Thuỷ

Nhà xuất bản Giáo Dục, Thành phố Hồ Chí Minh, 1995 ; có bán tại Maison du Vietnam (23 rue du Cardinal Lemoine, Paris 5) ; Centre Culturel Franco-Vietnamien (24, rue des Ecoles, Paris 5) và Vietnam Diffusion (142, Bd Vincent Auriel, Paris 13) ; giá 60 FF.